

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỔ BIẾN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CỎ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ V — BỘ MỚI SỐ 73 — 15-1-1962

- 1.— Xin đừng xúc phạm đến
Văn-tự Việt-Nam. Nguyễn Vỹ 6 — 9
- 2.— Cho đến sáng (truyện ngắn) . . Nguyễn khắc Thiệu 10 — 19
- 3.— Từ tên các con đường đến tên những
đanh nhân Nguyễn Triệu 20 — 22
- 4.— Khoa học và dị đoan : Mèo chết,
Chuột tăng, Múa mất ? Bùi văn Hồng 23 — 25
- 5.— Riêng (thơ) Triền Triền 26
- 6.— Những áng thơ hay Thăm Thệ Hà 27 — 33
- 7.— Chàng sinh viên Đức và cô gái
liều trai (truyện ngoại quốc) Duy Dân 34 — 41
- 8.— 4 — 1, kỷ-niệm văn hào Albert Camus Từ trâm Lệ 42 — 48
- 9.— Hận tình đời (thơ) Võ đình Dzu 49
- 10.— Tuấn, chàng trai nước Việt Nguyễn Vỹ 50 — 55
- 11.— Đập cổ kính ra B.s. Hoàng Mộng Lương 56 — 59

- 12.— Ký giả thuở trước Tê-Xuyen 60 — 64
- 13.— Nghi án lịch sử Phồ Thông 65 — 68
- 14.— Minh ơi ! Diệu Huyền 69 — 75
- 15.— Chuyện lạ kim cổ Điền-Sơn 76 — 80
- 16.— Nhân vật xuân thu : Tấn văn Công . . Thiếu Sơn 81 — 87
- 17.— Mẹ và con (truyện rút ngắn) Thăm thệ Hà 88 — 94
- 18.— Nước trà : Bà B. Th. 95
- 19.— Một giấc mơ hoa Duyên Hồng 96 — 100
- 20.— Ráng cán đang đoan bài loạn Ba Tèo 101 — 102
- 21.— Sách báo mới Phồ Thông 103 — 104
- 22.— Thơ lên ruột Diệu Huyền 105 — 106
- 23.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài) Nguyễn Vỹ 107 — 113
- 24.— Đáp bạn bốn phương Diệu Huyền 114 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cảo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

★ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-liên trích dùng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu để rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đứng viết tắt.
Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHO-THONG, printed in Viet-Nam.

XÃ-LUẬN

X I N

ĐỪNG

X U C

PHẠM

Đ Ế N

V Ậ N

T Ự

VIỆT

N Ậ M

★ NGUYỄN-VỸ

C HỨNG tôi hoàn-toàn đứng trên lĩnh-vực văn-hóa mà yêu-cầu quý ông Dân-biểu Quốc-Hội đừng xúc-phạm đến tiếng mẹ-đẻ của dân-tộc Việt-Nam.

Quý ông đứng nói trong tòa nhà Quốc-hội, một tiếng nói của quý ông vang ra khắp nước và khắp cả thế-giới : đó là một vinh-

dự cho tiếng Việt-Nam. Vậy xin quý ông hãy bảo-vệ cho tiếng nói thiêng-liêng ấy, để được người ta tôn-trọng nó, và chiêm phục nó. Để chứng tỏ cho ngoại-quốc thấy rằng tiếng nói của người Việt-Nam rất đẹp-đẽ, rất trong-sạch, rất văn-minh.

Dù sao chăng nữa, các ông cũng là đại-diện cho một dân-tộc có hai nghìn năm Văn-hóa mà tư-tưởng đã được phô-bày trong các áng văn-chương hoa-lệ được người ngoại-quốc mến phục. Xin các ông đừng để các nước văn-minh chế cười mỉa-mai, làm tưởng rằng tiếng Việt-Nam hổ-lốn, không đầy-đủ, kém tể-nhị và khả-năng.

Mấy tuần qua, trong các bản thuyết-trình, trong các cuộc bàn cãi sôi-nổi, nhiều ông dân-biểu đã dùng những danh-từ, những chữ, phản-bội lại tiếng nói tinh-khiết của người Việt-Nam, như những chữ « Lành-mạnh-hóa », « mua bán mãi-dâm », « lưu-ý », « đón-đầu », v.v...

● « Lành-mạnh hóa » không phải là tiếng Việt, cũng không phải là tiếng Tàu. Nếu muốn dùng chữ Hán có thể nói : « KHƯƠNG-KIỆN-HÓA », còn tiếng Việt thì phải nói : « LÀM CHO LÀNH-MẠNH ».

Chớ thấy các sách báo Tàu có những chữ : « giản-đị hóa », « hợp-thức-hóa », « ái-hôn » v.v... rồi bắt chước đặt ra « lành-mạnh-hóa » !

Đặt chữ sai-lầm như thế, cố ép dùng nó thành một thông-lệ, rồi sau này mạnh ai nấy đặt ra những chữ khác như « vui-vẻ-hóa », « sung-sướng-hóa », « to-lớn-hóa », « hổ-lốn-hóa », cũng được ư ? Nếu thế thì tiếng Việt sẽ bị « man - di - hóa » rồi còn gì ? Chúng ta có hành-diện nói một thứ tiếng « xà-ngầu » như thế không ?

Người ta có thể đặt ra những tiếng mới, (không ai cấm !) để bù-đắp vào những khuyết-diểm của ngôn-ngữ, nhưng trong ngôn-

ngữ nước nào cũng thế cả chỉ phải đặt theo một nguyên tắc nhất định về văn-phạm hoặc ngữ-nguyên, để bảo-vệ cho Văn-tự được thuần-túy, duy-nhất. Chứ đâu phải ai muốn tự-động đặt thêm ra chữ mới, một cách vô trật-tự, vô trách-nhiệm, phi-nguyên-tắc mà được ư? Chúng tôi rất ngạc-nhiên thấy một số ký-giả các báo hiện nay cũng bắt chước dùng động-từ « *lành-mạnh hóa* » của một vài ông Dân-biểu Quốc-hội.

Chúng tôi đã làm thính lâu ngày, nay thấy tiếng mới vô-nghĩa ấy đã gần như được « *chính-thức-hóa* », nên buộc lòng chúng tôi phải lên tiếng. Chúng tôi mong rằng đa số người Việt-nam tự trọng hãy cố gắng giữ-gìn Văn-tự Việt-Nam khỏi bị xúc-phạm một cách công-nhiên như thế.

● Một vài ông Dân-biểu đã lặp đi lặp lại nhiều lần câu : « Phải bỏ tù cả những người *bán mãi dâm*, và những người *mua mãi dâm* ».

Xin mạn phép nhắc sơ qua để các ngài Dân-biểu Việt-Nam nhớ rằng : *MẠI DÂM* tức là *bán dâm*. Vậy thì không thể nói « *mua mãi dâm* » và « *bán mãi dâm* » được.

● LƯU Ý, hày là CHÚ Ý, có nghĩa là đặc-biệt để-ý đến : « Xin các bạn *lưu-ý* đến vấn-đề này ». Nhưng có nhiều ông Dân-biểu, và nhiều nhân-vật trong các giới chính-quyền thường nói và viết : « Tôi xin *lưu-ý* quý vị... ». Dùng động-từ « *lưu-ý* » như thế là hoàn-toàn sai-lầm.

Chúng tôi hiểu rằng dùng động-từ « *lưu-ý* » như các ông là muốn dịch câu Pháp-ngữ « *J'attire votre attention sur...* », nhưng chính câu tiếng Pháp này cũng có nghĩa là « *Tôi xin quý vị lưu-ý đến...* » chứ dịch « *Tôi xin lưu-ý quý-vị* » là đảo-lộn cả câu

lưu-ý. Văn-phạm Sơ-đăng cũng dạy cho ta rằng không thể làm-lăn chủ-từ và túc-từ được.

Dám mong các ngài lưu-ý cho, để cho Văn-tự Việt-Nam khỏi bị làm-lạc bê-bối.

● Nhiều tiếng kép của Việt-nam phải dùng y-nguyên theo cấu-tạo bảm-chất của nó như một đơn-từ vậy. Đảo lộn lại, nó sẽ mất nghĩa và trở thành lỗ-bịch. Một vài ông Dân-biểu đã nói trong các phiên nhóm Quốc-Hội vừa rồi những tinh-từ lạ-lùng, như « *đơn-đau* ».

Yêu-cầu quý ông giữ tiếng nói thuần-túy của người Việt, vì người Việt nói : ĐAU-ĐỚN, VUI-VẺ, SƯNG-SƯỞNG, LỘN-XỘN ; chứ không nói *đơn-đau*, *vẽ-vui*, *sưong-sung*, *xộn-lộn*, v.v...

Những tiếng kép đó đã thành ra những đơn-từ không phân-tách ra được nữa. Chúng nó tuy là hai chữ nhưng đã dính lại với nhau như một chữ. Xin đừng tách ra và đừng đảo lộn lại.

T ất cả những ngôn-ngữ văn-minh đều có một kỹ-luật. Một ngôn-ngữ tốt-đẹp không khác nào một người đàn-bà diễm-lệ. Người đàn-bà nào cũng lo gìn giữ sắc đẹp của mình. Một dân-tộc nào cũng phải biết bảo-vệ văn-tự của mình.

Tiếng nói là linh-hồn của Nòi-giống.

Bồi lợ tiếng nói mẹ đẻ, là bồi lợ Tổ-quốc.

N.V.

CHO ĐÈN SÁNG

★ NGUYỄN-KHẮC-THIỆU

«...**L**ẽ ra thì anh không bao giờ nói với em những điều đó, bởi lẽ chuyện của chúng ta là chuyện đã rồi. Nói ra không lợi chi cho hạnh phúc của hai đứa mà còn làm cho em khổ. Nhưng không nói thì anh bứt rứt khó chịu, luôn luôn sống dưới những đè nặng của dày vò. Mà những bứt rứt đó lắm lúc làm anh không đề nên nỗi anh đã đề cho bộc lộ bằng những thái độ không được hòa nhã với em. Những thái độ đó làm em khổ sở, gây nơi em những ấn-tượng hãi hùng về mai sau của chúng ta. Hơn nữa những thao thức trần trọc của anh luôn luôn xảy ra sát bên em, khiến em không thể yên tâm được. Em đã lắm

Lẽ ra thì anh không bao giờ nói với em những điều đó...

lần thắc mắc về cái sống bên trong của anh. Em vặn hỏi Anh không nói và em đã sụt sùi khóc. Mỗi lần em tỉnh giấc giữa đêm, bắt gặp anh đang thao thức qua những tiếng thở dài não-nuột, em lại khóc ầm ục. Hai đứa mình sát bên nhau trên một chiếc gối, thế mà tâm tư xa cách nhau nghìn trùng. Anh không nói ra thì em khóc, mà nếu nói ra thì em khóc suốt đời.

Lẽ ra thì anh không bao giờ nói với em những điều đó, nhưng biết làm sao. Không lẽ suốt đời chúng ta cứ sống bèo

nhau trong những ầm ục riêng tư này sao ?

Em đừng khóc nữa, thế nào anh cũng nói thật với em.

À, em nhắc lại thuở mới biết nhau, chúng ta đã sống trong đêm ầm. Điều ấy anh cũng thấy có, và cũng nhờ thuở đó mà bây giờ mỗi lúc anh khổ sở, anh lại quay về tìm trong dĩ vãng những vuốt ve, những thoa dịu giả tạo của thuở mới quen nhau. Nhưng đừng nhắc lại nữa. Chính thuở đó đã dẫn chúng ta đi sâu vào những dầy vò hôm nay.

... Vâng, thì anh đa cảm. Đọc thơ anh đăng trên các báo, em thấy anh đa cảm, nhiều tưởng tượng. Nhất là khi cuốn thơ «thao thức» của anh xuất bản, em lại càng hiểu anh hơn. Cuốn đó cô đọng được đời sống tinh cảm của anh. Nhờ cuốn đó, anh mới gặp em. Vâng, anh rất thành thật trong thơ anh, trong tác phẩm của anh. Em đã nói em rung động trước sự thành thật đến thiết tha, van lơn của anh. Và vì sao anh thiết tha đến thế, chắc em chưa biết, vậy thì nhân đây anh cũng nói luôn cho em biết.

Chắc em cũng thấy anh chưa lớn tuổi lắm, ở một tỉnh nhỏ

như tỉnh Quảng Trị, chưa có trường trung học riêng cho nữ sinh, cho nên những lớp anh dạy đều hỗn hợp cả nam và nữ. Học sinh đều đã đến tuổi khôn lớn và xấp xỉ tuổi với thầy. Điều này nói ra, người lớn cho là một điều xấu xa, lỗi lầm không nên nói. Nhưng ngày nay đã là vợ chồng, anh chẳng cần phải dấu em. Và lại theo anh nghĩ cũng chẳng đáng dấu nữa. Có gì mà dấu. Anh vốn đa cảm, anh lại dạy môn văn chương thì tránh sao khỏi rung động khi thoáng thấy trên những nét mặt của học sinh những xao xuyến, những rung động qua những chớp mắt, những cái nhìn chan chứa thiết tha. Anh nói thật là anh đã rung động rất nhiều trước những vẻ đẹp ngây thơ hồn nhiên của học-sinh. Anh đã xao xuyến bằng khuâng khi đọc được trên nét mặt một vài nữ sinh những thiện cảm chân thành đối với anh. Nhiều đêm anh đã trằn trọc khi sự nhớ lại cái vẻ ngập ngừng của một nữ sinh lên trả bài. Những buổi chiều anh đã xót xa khi thấy một tà áo lụa mong manh trong nắng vàng. Nhưng địa vị thầy trò, lương tâm nghề nghiệp bắt anh đề nên tính cảm anh xuống. Tuy nhiên, tìm anh nó có lý do của nó. Và điều không

tránh được là anh đã yêu rất nhiều... Yêu trong tình yêu tuyệt vọng. Anh không bao giờ có thể tỏ bày tình yêu đó cho người anh yêu. Rồi những người anh yêu đó biến thành những đề tài trong tác phẩm của anh. Đọc thơ anh, em rung động cũng vì thế. Tuy tình yêu của anh không được đáp lại nhưng mỗi lần đến trường dạy học, anh lại thấy tâm hồn anh bớt cô đơn, thấy cuộc đời anh bớt trống lạnh. Em nói cũng có thể đúng. Vâng, có thể vì anh tìm nơi học sinh những nguồn an ủi nên anh tận tâm với công việc dạy học, nhờ thế mà lời giảng giải của anh có phần hấp dẫn. Quả thế. Chỉ có tiếng nói chân thành mới làm người nghe rung động được. Em cho rằng học trò mến anh là vì tình thầy trò tự nhiên, như con cái yêu thương cha mẹ. Cũng có như vậy, nhưng riêng anh, anh thấy thương học trò của anh lắm. Anh đồng ý với em, vâng đôi khi anh đã lầm lẫn tình thương với tình yêu. Chưa chắc là anh đã yêu học trò, mà anh chỉ mến các em đó, như mến thương mấy đứa em trong nhà. Thật ra anh cũng không biết là anh thương hay anh

yêu. Tuy nhiên anh đem đời sống tình cảm của anh phó thác trọn vẹn vào học sinh, vào công việc dạy dỗ. Yêu thương học sinh để yêu thương công việc thì đâu có trái với lương tâm. Anh biết vậy, nhưng anh lo sợ vì đôi khi ý nghĩ của anh lại chỉ quay về với vài học sinh nào đó. Cổ nhiên là anh công bình, vô tư và từ mấy năm nay, dư luận chưa bao giờ đề cập đến việc anh thiên vị đối với học sinh, nam hay nữ.

Em đề anh nói hết. Anh không giấu em đâu. Anh sống ở Quảng Trị, xa quê hương, xa tất cả mọi thứ tiêu khiển, xa hẳn cái rộn rịp náo nức của Saigon, mà anh ít buồn là vì anh đã tìm thấy an ủi nơi đám học sinh hồn nhiên, ngoan ngoãn ấy. Anh tưởng nếu còn ở Quảng Trị thêm vài năm nữa thì anh cũng coi tỉnh đó như chỗ chôn nhau cắt rốn. Nhưng anh vẫn khổ.

Nhưng em biết rằng anh không phải là gạch giáo sư chuyên môn. Anh ở gạch khác và khi dời ra Quảng Trị, không biết thượng cấp nghĩ thế nào mà biệt phái qua ngành giáo-dục. Anh đi dạy học, chỉ là một sự tình cờ.

Cho nên khi anh dời vào Qui-Nhơn, anh lại trở về đời sống một thư ký trong công sở. Ban đầu nghe dời về chức vụ cũ, anh mừng. Bởi vì làm thư ký, đâu là chủ sự, anh cũng tránh được cái nạn chấm bài, soạn bài, giảng bài khô cả cổ. Khi từ giả Quảng - Trị, anh đứng đung thân nhiên, thân nhiên cho đến khi đứng trên tàu nhìn xuống sân ga thấy các em nam sinh ngo-ngẩn, bơ vơ, các em nữ sinh đỏ hoe cả mắt, có em nước mắt chảy ròng ròng. Nhưng chỉ được một lúc. Đến khi xe lửa ra khỏi địa phận Quảng-Trị, anh mới thấy rõ cái man mác, thấm thía của một cuộc biệt ly. Tuy nước mắt không chảy, nhưng anh cũng thồn thừ buảng - khuâng. Có cái xa cách nào mà không buồn hờ em... anh rất hối hận đã có thái-độ dửng dưng vừa rồi.

Nhưng buồn nhất là khi trở về công việc của một công chức. Buổi sáng đến sở từ bảy rưỡi, mười hai giờ về, trưa ngủ vội vàng mười phút đã đến sở cho kịp hai rưỡi, chiều năm rưỡi bãi. Ngày nào cũng như ngày nào, cũng công việc đó, cũng nhìn năm ba nét mặt lặng lẽ đó. Chán nản không tưởng tượng được. Em không có tâm

trạng của anh, nên em khó mà tưởng tượng được những chán chường bức dọc của anh. Từ đó anh nhớ quay quắt tỉnh Quảng-Trị, nhớ các em học-sinh đứt cả ruột, nhớ lối sinh-hoạt đồng đức của nghề dạy học. Buồn nhất là những buổi chiều một mình đi thơ thẩn trên bờ biển Mỹ-Khê. Anh xót xa nhớ nhung, và cứ một mình đi mãi, đến tối anh cũng không muốn về. Anh không dám về nhà nhìn cái trống rỗng vô vị của gian phòng. Anh vất vơ vất vương trên những con đường vắng, hoặc la cà trong các quán giải khát. Nhưng nào có quên được. Vào Qui-Nhơn là xa hẳn các em, xa hẳn bạn bè. Mấy người cùng làm với anh ở phòng giấy tại Qui-Nhơn thì quá lớn tuổi, anh hoàn toàn không tìm được nơi họ những chút thông cảm, những chút tương đồng.

— Em bảo anh đến nói chuyện với các ông ấy đề đỡ buồn? Không em ạ, anh đã đến và trong câu chuyện trao đổi họ, anh chỉ thấy lạc lõng và anh lại càng khổ sở hơn.

May mắn cho anh là anh được gặp em ở đây. Anh không nhớ là em đã học ở Quảng-Trị với anh năm nào nhưng khi

thoảng thấy em ở hiệu sách Đại-Chúng, anh thấy quen quen và nhớ ra là một người học-trò cũ. Anh chơi với, anh rồi rít gọi em. Em còn nhớ nét mặt và cử chỉ vồ vập của anh lúc đó. Em thì không lộ vẻ mừng lắm. Lúc đó đã trưa anh không tiện giữ em nói chuyện lâu, anh hỏi chỗ ở của em. Em ở đường Quang-Trung, anh nhớ số nhà và chiều hôm đó anh đến thăm em. Nhờ có em anh mới biết thêm là ở Qui-Nhon còn có hai người học-trò cũ ở Quảng-Trị theo cha mẹ dời vào đây, đó là Mai và Yến. Em đã dẫn anh đến thăm Mai, đến tìm Yến nhưng Yến lại đi vắng. Em còn nhớ chiều hôm đó chứ. Hôm ấy trở về sau không ngày nào là anh không tìm đến em. Thấy em như thấy trọn vẹn cả học-sinh Quảng-Trị. Anh đã tìm thấy nơi em cả một êm đềm, ấm cúng của kỷ-niệm cũ. Từ đó anh cảm thấy bớt lạc lõng. Nhưng anh đã lầm. Anh còn nhớ hôm thứ sáu thứ bảy gì đó anh đến thăm em, người nhà nói em đi vắng nhưng nhìn vào, anh thấy em ngồi với mấy người bạn trai nơi phòng khách. Em có nhớ những người bạn em chiều hôm đó không? Để anh kể em nghe, này Kim, Quảng, Phan, Dũ. Anh có quên đâu. Em đừng cãi.

Sự khước từ của em như một gáo nước lạnh tạt vào mặt anh. Anh bị thương tổn rất nhiều trước mặt các bạn em. Anh đến thăm em những lúc đó thiệt ra đâu có ý nghĩ gì xằng bậy. Anh cũng đã nói với em nhiều lần rằng anh bị bơ vơ ở Qui-Nhon, anh nhớ Quảng-Trị, đến thăm em để cùng em ôn lại kỷ-niệm của ngày qua. Hơn nữa em cũng đã thấy anh đa cảm. Anh ước ao có người bạn, bạn gái lại càng quý, để chiều chiều cùng anh đi dạo mát, nhất là đi trên bờ biển Mỹ-Khê. Anh nặng tình với thiên-nhiên, bị ràng buộc chặt chẽ với cảnh trời biển núi non. Nếu một mình anh đến những chốn đó thì tuy cái mơ mộng anh được thỏa mãn nhưng đồng thời anh lại càng thấy rõ cái lạc lõng trôi nổi của anh trước trời cao biển rộng. Anh muốn rằng em là người bạn của anh để cùng hòa mình với anh trong vẻ đẹp muôn thuở của Trời đất núi rừng...

Nhưng anh đã lầm. Em đã từ chối không tiếp anh và vì thế anh lại càng đau khổ. Anh cũng đã tìm đến Mai đến Yến. Nhưng đến thăm hai cô đó, anh lại không gặp Mai và Yến trong câu chuyện vì cha mẹ Mai và Yến ra tiếp anh một

cách quá trọng thể — anh là thầy học của hai cô đó —. Mai và Yến ra cúi đầu chào anh, bưng đến cho anh một chén nước rồi lui vào nhà trong để anh nói chuyện với người lớn. Đến khi cáo từ, Mai và Yến mới thập thò sau cửa cúi chào anh. Lần nào cũng thế. Cho nên trước sau anh vẫn là người cô độc, vẫn là người nặng lòng với không-khí của dĩ-vãng. Đã vậy, thái độ tàn nhẫn của em làm anh thấy tủi nhục, xót xa.

Hoặc là em hiểu lầm về sự dửng dưng của anh? Hoặc là em không thêm nghĩ đến anh bởi vì em còn nhiều bạn.

Anh lúc bấy giờ thấy rằng cần phải có em, có em mới bớt được cái tro tro, trống rỗng, nhất là những buổi chiều tan sở. Một mình trên các nẻo đường phố anh cảm thấy tội nghiệp cho anh quá; đôi khi về đến nhà chưa kịp thay áo quần, thấy cái giường khó khăn, cái bàn viết lạnh lẽo với mấy chồng sách cũ kỹ, anh ứa nước mắt lại quay ra phố, miệt mài trong các quán rượu để đến khuya mới về. Về đến nhà nếu say mà ngủ được thì quý, còn say cả - phê ngủ không được, nhìn trăng qua cửa sổ anh lại thấy xót xa đau thương

và cảm thấy buồn ngủi cho thân phận anh hơn lúc nào hết.

Anh cảm thấy cô đơn của anh có cái gì ray rứt, thê thảm. Làm thế nào, để có em trong mọi suy nghĩ, làm thế nào để em hiểu rõ sự dửng dưng thẳng thắn của anh?

Từ đó ý nghĩ của anh không lúc nào không hướng về em. Anh đã yêu em vì thấy cần đến em.

Sau đó thì anh đối với em như thế nào em đã rõ. Anh cố gắng với tất cả khả năng của anh để tỏ cho em biết là anh cần có em hơn tất cả những người bạn trai lui tới thăm viếng em. Anh đã chiều chuộng em tất cả mọi ước muốn của em. Không tin, em dậy bật đèn mở tủ xem, cả tủ đó đựng toàn quà của anh tặng em, toàn là quà quý giá. Để đoán được ý em là anh tìm cách làm vừa lòng em liền. Anh không phải là hạng đàn ông tính toán nhưng em thử xem cả tủ đồ chơi ấy biết bao nhiêu tiền. Thế mà lúc đó em biết anh cần đến em, em cũng cứ thản nhiên với anh như với người khác, vẫn những lễ lối xã giao nơi phòng khách. Em tỏ ra cao đạo, kiêu cách, qui phái. Anh không nản lòng.

Anh lại càng chiều chuộng, càng săn sóc em. Không hiểu sao lúc đó anh chỉ biết có một việc là tìm cách làm vui lòng em cho được. Anh đã van nài em không biết bao nhiêu lần để em cùng đi dạo biển với anh một buổi, mà em từ chối, bà mà em lúc đó ở xa em, có đi dạo với anh một buổi cũng chẳng sao. Cho đến năm sau em mới nhận lời đi chơi phố với anh cùng với cả một số bạn gái của em vào đêm Noel. Em vẫn không chịu một mình đi với anh. Tuy thế anh cũng vui không biết mấy. Anh đã hân hoan tuân theo mọi điều kiện của em, của bạn em hôm đó. Suốt trong buổi tối đi dạo phố anh đã lo lắng, đã phập phồng cứ sợ làm phật ý em, em bỏ về nửa chừng. Hôm đó anh chiều chuộng em ra sao em còn nhớ. Nhưng sau hôm đó anh lại trở lại, lại lạc lõng. Em vẫn đối với anh như trước, vẫn không tiến thêm gì. Anh lấy làm khó chịu. Bởi vì em không hề đáp lại một trong muôn ngàn ước muốn giản dị của anh. Anh đã khổ sở như vậy đến hơn một năm nữa. Lúc đó ở Qui-Nhon chỉ có em mới đem lại cho anh những ấm cúng, những thân mật của Quảng-Trị. Anh cũng chỉ biết có mình em.

Giải pháp cuối cùng của anh là chính thức hỏi em làm vợ. Anh đã nhờ người lớn và anh đã theo đúng mọi nghi thức khá phiền phức để đi hỏi em.

Em nhận lời. Gia - đình em ưng thuận.

Thế là từ đó anh được tự-do lui tới viếng thăm em. Người nhà không còn ra bảo với anh là em đi vắng. So với bạn bè em, anh là người ưu tiên trong mọi phương diện, nhất là đời sống tình cảm của em. Em là của anh. Bạn bè em vẫn là bạn bè nếu từ đó chưa trở nên xa lạ...

Anh thoải mái trong tâm trí. Tưởng rằng đã yên ổn nhưng đã hỏi em rồi mà vẫn thấy như cũ. Chiều chiều anh vẫn một mình bách bộ trên bãi biển, đêm đêm anh một mình thao thức với cái vắng vẻ mênh mông của bóng tối. Và anh vẫn chưa tìm lại được thời ấm cúng của Quảng-Trị.

Em vẫn chưa chịu đi dạo với anh mỗi buổi chiều. Em sợ «thiên hạ dị nghị» và anh vẫn là anh của trần trọc, của bơ vơ lạc lõng. Đã bán chính thức là vợ, mà anh vẫn phải cư xử với em như khi chưa đi hỏi. Anh chỉ có khác một điều là

được ưu tiên đối với bạn em. Chỉ có thế.

Vậy chỉ có cưới em mới ổn thỏa nếp sống tình cảm của anh. Anh định ninh rằng cưới em là giải quyết được tất cả.

— Theo ý em, bao giờ anh cũng theo ý em vì có thế mới tỏ cho em biết là anh thành thật yêu em, quý em hơn tất cả bạn bè đối với em. Theo ý em anh đã tổ chức lễ cưới rất linh đình. Tồn phí rất nhiều. Bây giờ anh mới nói thẳng cho em biết rằng anh không giàu có như bề ngoài anh đã phô trương. Gia đình anh không nghèo nhưng không giúp đỡ gì cho anh từ ngày anh rời ghế nhà trường. Lương anh tuy to, nhưng sống độc thân, xa gia đình nên cũng vừa tiêu vào những nhu cầu hàng ngày. Còn từ ngày vào đây, không đêm nào anh không uống rượu mạnh. Uống cho đỡ buồn. Tiền rượu, café của anh hàng tháng có khi đến nửa số lương. Nếu có dư thì cũng vừa đủ sắm quà cho em. Có khi phải mượn thêm bạn bè, mượn trước tiền lương để chiều ý em và để tỏ cho em thấy anh giàu có, hào phóng. Đối với em chỉ

có vật chất mới làm em vui lòng. Còn anh, anh chỉ mong em ban bố cho anh trọn vẹn Tình Yêu.

Cưới em xong, anh mang thêm nợ. Nhưng anh vẫn chưa lấy đó làm buồn, chưa lấy đó làm lo. Bởi vì anh còn hai cánh tay, còn một bộ óc là anh có thể vì em làm tất cả mọi công việc dầu vất vả hay nguy hiểm, miễn là được em yêu, được em đem lại hạnh phúc. Tin như vậy cho nên trước khi cưới anh biết thiếu hụt anh vẫn chiều theo ý em. Có tình yêu của em thì thiếu hụt vật chất cũng chưa gọi là nghèo được.

Nghĩ rằng cưới em là giải quyết được vấn đề tình cảm, anh tin rằng tình yêu của em sẽ nâng đỡ anh — có tình yêu là có tất cả.

Nhưng anh đã lầm. Anh đã tính sai một bài toán hệ trọng nhất trong suốt cả một đời người nên bây giờ đêm đêm nằm bên em anh vẫn cảm thấy xa lạ. Em vẫn chưa thay thế được hình ảnh của học sinh Quảng-Trị. Và tình của chúng ta đối với nhau chưa phải là thứ tình anh tìm kiếm. Anh tìm đến em cũng chỉ là để bớt

cô đơn, và anh cưới em, chiếm đoạt em. Bây giờ anh mới hiểu là chỉ để thỏa mãn tự ái mà thôi.

Người đàn ông trợ trợ, bơ vơ không phải vì thiếu một người bạn gái. Người đàn bà không thể mang trọn cái cao đẹp vĩ đại để có thể đem đến cho cuộc sống của người đàn ông những ý nghĩa, những hình ảnh lý-tưởng. Và nhất là em, đối với anh em chưa thay thế được gì cả. Trên bãi bể Mỹ-khê anh muốn đời vẫn là người bộ hành lạc lõng. Anh vẫn đi thơ thần lang thang. Chiếm đoạt được một người con gái về phần mình, người đàn ông vẫn chưa lấy đó làm tự hào. Anh tưởng chiếm được em là anh đã đắc thắng. Nhưng trong đêm tân hôn, khi buồng ra, em thêm thiếp ngủ, anh thao thức và anh thấy rõ cái trống rỗng bi đát của anh lúc đó. Sau hơn hai năm vất vả, lận đận với em, để rồi đêm nay sau phút ân ái ngắn ngủi, anh lại vẫn rơi vào cái cô tịch thường xuyên chỉ có thể mà thôi ư? Đêm đó tuy chúng ta cùng nằm chung một giường một gối, mà em ngủ say sưa, anh thao lạo cặp mắt nhìn thẳng vào bóng tối. Và anh vẫn chưa đắc thắng.

Trời đã gần sáng, em đừng ngủ nữa. Anh nói tiếp em nghe.

Vì thấy rõ cái tầm thường đó, nên anh sống bên em mà anh vẫn không bỏ được cái nét mặt khác khổ, những lối sống riêng tư trong suy nghĩ. Em thắc mắc đau khổ vì anh. Anh biết. Anh cũng biết rằng đã cưới em là anh có trách nhiệm với em, anh có bổn phận đem lại vui tươi cho em. Anh đã cố gắng. Nhưng không được, bởi vì em trước sau trong cuộc đời anh em chỉ là một điểm nhỏ dùng để thay thế một điểm lớn ở xa. Hơn nữa không thể em hiểu anh được. Em không cố gắng hiểu anh. Em chỉ là một người đàn bà vờn vẹn ý nghĩa của nó. Anh đã làm, không phải có em là có tất cả như anh tưởng. (Anh chỉ nói về phương diện tinh thần mà thôi.)

Nhưng quan trọng hơn hết là hôm qua anh vừa khám phá được em đã phản bội anh, em không trung thành với anh như anh đã thủy chung với em. Dầu là đã chính thức hứa hôn với anh, em vẫn tiếp tục cuộc giao thiệp tình ái với người học trò cùng lớp với em. Qua những cái thư anh bắt được thì em vẫn còn yêu hẳn, yêu hẳn « tha thiết » và cho hẳn là « duy nhất ». Nhưng tại sao em

lại làm vợ anh. Anh tự hỏi và anh đã tìm được câu trả lời. Thôi em đừng cãi, vô ích. Anh không bao giờ đoán sai. Em yêu hẳn mà không lấy hẳn vì hẳn chưa dám hỏi em làm vợ, vả lại em cũng không chắc là hẳn lấy em làm vợ. Trong lúc đó, tuổi em càng ngày càng lớn, việc học hành của em lại chẳng ra gì. Và không gì thê-thảm, không gì trống rỗng bằng đời người đàn bà không chồng. Không chồng nghĩa là không có gì để yêu thương, để săn sóc. Cho nên vì sợ cái trống rỗng, vì sợ sau này bơ vơ mà em phải nhận lời lấy anh làm chồng. Và em vẫn còn yêu hẳn suốt đời. Anh cũng thế. Vì sợ những buổi chiều bơ vơ,

những đêm thao thức nên anh đã cưới em. Và suốt đời anh, anh vẫn nghĩ tới những lớp học đêm ẩm ở xa, anh vẫn còn mến thương những em học sinh hồn nhiên và trong sạch...

Em ạ, hai đứa mình đều theo những ngã đường riêng tư, nhưng vì lầm lạc mà đã gặp nhau. Bây giờ chuyện đã rồi. Tùy em định đoạt. Anh cho phép em làm theo ý em. Còn anh, nghĩ tới chuyện ngày mai, anh cũng đã thấy khổ rồi. Quả là anh làm. Thôi, trời đã sáng, anh phải sửa soạn đi làm. Em cũng, nên ngủ lấy sức».

NGUYỄN-KHẮC-THIỆU



★ Ông cần chi ?

Trên con đường vắng, trời về khuya, một người đàn ông đứng bên lề đường nhìn quanh.

Một bà xách bóp đầm đi tới.

— Xin lỗi bà, bà có thấy người canh-sát viên nào gần đây không ạ ?

— Chẳng thấy người nào cả. Ông cần chi, tôi có thể giúp ông không ?

— Tôi cần cái bóp của bà đó.

Vừa nói hẳn vừa giật liềm, thoát chạy vào hẻm tối. mất dạng. Mặc kệ bà ta la canh-sát...

Cô ANH-LAN

n
h
ữ
n
g

DANH NHÂN LỊCH - SỬ



Ở-NHÂN đời xưa, muốn kỷ-niệm những danh-nhân lịch-sử nói chung, những anh-hùng dân-tộc nói riêng, các cụ đi xin phương-danh quý tính những vị đã khuất, rước về lập đình, miếu để thờ làm thành hoàng, hương khói đời đời, như tại những làng chung quanh Tây-hồ thờ Hùng-Vương, Làng Thanh-Oai gần Hà-đông, thờ Lê-Hoàn tức vua Lê-đại-Hành, Trường-Yên gần Ninh-Bình thờ Đinh-tiên-Hoàng, Trung-Liệt tức Thái-Hà-Ấp, thờ Cụ Hoàng-Diệu, Bình-Hóa Gia-định thờ Lê-văn-Duyệt, Phú-Nhượng thờ Võ-Tánh, Vĩnh-Long, thờ Tổng-phúc-Hợp, Sadec thờ Tổng-phúc-Hòa, Hắc-Lãng (Phước-Tuy) thờ Châu-văn-Tiếp vân vân...

★ NGUYỄN TRIỆU

Các nước văn minh tân tiến ngày nay thì không thể, lấy tên danh-nhân lịch-sử đặt cho những tên các con đường ở những châu-thành hoặc thị-trấn và cũng có khi đúc tượng kỷ-niệm dựng ở các công-trường.

Ở nước ta cũng vậy, bao nhiêu tên những con đường ghi tên ngoại-lai lơ-lãng từ trước với tên những danh-nhân lịch-sử, của giống Lạc-Hồng trong

những bậc « anh-hùng dân-tộc » nhưng tựu-trung cũng còn có một vài cái khuyết-diểm :

Một số nhiều những con cháu hoặc chất chít các cụ, mỗi khi thấy tên cúng cơm « ông bà » ghi trên những tấm bảng sơn xanh chữ trắng ở những góc đường thì không khỏi lấy làm buồn bực, khó chịu...

Nhưng cũng may và cũng là một khuyết điểm là có một vài tên « DANH-NHÂN LỊCH-SỬ » mà cứ gọi là « tên lịch-sử » thì có thể gọi là có, chớ lại nếu gọi là « danh-nhân » thì không làm gì có : như Cống Quỳnh (hay Trạng-Quỳnh) thì đâu đã phải là « danh-nhân lịch-sử », hay văn-học ?

Hơn nữa, lại còn những tên « vô văn » như « Bà Hạt », « Da-bà-Bầu », « Hoàn Lương » thì đâu phải là tên Lịch-sử ? Thế thì những tên Bùi-Kiểm hay Lý Thông kia cũng là tên lịch sử cả, rất có thể đặt vào cho một vài con đường là đường Bùi Kiểm hay Bến Lý-Thông... ?

Tôi còn nhớ hồi đầu năm ngoài có đi Nha-Trang chơi, khi ra bãi bẻ về, qua một con đường nhỏ ghi tên là « Đường Biệt-Thự » nổi với Đường Lê-văn-Duyệt, tới ngã ba đường có 2 ông du-khách ngồi bãi bẻ

bàn tán về cái tên « kỳ-cục » nói trên...

Hai ông hỏi nhau :

— Này, bác ! con đường nhỏ ta vừa qua đó, sao gọi là « đường Biệt-thự » ? Có phải là tên một danh-nhân lịch-sử nào ở Khánh-Hòa không ?

— Đâu có ! Hồi còn Pháp, đấy là « Rue des Villas », tra trong các tự-diễn thấy giảng Villa là Biệt-thự thì các ông ấy đặt đại cho là « đường Biệt-thự » chớ có danh-nhân nào đâu !

— Phải ! Tôi nhớ ra rồi, hồi tôi còn nhỏ tuổi, đi học ở Hà-nội đã thấy có người dịch « Hôtel de Ville » là « khách sạn thành-phố » thì có hại gì !

— Rue Villa (dịch) đổi lại « Đường Biệt-thự » thì cũng không sao, miễn là tên chữ Việt là được rồi ! Ở Cần-Thơ (Phong Dinh) cũng có một con đường nhỏ là « Rue des Villas » mà người ta đã đổi lại là đường Lữ-Gia, đẹp bao nhiêu mà sao Nha-trang là bờ biển có nhiều du-khách tới lui, vẫn giữ cái tên kỳ cục là « đường Biệt-thự » ấy ! Và Lịch-sử Việt-Nam hết tên rồi sao mà các ông dịch danh-từ Pháp ra để đặt một cái tên vô-y-thức như

thế?

Chúng tôi lại còn thấy một con đường lớn nữa ở giữa châu-thành Gia-định mang-danh là NGUYỄN-VĂN-HỌC và bệnh-viện cũng tên là Bệnh-viện Nguyễn-văn-Học!

Tra trong mấy quyển liệt-truyện không thấy có tên này, mà chỉ có tên TRẦN-VĂN-HỌC (1815) là viên quan trong dinh Tổng-trấn, xưa có họa bản đồ thành Gia-định mà nay còn lưu-trữ ở Viễn-đông bác-cổ học-viện (E.F.E.O).

Hồi đó,viên Tỉnh-trưởng Gia-định (Pháp) là Berland có cho dựng một tấm bảng lớn gần mã ông này với những chữ lớn : « TOMBEAU DU MARÉCHAL NGUYỄN-VĂN-HỌC » với giòng chữ quốc-ngữ : TÔNG-BINH NGUYỄN-VĂN-HỌC. Không dè ông Tỉnh-trưởng Pháp hồi xưa đã ghi lầm rồi đến thời Việt-Nam độc-lập còn cứ để luôn cái lỗi lầm to-tát ấy!

Nguyên ngôi mộ này trước ở trong khu đất của Ty Ngân-kho, sau mới dời về chỗ Công-viên ngang Bệnh-viện bây giờ. Khi bốc lên thì thấy mũ và đai còn y nguyên, trưng bày tại Viện Bảo-Tàng Saigon toàn là phẩm

phục văn-quan cả chớ không phải là về võ tướng « Maréchal » hay « Tổng-binh ».

Những tên về danh-nhân lịch sử nhiều nơi lại còn đề sai cả chánh-tả và có khi đề sai luôn cả tên nữa, vẫn ở Gia-định, đường Thốt-nốt trước, nay đổi là « Đường NGÔ-VĂN-TỊNH » nhưng liệt-truyện chỉ có tên NGÔ NHÂN TỊNH trong « Gia-định tam gia thi », kể đường này « là làng Ông » có đường Trịnh-Hoài-Đức, xa một đôi có đường Lê quang Định thì đường này nhất định là Ngô nhân-Tịnh vì trong quyển Đại-Nam chính-biên liệt-truyện, so tập quyển XI, tờ 12, chép về tiêu-sử cụ, đề rõ là NGÔ NHÂN TỊNH chứ không phải NGÔ VĂN TỊNH!

Bên Khánh-hội lại còn có đường ĐỖ-THÀNH-NHÂN thì lại cũng sai nữa, trong liệt-truyện quyển 27 tờ 21 b đề rõ ràng là ĐỖ-THANH-NHÂN chứ đâu có phải là Đổ-thành-Nhân!

Lấy tên lịch-sử đặt tên cho các con đường mà viết sai thì thật khó coi quá!

NGUYỄN TRIỆU

PHẢI CHĂNG ? MÈO chêt,



M Ấ Y năm nay, miền Bắc Trung-phần, bị mất mùa luôn. Phần lúa bị rùn không trở bông, phần bị chuột cắn phá. Hình như nạn lúa rùn chỉ là một thiên-tai nhất thời, rồi nó tự tiêu diệt : chỉ một mùa thôi, mùa sau sẽ hết.

Nguy hại nhất là nạn chuột, thì không bớt, mà trái lại ngày một hoành hành nhiều hơn. Mặc dầu chính-quyền địa-phương đã huy-động toàn-lực : phát động các chiến dịch diệt chuột, bằng cách đào bới hang tổ của chúng, hay gài bẫy, đem thuốc độc. Ở Quảng-Trị, Tòa Tỉnh-trưởng đã mở hai kỳ sở số Tombola diệt chuột, đề khuyến khích quần chúng tham gia

công tác. Cứ ai có 5 đuôi chuột là được lãnh một vé số. Kết quả hàng trăm ngàn chuột đã bị diệt. Nhưng trên thực tế, chuột cứ phá, mùa vẫn mất.

Trước tình trạng đó, người nông-dân sẵn óc mê tín, họ không tin tưởng vào sức người, họ quay về với thần linh, quỷ quái. Họ than thở trời biển xui nên. Họ tin tưởng

T Ặ N G,

MÙA MẮT

★ BÙI-VĂN-HỒNG

chỉ có phương-sách cuối cùng là nhờ thầy rùa chỉ đạo... Họ vật heo, bò; nấu xôi, rượu, mời thầy phù thủy tạ các vị thần linh, xin nhờ ngài phù hộ, và dùng phép thần-thông tổng quái, cấm ma quỷ không được lai vãng phá hoại dân-lành!... (1)

Rồi, chừng nào tật ấy! Tiền mất, tật mang! Những con quái chuột vẫn khinh lờn phép phù-thủy!

Như vậy, chúng ta bắt-lực với giống chuột chặng?

Đây ta thử bàn, đứng trên tinh-thần khoa-học, tìm nguyên-nhân sâu xa của nạn chuột phát-sinh, để tìm phương pháp bổ cứu sát hợp. Theo các vị phụ lão 80, 90 tuổi còn sống, họ cho biết, chưa từng thấy nạn chuột phá hoại như ngày nay. Phải chăng nạn chuột sinh ra nhiều không phải vì tạo hóa, mà lại vì ta:

Từ ngày có chiến-dịch phun thuốc DDT, giống mèo bị nhiễm độc chết gần hết. Trước đây, ở nông thôn, hầu hết nhà nào cũng có nuôi mèo, mà hiện nay trong một trăm nhà, may ra còn một nhà có mèo. Ta thử làm một bài tính đơn giản: Thôn X có 100 nhà nuôi mèo, mỗi nhà 1 con. Trung-bình cho 2 ngày 1 con mèo bắt

được 1 con chuột. Tính xem trong một năm, thôn X có bao nhiêu chuột bị diệt?

Một con mèo bắt chuột trong 1 năm được: $\frac{365}{2} = 182$ con.

Một trăm mèo bắt trong 1 năm được: $182 \times 100 = 18.200$ con.

Trăm con mèo chết để lại cho ta 1 năm 18.200 con, mà giống chuột lại sinh sản rất nhiều và rất mau, ta thử tưởng tượng hàng năm số chuột tăng lên biết bao? Chuột sinh sản ra nhiều, ở trong nhà không có ăn, chúng phải ra đồng để kiếm kế sinh nhai!

Như vậy, ta đã vô tình phá luật thừa-trừ của tạo hóa, làm mất thăng bằng giữa số mèo và số chuột, để người nông dân phải mang lấy họa.

Vậy ta phải làm thế nào để sửa lại cân cân «mèo, chuột» thăng bằng như cũ?

Ta có thể trừ được số chuột đã tăng lên bấy lâu ở ngoài đồng, bằng cách phát động những chiến dịch như đã thi

(1) Thôn Xuân-Long, Quận Trung-Lương (Bến-Hải) đã thực hành.

hành trước, một cách có qui mô và khoa học hơn. Chắc ai cũng thừa biết, chuột không thể ở giữa ruộng mà chúng phải ở những nơi cao hơn mực nước ruộng. Đi sâu vào các cánh đồng, những nơi tương đối đất cao, ta thấy cả một sự vô tổ-chức của tiền-nhân để lại: đó là những năm mồ nằm ngổn ngang giữa ruộng. Bấy lâu ta vẫn đào bới hang chuột để bắt, nhưng chỉ đào được ở những đường ruộng, những cồn đất trống mà thôi; còn gặp những sào huyết của chúng đào sâu trong các năm mồ, thì tự ta phải đầu hàng chúng: vì không lẽ đào mã người ta lên mà bắt chuột!

Có thể nói, các năm mồ kia, là trở ngại chính cho công tác diệt chuột bấy lâu nay.

Có nước mới có cá, chuột có nơi ở mới sinh sản thêm được. Muốn trừ chuột đồng, thì chỉ có phương pháp duy-nhất là san bằng những ụ đất cao hơn mặt ruộng, trừ những đường ngăn nước, đê, đập, đường đi cần thiết phải duy-trì.

Nằm trong kế hoạch chỉnh trang nông thôn có bộ mặt văn minh hơn, ta cần phải xúc tiến gấp: cải táng những ngôi mộ nằm hỗn độn kia, về những nghĩa địa định sẵn. Sau đó, ta sẽ san bằng những

năm đất còn lại. Nếu được thực hiện, thì phép «tổng quái» này, chuột đi không ngày về, thần diệu biết bao!

Trên mỗi bàn cách trừ chuột đồng. Chuột ở nhà gây hại cho nhà nông cũng không ít. Chẳng những thực phẩm trong nhà bị chúng ăn xén; mà những hoa màu trồng quanh nhà, chúng cũng không chừa. Từ ngày, kẻ thù truyền kiếp của chúng bị hạ, một cơ hội vô cùng thuận lợi cho chúng hoạt động. Lũ chuột cũng tinh ranh lắm: gài bẫy, dơm thuốc độc, thì chỉ lần đầu thôi, lần sau là chúng cố tránh. Hình như chúng thông-tin cho nhau. Có lẽ chúng chỉ thua mưu chủ mèo.

Lối nhà cổ truyền của ta ở nông thôn, có nhiều kẽ hở để chuột làm tổ ẩn núp; chắc cũng khó lòng trừ chuột ngoài cách nuôi mèo. Nhưng, mèo đã chết gần hết, làm thế nào gây đủ giống mèo như trước trong một thời gian ngắn? Mà còn phun thuốc D.D.T. mèo làm sao sống được?

Tóm lại, bài này chúng tôi bàn đến 4 điểm chính:

— Nguyên-nhân sinh chuột nhiều.

— Cách trừ chuột đồng.

— Cách trừ chuột nhà.

— Có nên bảo vệ giống mèo và bảo vệ cách nào?

Kính mong bạn đọc Phở-Thông bỏ chính.

RIÊNG

Ngày tháng trông vắng
Chạy theo ái tình
Vào chốn hư vô !

Lòng ta ray rứt
Không một giờ yên
Ôi đời chính chuyên
Mỏi mòn tuyệt vọng !

Ngửa trông năm tháng
Gặm mòn tuổi thơ
Định mệnh hững hờ
Đi vào biển rộng !

Ôm lòng đơn côi
Bơ vơ gió chiều
Nhắc nhớ cô liên
Trên đời lòng lộng

Có thấy gì đâu !
Một mẫu thống thiết
Hai mươi chưa luống
Xin một lần yêu !

TRIÊN-TRIÊN
(Quảng-Trị)



★ THẨM-THỆ-HÀ

bạn chi đầu,
Mùi tiêu-sái với trần-
gian dễ mấy.

THƠ RẰNG :
Hữu danh nhân phú-quí,
Vô sự tiểu thần-tiên.
Đấng anh-hùng an phận
lạc thiên,

So trời đất cũng nhất
ban xuân-ý.

Khi lang-miêu đã đành
công-danh ấy.

Lúc yên-hà khước thị
xuất nhân-gian.

Hành tàng bất nhị kỳ
quan,

Cuộc đời mở mặt giang
san thái-hòa.

Còn xuân mai lại còn
hoa...

NGUYỄN CÔNG-TRƯ

HÀNH TÀNG

Đánh ba chén rượu
khoanh tay giãc,

Ngâm một câu thơ vô
bụng cười.

Cái công danh là cái
lạ đời,

Đường thân-lý, cát-nhân
chi đã vội.

Giắt lỏng giang-sơn vào
nửa túi,

Rót nghiêng phong-
nguyệt cạn lưng bầu.

Cảnh cùng thông ai có

KỂ sĩ thời xưa có hai con đường hành-đạo : con đường XUẤT và con đường XỬ. Khi gặp thời ra trị quốc an dân, lập nên sự-nghiệp hiển-hách, cồ-nhân gọi đó là XUẤT. Khi không gặp thời hoặc khi « *danh thành thân thoái* », tìm nơi hàn-cốc thâm-sơn ẩn-dật, cồ-nhân gọi đó là XỬ. Quan-niệm xuất-xử đã được kẻ sĩ nước ta dùng làm phương-châm để ứng phó với tình-thế, và cũng dùng làm đề tài để lồng tiết-thảo trong văn-chương.

Vào tiền bán thế-kỷ thứ XIX, cụ Hy-Văn Nguyễn Công-Trứ đã thực-hiện quan-niệm trên một cách vô-cùng kinh-lịch, trong đời sống và cả trong văn-chương. Bài hát nói « HẠNH TÀNG » đã thu-gồm cuộc đời cụ vào mười bảy dòng chữ, phản-ảnh rõ-rệt tâm-hồn, ý-chí, quan-niệm của một nho sĩ điển-hình.

Vậy ta thử giải-thích bài ca trên, đồng thời phân-ích quan-niệm xuất-xử của Tồn-Chất tiên-sinh.



Mượn thể-tài một bài hát nói đôi khờ, Nguyễn Công-Trứ bày tỏ quan-niệm hành-tàng và cố ý biểu-dương những thú hành-lạc thanh-cao của người ở ẩn.

Theo cách bố cục đặc-biệt của thể hát nói, ta có thể chia bài này ra làm bốn khổ và một mưỡu hậu :

1) KHỜ-ĐẦU (4 câu) :
Thú hành lạc của kẻ ẩn-dật.

2) KHO GIỮA (4 câu) :
Người vị-ngộ phải hiểu mệnh-trời và hưởng thú thanh-nhàn.

3) KHỜ DÔI (4 câu) :
Kẻ anh-hùng chưa gặp vận phải an phận mà vui với đạo trời.

4) KHỜ XẾP VÀ MưỡU HẬU (5 câu) : Hành, tàng là hai quan-niệm giống nhau; khi gặp thời, kẻ anh hùng sẽ mở mặt với giang-san.

Kẻ nam-nhi rèn văn luyện võ, mong đem tài-ba ra giúp nước, nhưng khi chưa gặp vận thì tự ví mình như con tiêm-long ở ẩn, chờ thời để ra lướt gió tung mây. Trong thời vị-ngộ, không còn gì bằng đi-dưỡng tính-thần trong những

thú hành-lạc thanh-cao, nung-đúc khí-tiết của người quân-tử. Rượu thơ là hai thú tiêu-khiến của kẻ nhàn-cư. Uống rượu rồi khoan tay nằm ngủ ; ngâm thơ rồi đắc ý vỗ bụng cười; thật là thái-độ khinh-thể ngạo-vật của con người gác mình ngoài vòng cương-tỏa. Đối với bậc hiền-nhân, con đường công-danh bằng-phẳng như bãi bình-sa, đã vội-vàng chi cất bước. Hãy đem nhốt kinh-luân nơi bỗng tất, thả hồn mơ vui hưởng thú yên-hà.

*Đánh ba chén rượu khoan tay
giác,*

*Ngắm một câu thơ vỗ bụng cười.
Cái công danh là cái lạ đời,
Đường thân-lý, cát-nhân chi đã
vội.*

Hòa mình với thiên-nhiên cũng là một cách hành-đạo. Thường thức cảnh sắc thiên-nhiên vốn là một cách hành-lạc thanh-nhã của người thơ. Giang - sơn, phong-nguyệt là những tài-liệu phong-phú của thiên-nhiên riêng dành cho những tâm - hồn nhàn - dật. Người nghệ-sĩ tài hoa có thể giắt lồng giang-sơn cầm-tú vào túi thơ, rót nghiêng phong-nguyệt

trong bầu rượu. Thật thú-vị biết bao ! Vậy thì bận tâm làm gì đến luật tuần hoàn của tạo-hóa, xót-xa làm chi trong cảnh cổ-cùng, hoài-vọng làm gì đến cảnh hanh-thông. Phải tận hưởng thú vui trong hiện tại, vì đời người được hưởng lạc có là bao.

*Giắt lồng giang-sơn vào nửa túi,
Rót nghiêng phong - nguyệt cạn
lưng bầu.*

*Cảnh cùng thông ai có bận chi đâu,
Mùi tiêu sái với trần-gian dễ
mấy.*

Thật vậy, kẻ « tri mệnh » thường là kẻ không bận tâm vì mệnh số, biết an phận mình mà vui đạo trời. Thời chưa đến, có oán trời cũng vô ích, có vung vẩy cũng hoài-công. Sao bằng hân-hoan nhận lấy số phận, xem chữ nhàn là phú quý, biết gác mình ngoài vòng thế sự mới là bậc tiêu thần tiên. Được như vậy, lòng sẽ thấy vui như cảnh xuân của trời đất.

Thơ-rằng :

*Hữu danh nhàn phú quý,
Vô sự tiêu thần tiên.*

*Đáng anh-hùng an phận lạc thiên,
So trời đất cũng nhát ban xuân ý.*

Kẻ làm trai luôn luôn đặt mình trước hai con đường "hành tàng" và có bốn - phận phải tùy thời mà chọn lấy một. Ra giúp nước, lập công-danh, ấy là HÀNH. Tìm nơi ẩn-dật, vui thú yên-hà, ấy là TÀNG. Đi hết quãng đường này, lại sang quãng đường khác, phải tàng cho đúng lúc và hành cho kịp thời. Hành, tàng theo Nguyễn Công-Trứ là hai quan-niệm giống nhau, vì cùng nhằm chung một mục-dịch làm sáng-tỏ đạo Thánh-hiền. Ngày nay ở ẩn, ngày mai sẽ mở mặt. Ngày nay còn sống âm thầm trong bóng tối, ngày mai sẽ sống vinh-quang trong cảnh đặt nước thái-hòa. Hoa mai đợi xuân về lại nở; người anh-hùng đợi thời đến sẽ mặc sức tung-hoành.

*Khi lang-miền đã dành công-danh
ấy,*

*Lúc yên-hà khước thị xuất nhân-
gian.*

Hành tàng bất nhị kỳ quan,

Cuộc đời mở mặt, giang-san

thái-hòa.

Còn xuân mai lại còn hoa...



Xuyên qua phần giải-thích, ta thấy quan niệm HÀNH, TÀNG của Nguyễn Công-Trứ chính là quan-niệm XUẤT, XỬ của cô nhân. Lập-trường của cụ đã gói-ghim chặt-chẽ trong câu "HÀNH TÀNG BẤT NHỊ KỲ QUAN".

Đối với cụ, ra giúp đời hay ở ẩn đều là những phương tiện hành đạo, cùng có mục-dịch thanh-cao như nhau. Vì vậy cụ đã giữ vững lập-trường mình trong cuộc sống, thực hành xuất xử một cách rất thông-minh.

1) SUỐT THỜI VỊ-NGỘ, cụ đã thực-hiện thuyết XỬ, di dưỡng tinh thần trong những thú cầm, kỳ, thi, tửu, hòa mình với vạn-vật để vui say cùng trăng, gió, hương, hoa.

Có lúc cụ phân vân trước hai con đường :

*« Xưa nay xuất xử thường hai
lối,*

Mãi thế rồi ta sẽ tỉnh đây ».

Cụ phân vân là phải. Với tính hiếu-dộng và hiếu-thăng của thanh-niên, với nợ tang-bồng còn nặng trĩu hai vai, cụ muốn vẫy-vùng dọc ngang hơn là sống cuộc đời trầm lặng nơi thôn dã :

*« Những rắp điền-viên vui tuế-
nguyệt,*

Trót đem thân thế hện tang-bồng ».

Nhưng rồi bao nhiêu lần thi rớt, gia-đình sa sút phải lâm vào cảnh cố-cùng, đến lúc ấy cụ mới hiểu mệnh trời và vui lòng chấp nhận số mệnh, vui lòng noi gương Khương Tử-Nha về ngồi câu nơi sông Vị, noi gương Y-Doãn về cây cây ở đất Sần.

*« Lúc vị-ngộ hối-tàng nơi lòng
tắt,*

*Hiền-hiền nhiên điển Vị, canh
Sần ».*

Trong thời-gian ẩn-dật, ngoài thú câu nhàn hưởng lạc, cụ vẫn thường xuyên hành - đạo bằng những cách :

a) Hàm-dưỡng chính-khi :
*« Khí hao-nhiên chí đại chí cương,
So chính-khi đã đầy trong trời đất.*

b) Giữ trách nhiệm với thế giáo :

*Xe bờ-luân dẫu chưa gặp Thang,
Vân,*

Phù thế-giáo một vài câu thanh-nghị

c) Truyền-bá chính-đạo :

*Cầm chính đạo để tịch tà cự bí,
Hồi cuồng lan nhi chương bách
xuyên.*

d) Luyện chí quân-tử

*Ngày ba bữa võ bụng rau bình bịch
người quân-tử ăn chẳng cầu no.*

Cụ Nguyễn Công-Trứ đã chứng minh, qua cuộc sống và qua thi-ca, mục-dịch cao-quí của kẻ hỷ-tàng là : vừa cầu nhàn vừa hành đạo. Đó là những phương-tiện hoạt-dộng của kẻ sĩ chưa gặp thời, thể-hiện đúng đắn những đức - tính thanh cao của bậc QUÂN TỬ vậy.

2— SUỐT THỜI XUẤT-CHÍNH (1820-1848), cụ đã thực-hiện thuyết XUẤT, đem tài ba ra giúp nước giúp dân, làm những việc phi-thường để lưu lại tiếng thơm muôn thuở.

Kẻ nam-nhi khi gặp thời

thì phải thừa thời mà vùng-vẫy :
Rồng mây khi gặp hội đưa duyên,
Đem quách cả sớ-tiền làm sớ dụng.

Bấy lâu rèn văn luyện võ, đây
là cơ-hội để bậc trượng-phu đem
văn-tài ra an bang tế thế, đem
võ-tài ra giúp loạn chốn biên-
cương, mưu sự thái - bình cho
đất nước, sự lạc - nghiệp cho
nhân dân.

Trong lang-miếu ra tài lương-
đổng,
Ngoài biên-thùy vạch mũi Can-
tương.

Trong thời - gian xuất chính,
cụ Nguyễn Công-Trứ đã tận tâm
hành-đạo bằng những cách :

a) Trả nợ tang-bồng :

Chỉ tang-bồng hồ-thi dạ nào khuấy,
Phải hăm-hờ ra tài kinh-tế.

b) Giúp dân giúp nước :

Một mình để vì dân vì nước,
Túi kinh-luân từ trước đến nghìn
sau.

c) Trọn đạo vi-tử vi-thần :

Nặng-nề thay đổi chữ quân-thần,
Đạo vi-tử, vi-thần đâu có nhẹ.

d) Bách thế lưu phương :

Làm sao cho bách thế lưu phương,
Trước là sĩ sau là khanh-tướng.

đ) Làm nên danh anh-hùng :

Chỉ những toan xẽ núi lấp sông,
Làm nên danh anh hùng đấng
đầy tỏ.

Lần này, Uy-Viển tướng-công
đã chứng-minh một cách cụ thể
mục-dích cao-quí của kẻ xuất
chính hành-đạo. Đó là những
phương tiện hoạt-dộng của kẻ
sĩ khi đã gặp thời, thể hiện
đúng mức những đức-tính siêu
việt của trang ANH - HÙNG
vậy.

Vì quan-niệm «Hành tàng bất
nhị Kỳ-quan» nên Nguyễn
Công-Trứ tuy hăng-hái lập công-
danh mà vẫn khinh mạn lợi-danh,
tuy cầu nhân hưởng lạc mà vẫn
giữ tròn tiết-thảo của kẻ sĩ quân-
tử.

Trong bài «Hàng tàng», cụ
không đề-cập đến một phương
diện XỬ khác : DANH
THÀNH THÂN THOÁI.
Trong ĐẠO - ĐỨC - KINH,
Lão-Tử có viết : «Cống thành,
danh toại, thân thoái, thiên
chi đạo» nghĩa là : Cống đã nên,
danh đã phi, thân phải lui về,

ấy là đạo Trời. Người anh-
hùng, sau khi hoàn-thành sứ-
mạng cứu khốn phò nguy, trị
quốc bình thiên hạ, phải rút lui
về ở ẩn, như thế mới thật là
thức-thời. Đó là trường-hợp
Phạm-Lãi phiếm-du Ngũ-hồ sau
khi giúp Việt diệt Ngô ; Trương
Lương tịch cốc tu tiên sau khi
giúp Hán diệt Sở ; Nguyễn
Trãi nhàn-dật ở Côn-sơn sau khi
giúp Lê Lợi kháng Minh phục
quốc.

Nguyễn Công-Trứ không đề-
cập đến, chẳng phải vì cụ sơ-
xuất hay không thức-thời, mà
vì quan-niệm XỬ ấy không hợp
với chủ-trương nhập-thể của
Nho-giáo. Nhìn vào cuộc đời
cụ, ta thấy cụ đã đề mười
năm nhàn tản (1848 - 1858),
nhưng đó chỉ là thời-kỳ dưỡng
lão của một kẻ sĩ hoàn -danh.
Không thể cho rằng cụ đã thực-
hiện thuyết «Danh thành thân
thoái» được.



★ Danh ngôn :

— Người thù khôn hơn là người bạn đại.

(Tục-ngữ Á RẬP)



Chàng sinh viên ĐỨC

Chàng ta tên Vũ-Phan, là con một gia-đình khá giả. Đã một hồi Phan theo học ở Gottingen, nhưng bản chất ưa mơ màng, say đắm, chàng đã lan man theo đuổi những học-thuyết kỳ-dị, hoàn-toàn không tưởng, từng nhiều phen làm giới sinh-viên Đức phải ngán ngơ kinh ngạc. Cuộc sống giam hãm trong bốn bức tường, sự say mê theo đuổi những học-thuyết kỳ dị đã có ảnh-hưởng không tốt tới tinh-thần và thể chất Vũ-Phan. Sức khoẻ chàng dần dần suy nhược, tinh-thần chàng trở nên bệnh hoạn. Chàng cứ đắm mãi mình trong sự trầm tư mặc-tưởng, nên một ngày kia, giống như

MỘT đêm mưa gió, vào giữa thời-kỳ cuộc cách-mạng Pháp đang sôi nổi, một thanh-niên Đức lăm lăm trở về nhà. Lúc ấy đêm đã khuya, anh phải đi qua khu-vực cổ kính của kinh-thành Ba-lê. Trên đầu anh, chớp ngoằn ngoèo loé sáng; sấm nổ ầm ầm, rung chuyển những dãy nhà cao vút ở hai bên phố chật hẹp. Đến đây tôi hãy tạm ngừng để thuật với các bạn ít điều về chàng thanh-niên Đức kia...

VÀ CÔ GÁI

LIÊU TRAI

★ *Washington Irving*
● DUY-DÂN dịch

Swedenborg (1), chàng đã tạo ra chung quanh chàng một thế-giới hoàn toàn của tưởng tượng. Chàng cứ cho rằng, thật chàng không hiểu tại sao, đang có một sức mạnh thần bí, ma quái dính dấp để hãm hại chàng. Đối với một người giàu tưởng tượng lại hay đắm đuối mơ màng như Vũ-Phan, sự tin tưởng ấy thật vô cùng tai hại. Nó khiến chàng mất hết sinh thú ở đời, bơ-phờ, chán-nản, tuyệt vọng. Các người thân của chàng thấy vậy mới quyết định gửi chàng sang theo học ở Ba-lê, họ tin Ba-lê hoa-lệ sẽ giúp chàng thoát khỏi được sự ám ảnh kỳ dị kể trên.

Vũ-Phan tới Ba-lê vào lúc cách-mạng bùng nổ. Mới đầu sự cuồng nhiệt của dân-chúng cũng lôi cuốn chàng, chàng cũng chú ý tới những lý-thuyết chính-trị và triết-học đương thời. Nhưng rồi những cảnh chém giết đẫm máu xảy ra sau đây đã khiến chàng càng thêm ghê tởm xã-hội và càng muốn xa lánh người đời hơn nữa. Chàng đóng chặt cửa phòng, tự giam mình trong buồng nhỏ ở khu La-tinh là khu lưu-trú của sinh-viên. Một mình nằm trong

căn phòng nhỏ, giữa một khu phố buồn rầu ảm đạm không xa trường đại-học Sorbonne bao nhiêu, Vũ-Phan lại tiếp tục thả hồn mình bay theo những giấc mộng triền miên. Đôi khi chàng cũng tìm tới những thư-viện lớn ở Ba-lê, nhà mồ của các tác-giả quá cố, bới lục những chồng sách cũ nát bụi bặm để tìm thức ăn cho cái tinh-thần bệnh hoạn của chàng. Nói một cách khác, Vũ-Phan chẳng khác gì một con ma cà-rồng đi hút chất sống ở trong căn nhà quần xác chôn chứa những tác-phẩm văn-chương cũ mục.

Dẫu sống cuộc đời ẩn-sĩ và cô đơn như vậy, Vũ-Phan cũng vẫn là một thanh-niên tràn đầy nhựa sống, thêm khát yêu-đương. Nhưng tiếc thay, mọi chuyện tình-ái chỉ hoàn toàn diễn ra trong trí tưởng-tượng của chàng mà thôi. Bản-chất nhút nhát e thẹn, lại thêm sự vụng về ít giao thiệp với đời đã khiến Vũ-Phan không

(1) *Emanuel Swedenborg* (1688-1772), một nhà khoa-học, triết-học, thần-học người Thụy-điển.



dám đương trường tấn công phái đẹp. Nhưng, những khi ngồi một mình một bóng trong gian phòng hiu quạnh, chàng thường thả hồn mơ theo những hình dáng yêu kiều diễm-lệ mà chàng đã gặp, và nhờ trí tưởng tượng tô điểm thêm, những hình bóng ấy đã hiện ra xinh đẹp hơn thực-tế bội phần.

Vào giữa thời-kỳ tinh-thần Vũ-Phan bị kích-thích tới cực-độ ấy, chàng mộng thấy một thiếu-nữ tuyệt trần xinh đẹp. Hình ảnh cô gái rõ ràng linh động đến nỗi ăn sâu vào tiềm-thức Vũ-Phan khiến chàng mộng đi mộng lại

nhiều lần. Giấc mộng ám ảnh trí óc chàng ban ngày và giấc ngủ của chàng ban đêm. Tóm lại, Vũ-Phan đắm-tương-tư mê mẩn hình bóng của người trong mộng. Tình trạng đó kéo dài làm Vũ-Phan mất ăn mất ngủ, tâm-thần ngẩn ngơ rối loạn như người đã bị mất hồn mất vía.

Trên đây là con người của Vũ-Phan và tình-trạng tâm-thần của chàng vào lúc tôi mở đầu câu chuyện kể trên.

Đêm hôm ấy, Vũ-Phan lăm lúi đi về nhà giữa lúc trời mưa to gió lớn, vượt qua những dãy phố tối tăm cũ kỹ của khu «Marais» là khu-vực cổ kính trong thành Ba-lê. Từng hồi sấm ầm ầm đổ xuống làm rung chuyển những tòa nhà cao vút ở hai bên phố chật hẹp. Vũ-Phan đi tới công-trường Đình-Công là nơi đang diễn ra những vụ hành hình đẫm máu. Một lần chớp ngoằn ngoèo lóe sáng trên nóc Tòa Thị chính cũ, ánh sáng run rẩy chiếu xuống khoảng đất trống trước mặt. Vũ-Phan đang băng ngang qua công-trường, bỗng hoảng hốt lùi lại khi thấy chiếc máy chém đứng sừng sững

trước mặt. Lúc ấy đang thời-kỳ khủng-bố dữ-dội, chiếc máy chém khủng khiếp nọ được dựng sẵn đây ngày đêm, nơi bệ máy lúc nào cũng chan hòa máu đào của những nhà quý-phái và những kẻ tình nghi phản cách-mạng. Chính ngày hôm ấy máy đã được xử dụng để chém không biết bao nhiêu đầu người, và giờ đây, máy đứng im lìm trong cảnh thê lương yên lặng, giữa một thành-phố đang say sưa ngủ, để chờ đón những nạn nhân sắp đến ngày mai.

Trái tim đập mạnh, Vũ-Phan rùng mình vừa định quay đi thì chợt nhận thấy một bóng người ngồi thu hình dưới chân bệ máy. Mấy tia chớp tiếp nhau lóe sáng giúp chàng nhìn thấy bóng người đó rõ hơn. Đó là một thiếu-nữ vận toàn đồ đen. Nàng ngồi dưới chân bậc thập nhất, mình ngã về đằng trước, mặt úp vào lòng, mái tóc dài sòa rũ xuống đất chảy theo những dòng nước mưa đang tuôn như thác đổ. Trong cái cảnh cô-đơn đầy đau-khổ đó, có một vẻ gì thật là khủng-khiếp. Người thiếu-nữ ngồi đó có vẻ

không phải hạng người thường. Trong thời buổi ấy, Vũ-Phan biết rằng có nhiều sự thay đổi lớn lao; biết bao người đêm qua còn chần êm đệm ấm mà đêm nay đã lang thang không cửa không nhà. Có lẽ thiếu-nữ ngồi kia là thân nhân một gia-đình nào chẳng may đã bị lưỡi dao oan nghiệt nọ đưa sang bên kia thế-giới; nay nàng ngồi đây tứ cố vô thân, cõi lòng tan nát.

Vũ-Phan tiến lên, dùng lời dịu ngọt hỏi thăm thiếu-nữ. Nàng ngửng đầu giương to mắt nhìn chàng trừng trừng. Dưới ánh chớp loè sáng, Vũ-Phan kinh-ngạc xiết bao khi nhận ra khuôn mặt quen thuộc, khuôn mặt đã từng ám ảnh chàng bao lâu nay trong giấc mộng. Sắc mặt nàng tái xanh, chứa đầy vẻ tuyệt vọng đau khổ, nhưng cũng tuyệt trần xinh đẹp.

Sự xúc động làm toàn thân Vũ-Phan run lên. Chàng tiếp tục gắng hỏi thiếu-nữ. Chàng trình bày cái cảnh một mình ngồi đây, giữa đêm khuya mưa gió, và ngỏ lời xin được đưa nàng về nhà với bà con thân thích. Lạnh lùng, thiếu-nữ chỉ tay

vào chiếc máy chém, một cử chỉ đầy ý nghĩa khủng khiếp.

« Tôi làm gì còn bà con thân thích nào nữa ! » nàng đáp.

« Nhưng còn nhà ở của cô ? »
Vũ-Phan hỏi.

« Nhà tôi ở ? ... ở trong năm mồ ! »

Nghe đáp, lòng Vũ-Phan đau thất lại. Chàng thiết-tha nói :

— Nếu cô cho phép, và đừng có sự hiểu lầm, tôi xin mời cô về ở tạm nhà tôi. Tôi mong sẽ được cô coi như một người bạn trung thành. Tôi là người ngoại-quốc từ xa lạ đến đây, cũng không bà con thân thích như cô. Nếu tôi có thể giúp ích được cô điều gì, xin cô cứ cho biết, tôi sẽ xin sẵn lòng hết sức.

Vũ-Phan nói với một giọng thiết-tha chân-thành làm thiếu-nữ cảm-dộng. Lại thêm giọng nói ngoại-quốc của chàng cũng làm nàng dễ siêu lòng ; nó chứng tỏ chàng không phải thuộc hạng con buôn trong thành-phố Ba-lê này. Lẽ dĩ nhiên Vũ-Phan còn dùng cả những lời hùng hồn hoa mỹ nữa. Thiếu-nữ không nhà liền đứng

đậy, pho mặc thân nàng cho Vũ-Phan che chở.

Vũ-Phan dìu nàng bước thấp bước cao vượt qua Cầu-Mới, đi ngang công-trường nơi có dựng tượng Henry đệ-tứ nhưng nay đã bị dân-chúng phá đổ. Mưa gió đã ngớt, tiếng sấm lúi xa và nhỏ dần. Cả thành-phố Ba-lê yên lặng ; ngọn hỏa-sơn đỏ đang say sưa ngủ để thu hồi sức mạnh cho cuộc tàn phá ngày mai. Vũ-Phan dìu thiếu-nữ len lỏi qua những đường phố cũ kỹ trong khu La-tinh, men theo dãy tường vôi xám của trường đại-học Sorbonne, đi tới tòa nhà tồi tàn chàng đang trú ngụ. Mụ gác cổng già nhìn hai người chầm chậm, mặt lộ ra vẻ ngạc nhiên, vì đây là lần đầu tiên mụ nhìn thấy chàng sinh-viên mơ mộng Vũ-Phan đi cặp đôi cùng một thiếu-nữ.

Bước chân vào trong phòng, Vũ-Phan mới cảm thấy gương ngùng hổ thẹn về sự chật chội soàng sinh của nơi chàng ở. Chàng chỉ ở có một phòng—một buồng khách kiểu cổ — chạm trổ cầu kỳ và bày biện những đồ đạc quái gở là những di-tích còn sót lại của

thời huy hoàng xa xưa, vì đây là một tòa nhà trong khu cung-diện Luxembourg trước kia thuộc về giới quý-tộc. Trong phòng sách vô bừa bộn, đồ dùng vương vãi mỗi nơi một cái, chiếc giường của chàng thì kê trong một hốc ở cuối phòng.

Khi đèn nền được mang lại và Vũ-Phan có dịp nhìn ngắm thiếu-nữ kỹ hơn, chàng càng cảm thấy ngẩn ngơ ngây ngất trước sắc đẹp của nàng. Mặt nàng tái xanh, nhưng vô cùng xinh đẹp ; những mái tóc dài màu đen như mun rủ xuống chung quanh càng làm tăng thêm vẻ đẹp kỳ diệu ấy lên. Mắt nàng mở to và sáng long lanh, chứa đựng một vẻ gì gần như man dại. Dưới làn áo đen, Vũ-Phan tưởng tượng đến một thân hình cân đối tuyệt mỹ. Toàn thân nàng tiết ra một vẻ cao kỳ tôn quý, đầu nàng ăn vận một cách hết sức sơ sài giản dị. Tất cả đồ trang sức trên người nàng chỉ là một giải khăn đen rộng quấn quanh cổ, cài lại bằng một cái cặp đính kim-cương.

Sau giây phút ngất ngây, Vũ-Phan bắt đầu cảm thấy lung túng không biết phải tiếp đãi thiếu-nữ

ra sao. Chàng đã nghĩ đến chuyện nhường phòng cho nàng rồi đi tìm nơi khác tạm trú qua đêm. Nhưng bị duyên sắc của nàng thu hút, mê hoặc, chàng không thể nào dứt áo ra đi được. Trong cử chỉ của nàng cũng có vẻ gì khác thường khó tả. Nàng không còn đã động đến chuyện máy chém nữa. Nỗi đau khổ trong lòng nàng đã nguôi hẳn. Từ chỗ tin tưởng Vũ-Phan, giờ đây nàng còn tỏ ra có nhiều cảm-tình đặc biệt với chàng hơn nữa. Rõ ràng nàng cũng thuộc loại người lãng mạn, nồng thắm như Vũ-Phan, và những tâm-hồn lãng mạn thường thông cảm hiểu biết nhau rất chóng.

Trong lúc say sưa cuồng nhiệt, Vũ-Phan bộc lộ tất cả nỗi lòng với thiếu-nữ. Chàng kể lại câu chuyện giấc mộng đêm đêm và giải bày tại sao chàng đã đem lòng yêu nàng từ khi hai người chưa hề gặp gỡ. Thiếu-nữ bối hồi cảm động ; sau nàng cũng thú nhận tình yêu của nàng đối với Vũ-Phan, một thứ tình yêu kỳ diệu mà nàng không thể nào giải thích ra nổi. Thời ấy đang có nhiều sự xáo động, đổi thay. Trật tự xã-hội

và nếp sống cũ bị đảo lộn ; mọi người chỉ nghe theo tiếng nói của Lê-phải của Lý - trí. Những hình thức và nghi lễ về cưới hỏi cũng bị coi là những sự bày vẽ phiền phức không còn hợp thời nữa. Phong trào xã-hội đang dâng. Vũ-Phan cũng là một lý-thuyết-gia nên không tránh khỏi bị tiềm nhiễm những tư-tưởng tự do phóng túng đương thời.

« Tại sao chúng ta còn phải xa nhau ? » chàng nói. Chúng ta đã yêu nhau, lòng chúng ta đã như một, chúng ta còn cần gì đến những mô hình-thức giả dối mới có thể giàng buộc đôi tâm-hồn chúng ta làm một ? »

Thiếu-nữ cảm động lắng nghe ; nàng tỏ vẻ cũng đồng tư-tưởng với Vũ-Phan. Chàng tiếp :

« Em hiện đang không cửa không nhà, không họ hàng thân thích. Vậy em hãy ở đây với anh, chúng ta sẽ che chở đùm bọc lẫn nhau, cùng nhau chung sức xây dựng một tổ ấm. Nếu cần đến hình-thức, thì rồi chúng ta sẽ tuân theo hình-thức — đây, tay anh đây. Anh thế có hoàng thiên chứng giám, anh sẽ chung

sống với em suốt đời, sẽ thuộc về em mãi mãi không thôi ».

« Mãi mãi không thôi ? » thiếu-nữ trang nghiêm nói.

« Phải, mãi mãi không thôi ! » Vũ-Phan nhắc lại.

Thiếu-nữ nắm chặt lấy bàn tay Vũ-Phan đang đưa ra. Nàng thì thầm nói « Từ nay em là của anh, » rồi nàng ôm ái ngã đầu vào ngực Vũ-Phan.

Sáng hôm sau, Vũ-Phan dậy sớm trong khi thiếu-nữ hãy còn đang ngủ ; chàng bỏ nhà ra phố để tìm kiếm một căn phòng rộng hơn, thích hợp với hoàn cảnh đổi mới của chàng. Lúc trở về chàng thấy thiếu-nữ hãy còn nằm trên giường, đầu ngã ra ngoài thành, một cánh tay buông thõng xuống đất. Chàng gọi nhưng không nghe thấy tiếng nàng trả lời. Chàng liền tiến lên đánh thức nàng giậy để nàng đổi lại dáng nằm. Khi sờ tới tay nàng chàng thấy bàn tay ấy lạnh buốt — mạch máu không đập — mặt nàng nhợt nhạt như mặt một người đã chết rồi. Tóm lại một câu, nàng chỉ còn là cái xác không hồn.

Hoảng hốt cuống cuồng, Vũ

kêu thét vang nhà. Mọi người chung quanh đổ xô đến. Cảnh sát được mời đến nơi. Lúc viên quận-trưởng cảnh-sát bước vào phòng, nhìn thấy xác thiếu-nữ nằm trên giường, ông giật mình lùi trở lại, kêu :

— Ủa ! sao cô này lại nằm ở đây ?

— Cô ta là ai ? Ở đâu ? Ông biết rõ ư ? Vũ-Phan hỏi dồn.

« Sao lại không ? », viên quận-trưởng nói to. « Nó vừa bị chém đứt đầu ngày hôm qua đây ».

Ông tiến lên mấy bước, tháo cái khăn đen quấn cổ xác chết và cái đầu rơi lăn lóc trên sàn !

Vũ-Phan rú lên. « Ma ! Ma bắt tôi rồi ! và chàng rên rỉ, thôi

thế là hết ! Đời tôi thế là hết ! ».

Mọi người xúm lại an ủi khuyên can chàng, nhưng vô hiệu. Chàng cứ cho rằng chàng đã bị ma quỷ lừa bắt, ma quỷ nhập vào xác chết thiếu-nữ để hãm hại chàng. Sau chàng đâm ra mất trí và chết trong một nhà thương điên.

Ông già kể chuyện đến đây là hết.

Một người ngồi nghe tò mò hỏi : « Nhưng câu chuyện ấy có thật không ? »

« Sao lại không thật ? » Ông già đáp. « Chính chàng thanh-niên Đức nọ đã thuật lại câu chuyện cho tôi nghe. Tôi gặp thấy chàng ở trong một nhà thương điên ở Ba-Lê ».



★ DANH NGÔN

— Cái lưỡi giết người nhiều hơn là lưỡi gươm.

(Tục-ngữ A-RÁP)



4 - 1 : KỶ - NIỆM ALBERT CAMUS

ĐẼ GÀY 4 Janvier 1960. Lúc ấy chưa đúng hẳn 14 giờ. Trên Quốc-lộ số 5, ở Villeblevin, cách Villeneuve-la Guyard, gần Montereau, một chiếc ô-tô kiểu du-lịch xā hết tốc-lực chạy về Paris. Cầm lái là Michel Gallimard, cháu của ông chủ nhà xuất-bản mang tên ấy. Ngồi bên Michel là văn-sĩ Albert Camus.

Camus đang ở Lourmarin, nơi ông viết quyển tiểu-thuyết sắp

tới của ông, quyển « Le premier homme ». Hôm đó, ông từ Lourmarin trở về Paris để gặp André Malraux và Raoul Lévy. Raoul Lévy có yêu cầu ông đóng cho một vai trong chuyện phim « Moderato Cantabile ». André Malraux thì muốn giao phó cho ông sự điều-khiển một sân khấu thí-nghiệm.

Albert Camus trở về Paris để đáp không với Raoul Lévy.

(Albert Camus, năm 40 tuổi, đang ở trên tuyết đỉnh đồi danh-vọng, chết một cách phi-lý).

★ TỪ-TRẦM-LỆ

Đã từ hai năm, ông chỉ còn sống cho sân khấu thôi. Có một ngày nọ, ông đã có viết rằng ông chỉ cảm thấy sống thật sự trong một sân vận-dộng và trên những tấm ván của sân khấu thôi. Và

KỶ NIỆM ALBERT CAMUS

ông sẽ đáp nhận cho André Malraux.

Có một chút sương mù vương vãi mờ hồ trên cánh đồng. Không một bóng người trên con đường thẳng tắp. Chiếc máy đếm trên xe lướt qua 150 cây số giờ. Vào 13 giờ 54, chiếc ô-tô rời bỏ đường, úi vào một cây tiêu-huyền (Platane), bồng lên, va đập vào một cây tiêu-huyền khác. Đúng hồi 13 giờ 55 phút, Albert Camus, giải Nobel về Văn chương năm 1957, vĩnh biệt cuộc đời.

Năm ấy được 46 tuổi, Albert Camus chết đi, để lại một văn-nghiệp mà ta không thể quên được.

1938

...Tôi yêu cuộc sống ấy với sự buông thả không kềm giữ và tôi muốn nói về nó với sự thành thật không che dấu : nó cho tôi nỗi kiêu hãnh về cái địa vị con người của tôi. Thế nhưng người ta thường có bảo tôi : không có cái gì để mà kiêu hãnh hết. Có, có cái gì chứ, vầng mặt trời kia, mặt biển này, con tim tôi tung

bùng tràn ngập nhựa thanh xuân, thân thể tôi với cái vị muối mặn và cái khung cảnh bao la mà nơi đó tình âu yếm và ánh vịnh quang gặp gỡ nhau trong sắc vàng và màu xanh lơ. Chính để thu đoạt cái đó mà tôi phải đem ứng dụng sức-lực của tôi và những tài-nguyên của tôi.

...Tất cả nỗi kinh khiếp sợ chết của tôi nằm trong niềm ganh tị của tôi vào sự sống. Tôi ganh tị những kẻ sẽ được sống, mà đối với những người đó những đóa hoa và những sở-vọng về dân bà sẽ có được trọn cả cái nghĩa thịt và máu của chúng. Tôi ghen ghét bởi vì tôi quá yêu đời để không sao không ích kỷ được. Sự vĩnh cửu là gì, tôi không đếm xỉa tới...

(« NOCES », 1938)

Tác-phẩm « Noces » ra đời ở Alger. Đó là tác phẩm thứ nhì của một sinh viên ở Alger tên Albert Camus sanh ngày 7 Novembre 1913 ở Mondevi, và đã có cho xuất bản quyển « L'envers et l'endroit ».

« Noces » là tiếng kêu của

một chàng trẻ tuổi cùng lúc chóa mắt bởi vẻ huy hoàng, rực rỡ của cuộc đời và bị giày vò bởi ý nghĩ về cái chết không thể tránh, không cưỡng lại được của mình.

Bọc hành lý kinh nghiệm của Albert Camus vào năm 24 tuổi, năm ra tác phẩm đầu tiên: con của một nhà-nông tử trận năm 1914 ở trận La Marne, tuổi thơ ấu nghèo khổ ở Alger, khu Belcourt, trường học hương thôn, học bổng trường trung-học Alger. Bốn thứ say mê: triết học (ông chuẩn bị thi thạc sĩ), chánh trị (ông tranh đấu trong hàng ngũ khuynh tả), bóng uôn (ông là thủ - thành của hội "Racing Universitaire d'Alger") và sân khấu (ông giữ vai kép trẻ cô - diên trong đoàn hát « Théâtre du Travail » do ông lập lên). Lấy vợ năm 1933. Ly dị năm 1934. Bị lao phổi năm 1937. Phóng viên của tờ "Alger Cộng-hòa" năm 1938.

1942

... Anh ta đi rồi, tôi lấy lại sự yên ổn. Tôi đã kiệt sức và tôi lăn

ra trên giường. Chắc là tôi đã có ngủ bởi vì tôi thức dậy với những ngôi sao trên mặt. Những tiếng động của đồng quê vọng lên đến tôi. Những mùi của đêm, của đất và của muối làm mát mẻ hai thái dương tôi. Về yên tĩnh kỳ diệu của cái mùa hè lừ đừ, biển nhắc nầy đi vào trong người tôi như một lớp thủy triều. Thì, vào lúc đó, và ở biên-giới của ban đêm, những tiếng còi hụ lên. Chúng báo hiệu những cuộc ra đi vào một thế-giới mà giờ đây tôi mãi mãi dừng đứng đối với nó. Từ đã lâu lắm rồi, đây là lần thứ nhất tôi nghĩ đến mẹ tôi. Dường như tôi đã hiểu được tại sao vào lúc ngày tàn của cuộc đời, bà lại có lấy một "vị hôn phu," tại sao bà lại chơi cái trò bắt đầu làm lại. Nơi kia, nơi kia cũng thế, chung quanh cái viện mà nơi ấy những cuộc sống tắt lịm đi, buổi chiều là như một cuộc hưu chiến sâu muộn. Đã cận kề cái chết rồi, mẹ tôi phải là cảm thấy được giải phóng và bà sẵn sàng để sống trở lại tất cả. Không ai, không ai có quyền khóc cho bà cả. Và tôi đây cũng vậy, tôi cũng cảm thấy sẵn sàng để sống trở lại tất cả. Chẳng khác nào sự

giận to tát kia nó đã gột rửa cho tôi cái đau, nó tháo hết hy vọng cho tôi, và trước cái màu đêm đầy chất chứa những dấu hiệu và những ngôi sao, tôi mở lòng ra lần đầu tiên vào sự lạnh đậm êm ái của đời. Mà cảm giác nó cũng tương tự như tôi, rất gần gũi như vậy, tôi cảm thấy tôi đã được sung sướng và tôi vẫn còn thấy sung sướng. Đề cho cả thầy được phao phí cả đi, đề cho tôi tự cảm thấy mình ít cô độc hơn, tôi chỉ còn có việc mong mỏi cho có rất nhiều khán giả ngày xử quyết tôi và họ tiếp đón tôi bằng những tiếng la đầy phần nộ...

(« L'étranger », 1942)

Tháng 7 năm 1942. Trong một tháng, quyển « L'étranger » — phát hành 280.000 cuốn, làm cho Albert Camus thành tác-giả tiếng tăm nhứt trong số những tác-giả trẻ tuổi Pháp. Đó là chuyện một kẻ giết người vì ngẫu-nhiên, xa lạ với số mạng của chính mình. Quyển sách ấy tung ra một vấn-đề sẽ ám ảnh mọi tác phẩm của Camus: vấn-đề cuộc sống phi lý, được thuyết

minh và phân-tách trong quyển « Le mythe de Sisyphe ».

Năm 1939, Camus cưới người vợ thứ hai, cô Francine Faure, giáo-sư toán. Ông muốn đầu quân, bị miễn-dịch và đến ở Paris. Ông vào làm ở tờ « Paris Soir, » rút lui về Lyon năm 1940 và sáng-lập tờ « Combat, » tờ báo lên lút hoạt động cho kháng chiến.

1945

Chàng trẻ tuổi Scipion.

Tất cả mọi người đều có một niềm êm dịu trong cuộc sống. Sự đó giúp cho họ tiếp tục. Chính nơi đó mà họ quay về khi họ tự cảm thấy quá mỏi mòn.

Caligula. — Quả đúng vậy.

Chàng trẻ tuổi Scipion.

Thế trong cuộc sống của cô, không có cái gì tương tự vậy sao, sự sắp đến của nước mắt, một nơi ẩn-trú lặng lẽ?

Caligula. — Có chứ, mặt dù.

Chàng trẻ tuổi Scipion. — Thế, là cái gì?

Caligula. (châm-rải) — Sự khinh-bĩ.

(« Caligula, » 1945.)

1947

...Đứa bé, mắt vẫn nhắm, như yên lại đôi chút. Hai bàn tay nó, trở thành như những cái móng. cào cào một cách êm ái mạn giương. Chúng đưa trở lên, quào vào tấm mền, gần nơi đầu gối và, đột nhiên, đứa bé xếp đôi chân vào, kéo dúi mình lên gần bụng rồi không động đậy. Bấy giờ, nó mở mắt ra lần thứ nhất, và nhìn Rieux đang ở trước nó. Nơi chỗ trũng trên gương mặt nó giờ đông lại một màu xám đất sét, cái miệng mở ra và, gần như liền đó, từ nơi ấy thoát ra chỉ một tiếng la liên tục mà hơi thờ lẩn hơi điều-âm, rồi đột nhiên nó ngáp cả gian phòng trong một sự phản-kháng một điệu, bất hợp, và không mấy có vẻ con người, nghe như là từ ở mọi người phát ra cùng một lúc. Rieux nghiêng chặt răng lại, Tarrou thì quay đi... Paneloux nhìn cái miệng trẻ con ấy, bị bệnh hoạn làm cho nhớ bản, đầy cái tiếng kêu kia thuộc tất cả mọi tuổi tác. Và anh tự thông buông gối quì xuống và mọi người đều thấy tự nhiên khi nghe anh cất lời bằng một giọng hơi

nghe, nhưng rõ ràng bên sau cái tiếng rên rỉ không tên kia vẫn không ngừng : « Lay-Chúa ! xin cứu đứa bé này. »

(« LA PESTE » 1947)

Với « Caligula », bi-kịch của khủng khiếp, của cô-dơn và của lo-âu, Camus chinh phục sân-khấu và đưa lên một kịch-sĩ mới vào nghề : Gérard Philippe. Năm trước đó, vở kịch đầu của ông, « Le malentendu », đã làm cho nổi tên tuổi một nữ kịch-sĩ 21 cái xuân : Maria Casarès.

Làm chủ-bút tờ « Combat » từ năm 1944, mỗi ngày Camus viết những bài xã-thuyết làm cho ông trở nên hàng trường những văn-sĩ đầu quân và là thần tượng của lớp thanh niên trí thức trên thế giới. Ông rời tờ « Combat » năm 1947. Liên-kết với Jean-Paul Sartre, ông cùng Sartre và David Roussel lập lên đảng « Tập-đoàn Dân-chủ Cách-mạng » ! Năm 1945, ông làm cha của hai đứa song sanh, Jean và Catherine, và cũng năm này, ông khởi viết quyển « La Peste », diễn tả sự chiến đấu không giải quyết được giữa thiện

và ác. Quyển « La Peste, năm 1947 được giải Critiques.

1957

... Không một hơi gió, không một tiếng động, nếu không là, đôi khi, có tiếng nổ lẹt tẹt ngọt ngọt của những hòn đá mà cái lạnh nghiền nát ra thành cát; đến khuấy rộn sự cô-tịch và sự lặng lẽ vây quanh Janine. Tuy nhiên, trong một chớp, nàng cảm thấy như có một thứ hồi-chuyển nặng nề lôi kéo mảnh trời trên đầu nàng. Trong cõi dày đặc của đêm tối khô ráo và lạnh-lẽo, hàng ngàn vì sao thành hình không ngớt và những chấm băng đá lóng lánh ấy, liền ngay khi tách khỏi vòm trời, bắt đầu chúi lướt đi một cách lạnh lùng về chân trời. Janine không thể không dừng ngắm mê mải những đốm lửa phiêu bạt ấy. Nàng xoay đi cùng chúng và sự chuyển-dịch bất động ấy kết hợp nàng dần dần với cõi giới sâu thẳm nhất của nàng mà nơi đó cái lạnh và thị dục giờ đang chiến đấu nhau. Trước mặt nàng, những ngôi sao rụng xuống, từng cái một, và tắt

mất đi giữa những khối đá của sa-mạc, và cứ mỗi lần, lòng nàng mở ra thêm đôi chút vào cõi đêm. Janine hít không-khí vào, nàng quên cái lạnh, nàng quên cái khối nặng của những sinh-vật, cuộc sống điên cuồng, thác loạn hay đông sắc lại, nỗi lo âu dài dặc, cái sống và cái chết. Sau nhiều năm, đề trốn lánh nỗi sợ hãi, nàng đã chạy như điên cuồng, không chủ đích, và sau cùng nàng, dừng lại. Cùng trong lúc ấy, nàng thấy như đã tìm lại được gốc rễ của nàng, nhựa sống đang trở lại trong thân thể nàng, không rung rẩy nữa. Tì cả bụng vào bao-lon, mắt chăm chăm lên nền trời đang hoạt-động, nàng chỉ còn đợi cho con tim nàng còn hốt hoảng, đến lượt nó dựa lại và sự im lặng hiện lên trong nàng. Những ngôi sao cuối cùng của những chùm tinh-dầu buong rơi những đốm lửa hơi thấp đôi chút nơi chân trời của sa mạc, và đứng im lìm. Thế rồi, với một nỗi êm ái khó nhịu, nước của đêm bắt đầu ngập cả Janine, tràn phủ lên cái lạnh, dâng từ từ lên vào cõi trung tâm đen tối của người

nàng và tràn ra thành những lớp sóng liên tiếp cho đến miệng nàng đầy những âm rên siết. Một chốc sau đó, cả vòm trời giải trên nàng lẫn ngã ra trên nền đất lạnh...

(«L'Escal et le Royaume» (la Femme adultère), 1957)

Năm 44 tuổi, ngày 10 Décembre 1957, Albert Camus nhận ở Stockholm phần thưởng văn chương vinh-diệu nhất, giải Nobel về văn chương, phát cho toàn thể văn phẩm của ông đã « làm sáng tỏ những vấn đề hiện đại đặt ra trước lương tâm con người ».

Đã từ 10 năm rồi, ông càng lúc càng say mê sân khấu. Ông

đã sáng tác và cho diễn vở «l'Etat de siège» năm 1948, vở «Les Justes» năm 1949. Ông từ bỏ dần dần sự hoạt động chánh-trị tranh-đấu để chọn lấy một thái độ tư tưởng và suy niệm đạo đức, được phô-diễn trong «l'Homme révolté» (1951) và «La Chute» (1956).

Trong hai năm chót, ông hoạt động rất mạnh mẽ cho sân khấu : phỏng và dựng thành kịch «La Dévotion à la croix» của Calderon «Requiem pour une nonne» của Faulkner, «le chevalier d'olmedo» của Lope de Vega, «les Possédés» của Dostoievski. Tác-phẩm xuất bản chót hết của ông là một tuyển-tập, những tân-truyện : «l'Escal et le Royaume.»



★ DANH NGÔN

● *C'est un joli défaut de la nature*

(Đây là một sai-lầm xinh-đẹp của thiên-nhiên).

MILTON (Thi-sĩ Anh)

hận tình đời



Sương bao phủ cả vòm trời thăm thẳm
Gió êm đềm trong cánh lá vàng rơi,
Mây từ đâu đến áng cả chân trời
Lòng lơ khách ngẩn ngơ tình thơ mộng
Tiếng than thờ vụn u-hồn buồn hận
Hát lời ca, hòa nhạc gió lâm ly
Đêm chợ đời, đổi lấy chút sầu bi
Khúc ai-oán tận nguồn tim ổng máu
Ôi ! nhỡ sông lịm dần trong chiến đấu
Thả hồn trôi theo gió nhẹ ban chiều
Và lặng nghe trong cành lá đìu-hiu
Đời mộng đẹp duyên tình còn đan-diu
Ly rượu cúc men nồng sao êm dịu
Khói hương trời, bao mộng ngọc thơ duyên
Buông lời ca theo khúc nhạc trang huyền
Ai chế ngự cõi lòng ta khi đó ?

VÕ-ĐÌNH-DZU

(Trà-câu, Quảng-Ngãi)

TUẤN.

★ NGUYỄN-VỸ

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT 1910 1960

Dẫn chứng lịch sử và xã hội hiện tại

(Xem từ P.T. số 54)

MỘT buổi sáng ngày Thứ-Ba, Tuấn - em đang ngồi chằm - chỉ nghe thầy-giáo lớp Năm giảng bài Địa-Dur, bỗng có tiếng giầy tây của quan Đốc-học đi lộp-dộp ngoài hiên rồi bước vội-vàng vào lớp. Học-trò đứng dậy. Quan Đốc (người tỉnh Nghệ-An) nói tiếng Tây trọ-trẹ với Thầy-Giáo vài ba câu gì đó, rồi quay lại nói tiếng Việt với học trò :

— 5 giờ chiều nay có Máy-bay tới tỉnh, vậy chiều nay cho nghỉ học để các trò đi coi máy-bay. Tất cả học trò đều phải đến trường hồi 3 giờ để Thầy-Giáo dẫn đi. Nghe không ?

Cả lớp đều đồng thanh « Dạ ! » rần lên một tiếng. Quan Đốc lại nói tiếng Tây với thầy Giáo vài ba câu rồi đi ra. Thầy bảo học trò :

— Asseyez-vous ! (Các trò hãy ngồi xuống).

Học-trò ngồi xuống, rồi thầy tiếp-tục giảng bài. Dạy xong, gần mãn giờ, Thầy mới bảo :

— Các trò nghe Quan Đốc dặn lúc nãy, phải nhớ đấy ! Chiều nay nghỉ học, nhưng 3 giờ các trò phải đến trường để Thầy dẫn đi coi Máy bay... Các trò có biết Máy-bay là cái gì không ?

Cả lớp đồng thanh trả lời :

— Thưa Thầy, các con không biết.

Thầy-Giáo giảng :

— Máy-bay là cái máy biết bay. Nó bay như con chim bay vậy,

TUẤN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

nhưng nó là con chim thật to, có hai cái cánh thật to, trong ruột nó có cái máy, nó ở ngoài Tourane bay vô, nó sẽ đậu gần Chợ Ông-Bổ, cách xa tỉnh 4 cây số.

Tuấn-em ngồi bàn đầu, dơ ngón tay lên. Thầy hỏi :

— Trò Tuấn hỏi gì ?

Tuấn đứng dậy, vòng tay lễ phép :

— Thưa Thầy, Máy-bay nó đậu trên ngọn cây, hay nó đậu trên nóc chợ ?

Thầy cười :

— Nó đậu trên đám đất trống, phía sau chợ.

Một trò khác dơ ngón tay lên, hỏi :

— Thưa Thầy, Máy-bay nó đậu trên đám đất, nhưng chiều nay nó thấy mình tới coi đông quá, nó sợ nó bay mất thì làm sao coi được ?

Thầy trả lời :

— Máy bay có Ông Quan-Ba Tây lái, ông cho nó đậu đấy để người ta tới xem. Sáng mai nó mới bay vô Qui-Nhon.

Tuấn-em lại dơ tay lên hỏi :

— Thưa Thầy, Thầy đã thấy cái Máy-bay chưa ? Minh đứng coi, nó có hít mình vô trong bụng

nó như Xe-Điện không ?

— Thầy thấy hình vẽ cái Máy-bay trong Tự-diễn Larousse chứ thầy chưa thấy Máy-bay ở ngoài. Chiều nay Thầy dắt các trò đi coi, Thầy cũng coi. Từ trước tới giờ đâu có Máy-bay mà coi. Bây-giờ Nhà-nước Bảo-hộ mới đem một chiếc Máy-bay từ bên nước Pháp qua cho người An-Nam xem. Quan Công-sứ tư giấy qua cho Quan Đốc-học, để cho học-trò đi coi. Vậy chiều nay tới chỗ nó đậu các trò phải đứng với tôi, tôi đi đâu các trò đi theo đấy, chớ đừng chạy bậy-bà, đừng có lại gần nó mà chết đấy, nghe không ?

— Dạ ! (cả lớp đều dạ một cách hồi-hợp, lo sợ.)

Tuấn-em trưa về nhà thưa lại với Anh Hai nó, và Cha Mẹ nó. Cứ mỗi lần thằng con trai út sắp đi dự lễ, hay đi đâu như thế, là thím Ba, mẹ Tuấn, lo cho Tuấn rất tươm-tất không để thiếu-sót một tý gì. Thiêm mặc áo quần sạch-sẽ cho nó, (Áo dài đen bằng vải trắng-dầm, quần vải quynh trắng), thím lấy chổi lông-gà quét bụi trên chiếc mũ trắng của nó, cho nó một tiền, (60 đồng tiền ăn-ba) để

nó đi xa có tiền ăn bánh, uống nước. Luôn luôn thím căn dặn nó : « Con nắm áo Thầy giáo đi theo sát bên cạnh Thầy, chớ dưng nó dõn với bạn bè chạy nhầy tung tăng, lỡ cái Máy-bay nó hít chết nghe không, con ? »

Tuần-em ngoan-ngoãn: « Dạ »

4 giờ chiều, 5 ông Thầy-Giáo dẫn 5 lớp học-trò đến đám đất trống sau chợ Ông-Bố, thì thiên hạ đã tụ họp nơi đây như một buổi chợ. Nghe đồn có Máy-bay đến, hầu hết người lớn trẻ-nhỏ trong thành-phố đều nô-nức tới xem. Người ta kéo nhau lũ-là lũ-lượt, đi chật đường chật sá, dân chúng khắp các nơi đổ dồn về đông nghet. Tất cả các sở Nhà-nước đều nghỉ việc, để cho các Thầy Thông thầy Ký, dắt vợ dắt con đi xem Máy-bay. Con đường hương-lộ từ Tỉnh lên thôn Ông - Bố, ngày thường chỉ lưa - thưa vài ba bóng người, nông-dân đi cày bừa, thôn-nữ đi chợ, hôm nay có hàng muôn nghìn người chen-chúc nhau đi, như một ngày Đại-hội. Đường đắp đất ruộng, bụi bay lên mịt - mù.. Trừ ra những người giàu sang có tiền đi xe-kéo, còn toàn-thê đều đi bộ trên đường quanh co giữa thôn-

quê, dài trên 4 cây số. Xe-kéo có đeo trái lạc, chiếc xe chở hai ba người, anh phu-xe khom lưng kéo, tay rung chiếc lạc kêu leng-keng... leng-keng,.. người bộ hành phải bước xuống ruộng để cho xe đi, vì con đường chật-hẹp. Nhiều người bức mình, cứ đi giữa đường không chịu né một bên, anh phu-xe phải năn-nỉ : « Bà-con làm phước tránh chỗ cho xe đi chút, bà-con ! » Tránh chỗ thì tránh, nhưng không tránh khỏi cãi lộn và tranh-giành nhau đi trước, vì ai cũng sợ tới trễ. Rốt cuộc, tất cả mọi người đều vui-vẻ đến đám đất chợ Ông-Bố, mà chờ Máy-bay chưa tới. Nếu đếm số người đi đón xem Máy-bay hôm ấy có lẽ hơn vài nghìn người. Đây là lần đầu-tiên người ta nghe nói đến « Máy-bay ». 4 giờ rưỡi, ai nấy xôn - xao, « Quan - Sứ » đi « xe-diện » đến. Lính tập đã sắp hàng đứng đón, thồi kèn lên và bồng súng chào. Dưới ánh nắng chiều, hai giầy lười-lê cắm trên miệng súng, sáng-quắc nom thật là oai-hùng... « Các Quan Tây » cũng lục-tục tới, người đi ngựa, kẻ đi xe-kéo bánh sắt, hay bánh cao-su. Một lúc sau « Quan Tuần-Phủ » mới đến, có Lính - lệ cầm

trống tiêu-cờ đi trước báo hiệu, đánh trống « Tum !.. Tum !.. » Nhưng Quan-Tuần tỏ vẻ sợ - sệt khi thấy Quan Sứ đã đến trước rồi, Quan Tuần vội-vàng xuống xe-kéo cao-su, đi thẳng đến Quan Sứ, cúi đầu vái... vái...

Người ta thấy Quan Sứ vui-vẻ nhã-nhận bắt tay Quan Tuần. Quan Tây nói chuyện với Quan ta, có thầy Phán Tuấn đứng bên cạnh làm thông-ngôn.

Quan Tây móc « đồng hồ trái quít » ở trong túi ra xem : đã 5 giờ kém 15. Ông liền truyền lính đốt rơm và bả mía đã chặt sẵn thành một đồng to-tướng nơi góc ruộng kề đấy. Tuần-em không hiểu đốt rơm làm gì, hỏi Thầy Giáo, Thầy Giáo không hiểu chạy đi hỏi quan Đốc-học. Quan Đốc cũng không hiểu, đến hỏi Phán Tuấn. Tuấn bảo : « Dạ thưa Quan lớn, đốt để khói lên làm dấu-hiệu cho Máy-bay thấy chỗ đáp xuống, vì Máy-bay sắp đến ». Tiếng xì-xăm truyền từ miệng này sang miệng khác : « Máy bay sắp đến !.. Máy bay sắp đến !.. » Và không ai bảo ai, muôn nghìn cái đầu đều

ngước lên trên vòm trời xanh thẳm.. Muôn nghìn cặp mắt đều lục-lọi, nhìn dăm-dăm tận các làn mây xa.. xa út ngoài hướng Bắc... tìm kiếm bóng dáng chiếc Máy-bay mà chưa ai biết như thế nào.

Làn khói trắng từ nơi đồng rơm và bả mía ngùn-ngụt cháy, vươn mình lên không - trung như một nàng Tiên uốn-lượn thân-hình mảnh-khảnh, như đang say-sưa một vũ-diệu mê-ly, đón chờ con Chim-Thần của Khoa-học Tây-phương..

5 giờ... 5 giờ 15... 5 giờ 30... Nhiều người bắt đầu nói bông-lơn. Nói bông-lơn, vẫn là đặc-tính của người dân quê ta. Kể thì tùm tùm cười, bảo : « Chắc chim bay xa, gãy cánh rớt xuống biển rồi ! » Kể đáp lại với giọng mỉa-mai khác : « Chú mày nói bá-láp nè ! Chim Thần-diều của nước « Đại-Pháp » thì có « phép lớn », đâu như chim se-sẻ của An-Nam ! ».

Các quan Tây coi bộ sốt ruột lắm. Trời đã chạng-vạng. Nắng chiều đã tắt sau các lũy tre xanh xào-xạt gió... Làn khói-rơm duyên dáng cũng đã mỗi mệ, chỉ

còn như một hơi thở yếu dần... Một con quạ bay tít nơi xa... hàng trăm ngón tay chỉ-chỏ, và bao nhiêu người reo lên « Máy bay tới kia!... Máy bay tới kia!... » Các « quan Tây », « quan An-Nam » cũng tưởng thật, tất cả những con mắt đều ngó theo con quạ đen... Rốt cuộc, con quạ đáp xuống một cành tre. Cờ lê nó mắc-cở, không dám bay đến phi-trường. Thiên-hạ chăm-chú ngó con quạ, trong lúc một người lính tập và một ông Tây phi ngựa từ dưới tỉnh lên, lính cỡi ngựa - ô chạy trước, ông Tây cỡi ngựa-kim chạy theo sau, tức-tức đến « phi-trường » mà không ai trông thấy.

Ông Tây phi ngựa thẳng đến chỗ Quan Sứ đứng rồi hai người bắt tay nhau, nói chuyện xi-lô xi-la, xem giấy tờ nhau, rồi cười ăm-ăm.

Thiên-hạ không ai chờ đón Máy-Bay nữa, nhưng lại tò-mò muốn biết ông Tây nào lạ mới đến đây vội-vã và bất ngờ như thế, có chuyện chi ? Người ta xôn-xao, hay có biến-loạn ở đâu ? Bỗng từ chỗ ông Sứ đứng Quan Đốc-học đi nhanh đến các Thầy-Giáo, vừa nói

vừa cười:

— Sáng nay quan Sứ ở Tourane đánh giầy thép vào cho Quan Sứ ta, bảo là « *Commandant Avion arrivera ce soir* » (Quan-Ba Máy Bay sẽ đến chiều nay), quan Sứ ta xem vội giầy thép vì mừng quá, nên xem sót một chữ thành ra « *Avion arrivera ce soir* » (Máy Bay sẽ đến chiều nay) ! Ông Tây lạ mới đến kia chính là quan Ba Phi-công ở ngoài Tourane vào để quan sát phi-trường trước đã, xem diện tích có rộng lớn và bằng-phẳng cho Máy-bay đáp xuống được không, nếu được thì sáng mai ông trở ra Tourane rồi 3 hôm sau máy bay mới đến.

Quan Tuần cũng bảo lính đi rao cho dân chúng biết như thế, rồi thiên hạ giải-tán. Thế là ngày đầu thiên-hạ thất vọng vì xem hụt Máy-bay.

Nên kể thêm rằng 3 hôm sau, cũng vào khoảng 5 giờ chiều, máy-bay có đến. Một chiếc máy bay lớn sơn màu trắng, bốn cánh hình chữ nhật cũng màu trắng, hai cánh trên, hai cánh dưới. Phi-cơ bay lượn ba vòng trên đám đất trống khá rộng và đã

được dọn dẹp sạch sẽ không có một bụi cỏ. Nhưng nó bay tít vào hướng Nam, còn một cái chấm đen rồi biến mất, làm cho khán giả lại thất vọng, tưởng nó bay luôn. Nhưng một lát sau, nghe tiếng kêu ầm ầm trên trời, mà không thấy nó đâu... bỗng từ trong làn mây trên rặng tre xanh, nó xuất hiện ra đột ngột, to-lớn như một con chim kỳ-quặc kinh-khủng, bay lượn mấy vòng nữa, tiếng nó kêu vang động cả vòm trời. Rồi nó lù lù hạ xuống thấp tận nơi xa và chạy thẳng đến giữa

phi-trường, ngừng lại. Một cái chong-chổng còn quây tít, gây ra một làn gió mạnh, làm bay nón bay khăn của đám khán-giả ngo-ngác. Ai nấy hoảng-sợ, cả đám học-trò, chạy lui xa năm sáu bước. Người ta thấy rõ mặt ông Quan-Ba hôm trước từ trong phi-cơ bước ra tươi cười bắt tay Quan Sứ...

Đó là năm 1920. Cũng như tất cả mọi người trong tỉnh, hai anh em Tuần được trông thấy chiếc máy bay lần đầu-tiên...

(Còn nữa)



Đáp một số bạn đọc :

Rất đông Bạn đọc viết thư hỏi « Tuần có phải chính là tác giả không ? » Xin đáp rằng : *Không*. Tuy những sự-kiện dẫn chứng trong tập ký sự lịch-sử và xã-hội này đều đúng hoàn toàn với sự thật, nhưng Tuần chỉ là nhân vật tượng trưng, như tôi đã nói ngay từ lúc đầu. Tất cả các nhân-vật trong quyển này đều là tượng-trưng, phản-ảnh các nhân-vật điển hình sống trong thời buổi ấy. Thanh, Tuần (anh và em) cô Ba Hợi, Thầy Giáo, Quan Đốc,

Quan Tuần, Quan Sứ, v.v... và những nhân-vật khác sẽ nói đến sau này, đều có thể là ông A, ông B, hoặc ông C... đã sống thời bấy giờ. Họ có thể có thật. Có thật mới dẫn-chứng được cho Lịch-sử và phản-ảnh đúng đích-xác hoàn-cảnh và phong-dộ xã-hội của thế-hệ vừa qua.

Tác-giả đóng vai hoàn-toàn khách-quan, chỉ tả lại trung-thành và đầy đủ những điều mình đã thấy, đã nghe, hoặc đã sống một phần nào, nhưng nhân-vật Trần-anh-Tuần không phải là tác-giả.



«ĐÁP cỏ - kính h ra ... TÌM LẤY BÓNG»

★ B.S. HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG

Những tấm cổ kính xưa, nếu còn sót lại là những kho tàng dành trữ hình ảnh của người xưa. Các bậc vĩ-nhân của sử-ký Việt-Nam như hai Bà Trưng-Vương, Đức Trần-Hưng-Đạo, Vua Lê-Lợi, Vua Quang-Trung... hiện nay không để lại tôn-nhan, nhưng người ta có thể tìm ra tôn-diện các vị ấy nếu người ta giữ được các bức kính mà thường ngày các vị dùng để soi.

Câu chuyện mới nghe có vẻ hoang đường nhỉ? Không đâu, có nhiều chuyện hoang đường hơn nữa mà ngày nay đã thành sự hiển-nhiên: bay ngàn dặm trên mây, lặn dưới biển giá từ

A I ngờ đâu những chuyện thơ mộng mà có thể thực hiện, có thể thành hình được. Sống ở thế-kỷ 20, đời nguyên-tử, người ta đi từ chuyện lạ này đến chuyện lạ khác, người vừa mới bị ngạc nhiên này thì chốc lát bị ngạc nhiên khác.

Ngành Quang-học (*optique*) đời nay rất tiến-triển, nó có thể giúp cho hậu sinh thấy được chân dung của các bậc tiền-bối ở trong các tấm cổ kính.

ĐÁP CỔ KÍNH RA

phương-Đông qua phương-Tây, núp dưới làn sóng gần 2 tháng, dạo vòng quanh địa-cầu lên đến cung quế... những chuyện nhontạo như thế đó, có phải là phong-thần đầu nữa! Tìm hình ảnh người xưa nơi cổ kính sẽ là một kết quả của khoa-học ngày gần đây.

● Một chút Quang-học kỹ thuật

Nguyên-tắc hơi có vẻ thơ mộng này gồm ở điểm « phục hồi lại hình ảnh » của các tấm gương soi. Về phương diện khoa học truyền thống (*Science - orthodoxe*), ý định này thật là vô lý, bởi vì những hình ảnh cho bởi gương soi đều là ảo (*virtuelle*) nên chúng không thể có một điểm tựa vật chất nào cả (tạm dịch chữ *Support physique*).

Sự phản chiếu ánh sáng là một hiện tượng: « Nảy năng lượng » (*rebondissement d'énergie*), sự « nảy » này làm nhiều-loạn một phần nào những nguyên-tử của mặt phản chiếu của gương (tức là mặt tráng thủy của gương, gồm có một lớp thiếc (*étain*) hoặc một lớp bạc.

Sự nhiễu loạn xảy ra như thế nào? Những quang-tử (*photon*) kích động những âm-diện-tử ở tầng ngoài cùng của các nguyên-tử kim loại. Phép chụp ảnh cũng xây dựng trên nguyên-tắc này, nhưng những nguyên-tử của lớp thủy tráng gương không được « nhạy » (*Sensibilité*) bằng chất muối bạc của những phim ảnh. Và người ta nghĩ rằng sự nhiễu-loạn đó nếu có, cũng sẽ mau tan biến như mặt nước hồ thu sẽ lại yên-tĩnh sau vài gợn sóng li-ti bởi một vài lá vàng rơi.

.. Ấy thế mà chúng ta đã làm! Sự « phục hồi » các hình ảnh đã thành công rất mỹ-mãn và sự khó khăn chính yếu là làm sao phân chia được thời kỳ; nghĩa là làm sao để « phân loại » được các hình ảnh. Nếu bạn có trong tay một tấm gương mà cô đào B.B. thường soi thì điều khó khăn mà bạn sẽ gặp là làm sao cho hình-ảnh mỹ-miệu của cô đào danh tiếng ấy không bị pha lẫn với hình ảnh của các bà cụ-tổ nằng, các cụ-tổ đã cùng soi gương chung này. Cổ nhiên mục đích của bạn là tìm lại hình ảnh của nằng, thế mà cứ bị hình ảnh các

cụ tổ xen lẫn vào, điều này làm bạn mất thú-vị biết bao ! Mục đích mà các nhà quang-học đang cố gắng thực hiện là tạo - tác lại hình ảnh trong những « chu-kỳ »

thật bé ; vào khoảng $\frac{1}{12}$ của một giây đồng - hồ, (Seconde) và khi chúng ta chiếu các hình - ảnh ấy lên một tấm màn, chúng ta sẽ nhìn thấy những động tác linh động (tức là một chuỗi hình ảnh liên tục) y hệt như chiếu bóng vậy.

Khi đã rõ hình trên màn - ảnh thì người ta phân tách từng ảnh một mà chụp riêng ra. Đây là một chuyện đi ngược lại thời gian để tìm hình-ảnh của dĩ-vãng. Chúng ta đều ước mong được thấy mặt tổ-tiên. Nếu trong gia-bảo còn sót lại những tấm kính soi riêng để dành đó, một ngày gần đây sẽ có những hiệu nhiếp-ảnh chuyên môn phục hồi các tôn diện nghìn xưa. Nếu nói rằng sự đó vô-ích, sao ngày nay người ta để lại cho hậu thế những bức họa, những tấm ảnh, những cuốn phim, những pho-tượng đồng, tượng đá, những đĩa-nói, những giấy thêu-thanh ?

● Chụp-hình giấc-mộng

Phải chi Tản-Đà còn tại thế, ông không cần bút tả các « giấc mộng bé, mộng lớn » của ông. Các giấc mộng ấy có thể thâu vào một cuốn phim, cuốn phim ấy, để trong một bàn máy, máy ấy nối liền qua Sọ-dừa bởi những giây-diện. Ban đêm, trong khi người ngủ, máy tự-dộng quay phim. Ban ngày, lấy phim ra rửa. Cứ thế tiếp-tục quay phim, mãi đến khi nào thấy hình hiện ra thì được. P. Devaux, một nhà khoa-học danh tiếng, có thuật lại sự thành công của một cuộc thí-nghiệm chụp-hình giấc chiêm - bao. Thí-nghiệm vật là một kỹ-sư. Trong giấc-ngủ, người này thấy chiêm-bao lễ đám-cưới của chàng ta đã cử-hành 20 năm về trước. Cuốn phim quay trong giấc triền-miên đã thâu lại cảnh - vật của phút-chốc « tiểu đặng - khoa » : hai họ ở nhà-thờ bước ra, cô dâu duyên dáng trong bộ y-phục trắng-bạch của tân-giai-nhơn, chú rể vui-vẻ và chỉnh-tề cảm-tạ những thân-bằng quyến-thuộc.

Các giới « Quang-Học » của Anh, Mỹ, Đức, Ý, hiện nay

đương đề-tâm tìm-kiểm về nghệ-thuật này.

● Vào thọ-ly

Ở nước Mỹ, viện khoa - học có tổ chức một ban chuyên-môn khảo-cứu các bản đề nghị có tánh cách ảo-huyền, viễn-vông, các sáng kiến ấy mới đọc qua xem như của điện-cường, như của thần-thoại. Nhận được điều-trần, người ta không bỏ qua mà chịu khó xét nghiệm kỹ-lưỡng, kêu gọi lý-trí một cách vô-tư, thảo - luận chặt-chẽ với các bộ óc chuyên-nghiệp. Điều-trần nào có thể thực hiện

được thì ban ấy cho « vào thọ lý ». Những đề-nghị được vào sổ vàng là những bài toán-đố.

Tìm ra được giải pháp các bài toán-đố ấy có khi cần đến hai ba mươi bác-học hay là kỹ-sư thuộc đủ ngành. Tìm hình - ảnh trong cỏ kính, quay phim giấc-mộng... đó là những đề-tài đã được vào thọ-ly và đã thực-hiện. Sự thực-hiện ấy đã thoát vòng « mơ-tưởng » qua giai-đoạn phôi-thai. Tương lai gần đây, ta sẽ làm quen với nó một cách dễ-dàng hơn, như ta đương làm quen với một máy ảnh hay 1 máy thu-thanh vậy.



★ DANH NGÔN

● Chúa hối-hận đã tạo ra đàn-ông, không bao giờ hối-hận đã tạo ra đàn-bà.

(Dieu qui s'est repenti d'avoir fait l'homme, ne s'est jamais repenti d'avoir fait la femme)

MALHERBE (Thi-sĩ Pháp)

KÝ GIẢ THỬA TRƯỚC

★ Tê-Xuyên



(Tiếp theo P.T. số 72)

KỂ có trách-nhiệm về an-ninh trật-tự là viên cơ Robert thì bị chỉ mặt gọi tên trên mặt báo và bị tố cáo là người « bán đứng bến xe » cho một nhóm anh chị và che chở cho nhóm này mua gây vườn hoang « dọc ngang nào biết trên đầu có ai ».

Lê-Trung-Nghĩa lên xuống Cần-thơ như đi chợ. Mỗi khi cần điều-tra bồ túc, mỗi khi nghe được ai có tài liệu chân xác là anh mau chân đến thăm, đề bồ túc cho hồ sơ của anh. Chắc hẳn bọn cầm quyền địa-phương phải ngạc-nhiên về sự « gan dạ » của anh, rồi phải nghi ngờ rằng anh có một thế lực gì mới dám hoạt-động đương nhiên như thế. Lê-Trung-Nghĩa

chỉ có một thế-lực là tờ báo, một vũ khí là ngòi bút dám viết. Thế thôi.

Thiên phóng-sự điều tra của anh đăng lên báo đã làm rung động tỉnh Cần thơ ; anh em làm nghề xe đò được nói rộng bớt cái ách độc quyền đè nặng trĩu trên cổ từ trước tới giờ. Nhưng nạn độc quyền chưa thể chấm dứt hẳn.

Giúp được cho một số anh em cần-lao ở Cần-thơ, Lê-Trung-Nghĩa sau phải mang cái họa vào người ; may thay chỉ là cái họa nhỏ : anh bị cô Robert kiện về tội phỉ báng. Vì là vụ kiện liên hệ đến một công-chức (tiên cáo) nên vụ này đem ra tòa án Đại - hình xứ. Như hầu hết các vụ án

KÝ GIẢ THỬA TRƯỚC

phỉ báng bằng báo chí bị đưa ra tòa, bao giờ nhà báo cũng có lỗi nhiều hay ít vì đạo luật báo chí năm 1881 là một đạo luật thung rần, có lợi cho tiên cáo và bị cáo cầm chắc sự thất bại trong tay.

Lê Trung Nghĩa đã biết cái cứu cánh của loạt bài phóng sự của mình là thế nào anh cũng ra tòa và bị kết án. Biết trước con đường phải đi đến đâu, anh không lo sợ là gì và sẵn lòng gánh chịu tất cả hậu quả. Anh bị kết án và về mặt pháp lý viên cơ đã thắng trận, được bồi thường danh-giá 1 đồng bạc.

Nhưng trước tòa án dư-luận, viên cơ ấy đã bị lên án trước rồi, anh ta đã bị tờ báo của họ Lê trung nhiều bằng cơ quá nên tội của anh ta không thể nào không có một sự trừng phạt hành chánh : cô Robert bị rút về nha Công-an Cảnh-sát ở Saigon để chờ sự điều tra và quyết định của thượng - cấp.

Bộ hạ của viên cơ, còn ở lại Cần-thơ, tìm cách trả thù cho chủ cũ bằng mọi biện - pháp công-khai. Nhưng nhà báo cố giữ mình nên không vương vào bẫy của chúng.

Nạn độc quyền bến xe tạm

thời chấm dứt trong ít lâu, để cho dư-luận nguội đi rồi lại tái phát.

Nghĩ lại nghề viết báo ở xứ nào, ở thời buổi nào, cũng thường gặp những tai nạn rủi-ro khi kẻ viết báo tận tụy với lương-tâm nghề nghiệp. Như bên Mỹ, có ký-giả Victor Riel bị tạt át-xít đến đùi cả hai mắt vì anh ta đã viết bài tố cáo bọn lưu manh lợi dụng nghiệp đoàn mà bán đứng anh em lao-động cho thế-lực tư-bôn.

Lê-Trung-Nghĩa chưa đến nỗi chung số phận bị dắt như Victor Riel là vì hồi 30 năm trước, ở xứ thuộc địa, bọn người có thế, có quyền chưa đi đến chỗ tỏ chức quá chu đáo và khoa-học như ngày nay ; hơn nữa, theo chỗ chúng tôi được biết, Lê-Trung-Nghĩa đã từng lên xuống dinh Thống-Đốc, để nói rõ cho Thống-Đốc Pagès biết việc làm của anh trong phạm-vi viết báo, có lẽ kẻ thù của anh đã biết những sự đi lại của anh với dinh Thống-đốc mà phải nể anh một phần nào. Ngay trong vụ điều tra vụ cướp 2000 mẫu đất của nông dân Thạnh-Quới, Lê-Trung-Nghĩa cũng có nói trước cho Thống-Đốc hay việc anh sẽ làm, nên anh không bị đối phương hăm hại.

Từ vụ Thạnh-Quới, Vọng-Thê

(ở Long Xuyên) đến vụ phá độc quyền bến xe ở Cần-thơ, ký-giả họ Lê đã nâng cao uy-tin của nghề viết báo một phần nào. Kể viết báo nếu trọng thiên chức thì bất chấp cả kẻ giàu quyền mạnh thế, chỉ biết nghiêng mình xuống các tầng lớp bình dân đau khổ mà lắng tai nghe những tiếng rên-siết của họ rồi tìm phương-thế đưa ra ánh sáng dư-luận tất cả những vụ bất công bất chánh mà những lớp người này phải gánh chịu.

Cái vinh của nghề làm báo là ở chỗ đó.

Các nước Âu Mỹ đặt những phần thưởng để khuyến-kích ký giả làm-tròn thiên-chức của mình. Như ở Huế-kỳ, giải-thưởng Pulitzer được đặt ra từ năm 1917, đã phát cho nhà phóng viên George de Carvalho năm 1952 vì anh này tố cáo bọn lưu manh ở Cựu-Kim-Son sống về nghề hăm dọa và làm tiền các Huế-kiều đại thương gia ở tỉnh này. Carvalho là ký giả của báo San Francisco Chronicle. Nhờ thiên phóng sự của anh mà công an bắt được trọn ổ đám lưu manh sống về nghề bất chánh.

Cần nói thêm : giải Pulitzer là giải thưởng rất lớn ở Mỹ do ông Joseph Pulitzer, chủ

nhơn tờ báo «St Louis Post Dispatch» lúc làm chung (năm 1911) đã làm di chúc để trích một phần lớn gia tài mà đặt ra để hàng năm thưởng những hoạt động về báo chí và văn-nghệ có ích lợi cho xã-hội.

Bên Pháp có giải Albert Londres để thưởng cho các bài phóng sự của các ký giả có công tâm. Giải này được đặt ra để kỷ niệm nhà đại phóng viên Albert Londres đã tử nạn trong vụ tàu «George Philippart» cháy năm 1932. Albert Londres cũng đã từng nổi danh về các thiên phóng sự của ông trong đó có phóng sự «Aubagne» tố cáo những sự hà khắc trong chế độ lao tù ở Guyanne và đã thân được kết quả là bất bộ thuộc địa và bộ tư pháp ở Pháp phải thi hành nhiều điều cải cách cho tù nhơn ở đây.

Tôi bùi ngùi khi viết các tên Lê-Trung-Nghĩa, Carvalho, Victor Riel, Abbert Londres và nghĩ đến các bạn đồng nghiệp của tôi đang bị dư luận gán cho cái danh-từ «Ký giả cà-phê»...

Trong thời khói lửa, Lê-Trung-Nghĩa ở miền Trung kháng chiến, tại quận Phong-Điền tỉnh Thừa-Thiên. Năm 1947 anh bị quân Pháp bắn chết

dưới hầm cùng vợ anh. Đứa con gái duy nhất của anh sống sót, hồi đó 5 tuổi, được giao cho Viện Mồ Côi ở Huế nuôi, nay thành nữ tu sĩ dòng Dương-Son.

Một hôm có nhà giáo thấy tôi viết về đời làm báo của Lê-Trung-Nghĩa, đã hỏi tôi :

— Anh có biết tại sao Lê-Trung-Nghĩa giải nghệ, bỏ nghề gõ đầu trẻ, để qua nghề cầm bút không ?

— Chắc là vì anh ấy thích một nghề hoạt-động, thích nghi với tánh hăng hái của anh.

— Không phải anh ạ. Có một phút định mạng trong cái buổi giao thời của anh từ nghề nọ bước qua nghề kia. Phút định mạng ấy ở vào một buổi sáng thầy giáo Nghĩa đang dạy học Lịch-sử nước Pháp cho học-sinh lớp Nhi Tiều-học. Hồi đó vẫn dùng cuốn sử của người Pháp viết, cuốn «Histoire de France» mà bất cứ tác-giả nào cũng viết trong bài đầu một câu đại đề như sau này : «Notre pays s'appelait la Gaule ; nos ancêtres étaient les Gaulois» — (Nước ta xưa gọi là Gaule ; tổ tiên ta là người Gaulois). Lê-Trung-Nghĩa bắt học-trò của ông sửa lại là «La France s'appelait la Gaule ; les ancê-

tres des Français étaient les Gaulois» — (Nước Pháp xưa gọi là Gaule ; tổ tiên người Pháp là người Gaulois).

«Trong khi hầu hết các giáo viên khác đều để nguyên văn, cuốn sử Pháp cho học-trò học thuộc lòng như kết học nói, được các ông đốc Pháp (hiệu trưởng) gật gù khen ngợi vì vô hình chung người Gaulois đã thành tổ tiên người Việt-Nam, — thì viên thanh-tra Pháp một hôm đến khám lớp của thầy giáo Nghĩa nhằm vào giờ dạy sử Pháp ; ông nghe được học-trò trả bài không đúng «đường lối». Ông bèn xét sách vở học trò, rồi chất vấn thầy giáo sao dám sửa văn một người Pháp, tác-giả cuốn sách ?

«Chẳng biết cuộc tranh luận gay gắt ra sao đó mà viên thanh tra thốt ra một câu ngắn, rất thông dụng trong giới thực dân, từ anh biện Tây (cảnh sát viên) đến một vài vị chủ sự thiếu lịch-sự. Câu ấy là : «Sale Annamite !» Thầy giáo Nghĩa đỏ mặt, thốt ra một câu tiếng Pháp có nghĩa rằng : «Giống An-nam dơ-bần» sao chú mày còn cứ bám vào đây mà sống mãi, không về xứ cho rồi ?»

«Viên thanh-tra dơ tay toan

tát tai làm dữ, nhưng thầy Nghĩa cũng cầm bình mực toan liêng bề mặt đối phượng. Vào phút quyết liệt thì cả hai bên dần được tạnh nóng và thầy Nghĩa không bị ăn tát tai cũng như viên thanh tra không phải ăn... bình mực; nhưng rủi ro mực văng ra cùng mặt và áo viên thanh tra. Ông này cũng còn cố bình tĩnh, chỉ xỏ ra một chuỗi lời chữi thề, mắng nhiếc rất nặng mà không đi tới chỗ bạo-dộng.

« Sau vụ bôi lem người đại diện của chánh phủ Pháp, thầy Nghĩa bị mời về vườn và hũ gạo của gia-đình thầy bị bẻ từ đó. »

Ông bạn nhà giáo của tôi thuật lại câu chuyện trên đây rồi kết luận ra về triết lý : « Định - mạng đã khiến cho Lê-trung-Nghĩa dùng bình mực để bình vực cho quốc-thể thì Định mạng cũng mở đường cho họ Lê dùng mực để tiếp-tục sự mạng phục-vụ Quốc - gia. Con người ấy đã dám làm dữ với Thực-dân thì sau này cũng dám phan-phui tất cả các việc thú nạt của nhóm Thực-dân trong bộ máy hành chánh ở Cần thơ đã che chở cho một nhóm « anh chị đứng bên ».

Câu giai-thoại trên đây, tôi xin ghi chép để bạn đọc hiểu

rõ kỷ giả Lê-Trung-Nghĩa hơn. Giai thoại ấy cũng xin dùng làm câu kết đoạn hồi ký về Lê-Trung-Nghĩa bút hiệu « Việt-Nam ».

● Đào Trinh Nhất : một kỷ giả khiêm nhượng

Đáng lẽ tôi phải nói đến Đào-Trinh-Nhất trước nhiều nhà viết báo khác, song như tôi đã thưa trước cùng bạn đọc, tôi nhớ đầu viết đây, sự kể chuyện lại cuộc đời mấy « kỷ giả thuở trước » không hề xếp đặt hơn kém tùy theo sự trình bày trước hay sau.

Bây giờ, tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc đến cây bút tài-ba lão-luyện Đào Trinh Nhất.

Tôi bắt đầu cảm-phục Đào-Trinh-Nhất từ hồi anh được ông Lê-Trung-Cang mời về nắm bút-quyền ở tòa-soạn báo « Điện Tín » thay thế cho anh Bùi-Thế Mỹ bị Thống-Độc Nam-kỳ trục xuất về miền Trung (đầu năm 1936). Hồi đó, Bùi Thế Mỹ hàng ngày viết một câu chuyện châm biếm thế sự, ký bút hiệu « Lan-Đình ». Đến lúc Đào-Trinh-Nhất vào tòa soạn « Điện-tín », anh phải giữ tiếp mực này và anh ký bút hiệu là « Hậu-Đình »,

(còn nữa)

Chung quanh nghi-án Lịch-sử : «NGỌC-HÂN Công-chúa giết Vua QUANG-TRUNG với liều thuốc độc»

Ông NGUYỄN-THƯỢNG-KHÁNH nhìn nhận :

«Trong 3 cuốn GIA-PHẢ của chi phái LÊ-DUY ở Quảng-Nam, không có nói đến vụ :

« NGỌC-HÂN Công-chúa bỏ độc-dược giết chồng »

Như chúng tôi đã đăng tin trong Phổ-Thông số 70 sau khi được thư của ông Võ-tuân-Sơn Đà-nẵng, ông Nguyễn-thượng Khánh có đi Đà-nẵng « để tìm lại họ-hàng » nhà Lê, và « để xem cuốn Gia-Phả ». Theo lời yêu-cầu của ông Khánh, chúng tôi có cấp cho ông một giấy chứng-chi có giá-trị trong một tháng, nhận ông đi Đà-nẵng ngày 1-11-1961, để làm công-tác điều-tra về quyển Gia phả của chi-phái Lê-Duy ở Quảng-Nam. Chúng tôi

có yêu cầu ông Nguyễn-thượng-Khánh phải chụp hình quyển Gia-phả ấy, nếu quả thực trong quyển Gia-Phả có ghi vụ « Ngọc-Hân Công-chúa giết vua Quang-Trung bằng thuốc độc ». Công-việc chụp hình ấy phải được chứng-thực phân-minh với sự hiện-diện của nhà chức-trách Pháp-luật tại Đà-nẵng. Lời yêu cầu này, chúng tôi có đăng công-khai trong Phổ-Thông số 70.

Chúng tôi cũng có nhờ sở

Hòa-xa Việt-nam vui lòng cấp cho ông Khánh một vé khứ-hồi Saigon Đà-nẵng để ông này có đủ phương-tiện đi làm phận-sự. Và ông Khánh đã đi Đà-nẵng ngày 1-11-1961.

Theo kinh-nghiệm của nghề làm báo, chúng tôi đã cẩn-thận trong các giấy tờ, và tán-thành sự đi Đà-nẵng của ông Khánh, với tất cả những dè-dặt thường-lệ. Chúng tôi cũng đã tỏ ra một thái-độ hoàn-toàn khách quan với mục-đích vô-tư và duy nhất là tìm cho ra chân-lý Lịch-sử vì một nghi-án do ông Nguyễn-thượng-Khánh nêu ra. Ngoài ra, chúng tôi không cần biết rõ lai lịch của ông Nguyễn-thượng-Khánh, và bạn đọc cũng thấy rằng từ trước đến nay ông Nguyễn-thượng-Khánh không hề có tên trong bộ Biên-tập Phổ-Thông tạp-chí bao giờ.

Ông Nguyễn-Thượng-Khánh đi Đà-nẵng đã trở về Saigon và vừa rồi có gởi đến chúng tôi bức thư sau đây, chúng tôi xin đăng nguyên-văn :

Saigon ngày 16-11-1961

Kính gởi Ông Giám-Đốc
Phổ-Thông Tạp-Chí Saigon

Kính thưa Ông,

Tôi đã về đến Saigon, trưa ngày 14-11-1961, nên kính gởi lời đến ông biết, và xin vắn tắt kể cuộc hành trình ra Đà-nẵng để ông rõ :

1) Tôi đã được gặp hầu hết các ông Trưởng-Chi của Lê-Phái ở Đại-Lộc — Vĩnh-Điện — Ái-nghĩa, tại tỉnh Quảng-Nam.

2) Tôi đã được đọc 3 cuốn gia-phả của Chi phái Lê-Duy. Mỗi cuốn độ 50 trang viết bằng chữ Hán. Trong đó có kể đến sự «vua Lê gả Ngọc-Hân Công-Chúa cho Nguyễn-Huệ, và sau đó bị chết tại Quảng - Nam về tay chúa Nguyễn Gia-Long, với hai con, và đem chôn ở ngay chỗ hành hình».

Về đoạn bỏ độc-dược giết chồng không có. Nhưng các vị Trưởng - Chi Lê-Duy đó có

thuật lại lời các ông là kể lại là Ngọc-Hân có giết Nguyễn-Huệ bằng thuốc độc.

3) Cuốn gia-phả ấy sẽ đến Saigon với 2 ông Lê-quang-Thâm (Đông-y-sĩ, 68 tuổi) và ông Lê-Trâm 65 tuổi (Hương chức làng Bàu Tròn, xã Lộc-phan, quận Đại-Lộc.) Vì tôi đã mời hai ông ấy vào Saigon chơi với tôi vào dịp cuối tháng này.

4) Tôi đã lên Quế-Sơn nơi ông Quận Trưởng Nguyễn-lê-Thọ đồng.

5) Tôi đã tìm đến nhà Thờ họ Nguyễn-văn ở xã Sơn-Thượng theo bài của ông Nguyễn-lê-Thọ viết.

Kính chúc ông mạnh, và sẽ xin đến trình diện ông một ngày gần đây với bài vở và tranh ảnh của tôi khi ra Đà-nẵng về.

Kính thư

Nguyễn-thượng-Khánh

Bức thư đề gởi ngày 16-11-1961 rồi, chúng tôi chờ mãi đến

nay đã hơn một tháng vẫn không thấy ông Nguyễn-thượng-Khánh đến Tòa-soạn. Chúng tôi có viết liên-tiếp 3 bức thư khẩn-khoãn mời ông đến Tòa Báo, nhưng ông không trả lời và ông cũng đã dọn nhà đi nơi khác mà không cho chúng tôi biết.

Vậy, căn-cứ trên bức thư trên đây của ông Nguyễn-thượng-Khánh, chúng tôi tuyên-bố chấm dứt câu chuyện « Nghi-án lịch-sử » do ông Nguyễn-thượng-Khánh đã nêu ra mà không có bằng-chứng xác-thực.



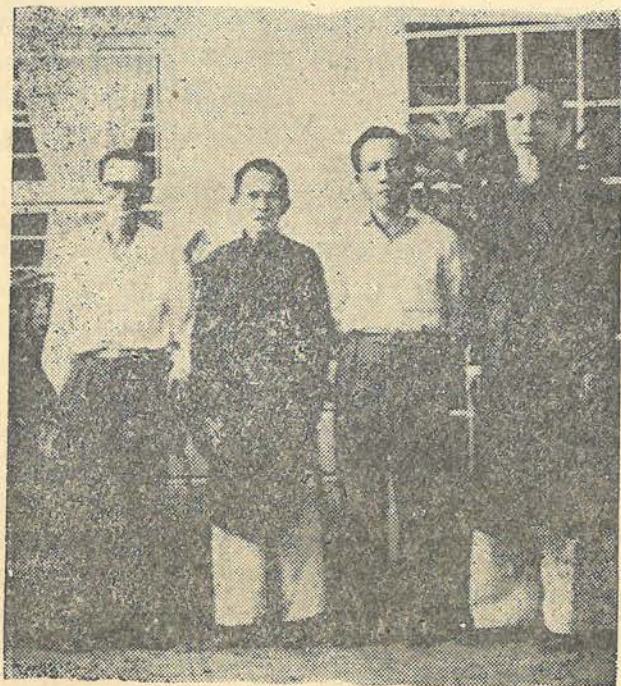
Chính chúng tôi đã nhiều lần tỏ ý-kiến riêng của chúng tôi với ông Khánh rằng tài-liệu Lịch-sử cần phải được chứng-minh rõ-rệt, chứ không thể chỉ căn-cứ vào lời nói suông được. Tuy-nhiên, từ trước đến nay cái chết của vua Quang-Trung vẫn là một nghi-án Lịch-sử nên chúng

tôi đã cho đăng bài của ông Khánh như một ỨC THUYẾT để làm tài-liệu, — như nhiều ỨC thuyết khác trong Lịch-sử của mấy Triều-dại xưa. Cái chết của vua Quang-Trung và cả của Ngọc-Hân Công-Chúa cũng vẫn còn là những nghi-án, vì có

nhiều giả-thuyết khác nhau, không có Sử-liệu nào xác-minh một cách vững-vàng chắc - chắn cả. Vẫn còn một dấu hỏi to tướng nơi đây vậy.

PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ

Chi-phái LÊ-DUY ở Quảng-Nam :



Từ trái sang phải : các ông Võ-thành-Son, Lê-Trâm (Hương-chức làng Bàu-tròn) Nguyễn-thượng-Khánh, Lê-quang-Thâm (Đông-y-sĩ). Ảnh của ông Nguyễn-thượng-Khánh.

Mình Ồi !



Có nên hạn-chế sinh-sản không ?



ÁNG hôm lễ Noel,

ông Tú được nghỉ, không đến Bà n- giầy. 8 giờ ông vừa mở mắt dậy,

bà Tú nằm bên cạnh đã gọi :

— Minh ơi !

Ông Tú nhắm mắt lại, nói lầm-bầm :

— Hôm nay Chúa Giáng-sinh, em để cho anh nghỉ, đừng hỏi gì lôi-thôi nhé.

— Em chỉ hỏi Minh sáng nay Minh muốn ăn phở, hay ăn xôi vò, hay khoai-lang luộc, chứ em đâu có hỏi về vấn đề Bom Nguyên - tử mà Minh đã lo phòng-thủ thụ-động ?

— Anh muốn ăn hột vịt lộn.

— Hột vịt có sẵn. Rau răm cũng có. Nhưng muối tiêu hết rồi, em chưa dã.

— Em cứ đi luộc hột vịt đi. Còn muối-tiêu, để anh dã cho.

Nói thế, nhưng ông Tú vẫn nhắm mắt nằm yên.

Bà Tú tủm tỉm cười, ngồi dậy bắt ấm nước trên lò điện. Bà lấy tờ nhật-trình mới do em bé bán

báo tháng vừa đem lên dát qua khe cửa như thường lệ. Bà xem qua tờ báo trong lúc ngồi đợi nước sôi. Bà vừa đọc mấy giòng chữ lớn ba cột nơi trang nhất : « Quốc hội thảo-luận về vấn-đề triệt-để cấm phá thai hoặc dùng các loại thuốc hạn-chế sanh-đẻ ». Bà xách tờ báo chạy lại giường, leo lên, nằm bên cạnh ông Tú :

— Minh ơi, thuốc hạn chế sanh đẻ là thuốc gì, hả Minh ?

Ông Tú mắt nhắm mắt mở, trả lời :

— Thuốc hạn chế sanh đẻ là thuốc dùng để hạn-chế sanh đẻ...

Bà Tú thò ngón tay cù-lết ông, Ông bưng tỉnh dậy cười hăng-hắc :

— Nhột anh !... Nhột anh !...

— Ai bảo Minh trả lời lôi - thôi với em !...

— Anh hết trả lời lôi-thôi rồi...

— Thì Minh nói cho em nghe về thuốc hạn-chế sanh-đẻ đi.

— Chắc em muốn anh đi ở tù quá !

— Sao thế ?

— Anh bày-báo cho em các

loại thuốc hạn-chế sanh-sản, thì anh bị tù chứ sao. Em không biết là các môn thuốc ấy bị cấm à ?

— Nhưng tại sao người ta đòi cấm hạn-chế sinh-đẻ ? Các gia - đình nghèo mà đông con, không đủ sức nuôi, muốn « tốp » bớt sự sinh-đẻ không được sao ? Những người ốm-yếu có bệnh truyền-nhiễm chẳng hạn, muốn đừng có con không được sao ?

— Kể nào đưa ra đề-nghị đó, kể ấy dĩ-nhiên là có nhiều lý-do. Thứ nhất, có lẽ là lý-do chính-trị. Cũng như nước Pháp, sau trận giặc 1914-18, binh-sĩ bị giết chết quá nhiều, dân-số bị giảm mất một phần lớn, nên chính-phủ đặt ra luật năm 1920 cấm sự hạn-chế sanh - đẻ, và cấm phá - thai cốt để tăng-gia dân số. Nhưng, những người làm đạo luật 1920 của Pháp vì quá vội - vàng và thiếu kinh-nghiệm thực - tế về tình-hình xã-hội và tâm - lý phụ-nữ nên đã gây ra rất nhiều hậu-quả tệ-hại, trái hẳn với mục phiêu của đạo luật ấy. Từ khi có Luật 1920 cấm phá-thai, thì số người phá-thai lén-lút bỗng tăng lên nhiều hơn vì họ dùng những phương-pháp y-khoa bí-mật mà

Luật-pháp không có thể nào kiểm soát hay trừng-phạt được. Và lại, phá-thai có thể là một tội ác, nhưng sự *đề phòng khỏi bị thai-nghén*, và những phương-pháp *tránh sự có thai* (procédés anticonceptionnels) đâu phải là tội-lỗi ?

— Các nước văn-minh nhất trên thế giới không có cấm những phương pháp tránh sự cóthai và đề phòng khỏi thai nghén sao, Minh ?

— Không nước nào cấm cả. Hơn nữa, các nước như Âu-Mỹ và nhiều nước ở Á-Đông còn áp dụng chính-sách kiểm-soát sinh - sản (*Birth Control*) để giúp-đỡ những cặp vợ chồng không muốn có con vì những lý-do kinh-tế, sức-khoẻ, gia-đình, xã hội, được tự-do hạn-chế sự sinh-sản. Ở Mỹ, Đức, Anh, Pháp, và nhiều nước khác đã noi theo, hiện nay có phong-trào công-khai được quốc-tế nhìn nhận, gọi là PLANNING FAMILIAL.

— *Planning familial* là sao, hả Minh ?

— Xây-dựng một gia-đình như thế nào cho sự sinh-sản con-cái thích hợp với tình-hình tài-chính, kinh-tế và luân-lý của gia-đình,

cho sự giao-thiếp thân-mật của đôi vợ-chồng được điều-hòa với cuộc sống thực-tế về vật-chất và tinh-thần của gia-đình, để đảm bảo một hạnh-phúc tốt-đẹp, để có đủ điều-kiện nuôi con và dạy dỗ con đúng với mức tiến-triển chung của Xã-hội. Chủ-trương tiến bộ ấy gọi là *Planning familial*, một danh-từ mới đã được phổ biến như một khẩu-hiệu quốc tế. Tổ chức *Planning familial* đã tràn-lan khắp các nước Văn-minh tiến-bộ, phù-hợp với tiến-hóa xã hội và khoa-học hiện-đại.

— Nếu hạn-chế sinh - sản thì dân số của mỗi Quốc-gia sẽ giảm bớt chăng ?

— Không chắc là giảm bớt. Trái lại, chính sách *Birth Control* của Mỹ đã áp-dụng từ lâu, mà dân-số Mỹ vẫn tăng lên. Tăng lên vì hợp-lý, vì sự thỏa thích chung của các gia-đình đầy đủ vật chất muốn có con đông, chứ không phải vì ép gượng, vì bắt-buộc.

Dân-số Huê - Kỳ đã và hiện đang tăng lên nhiều thành một tình trạng *BABY BOOM*, quá nhiều trẻ con. Như thế, tức là tổ chức *Planning familial* chỉ

áp-dụng sự hạn-chế sinh sản nhiều nhất là trong các gia-đình nào không muốn có đông con mà thôi.

Nói về những kẻ còn khư-khư giữa thành-kiến « luân-lý chống sự hạn-chế sinh-sản » chính nhà Đại-Bác-học EINSTEIN đã nói một câu rất đầy ý-nghĩa : « *Triste époque que celle où il est plus difficile de briser un préjugé qu'un atome* ». . .

— Nghĩa là thế nào, Minh ?

— Là « Đáng buồn cho một thời-đại mà làm tan vỡ một thành-kiến còn khó hơn là làm tan-vỡ một nguyên-tử » ! Giáo sư Pascal, Đại-học Y-khoa Pháp, tỏ ý mỉa-mai rằng « người ta cho phép con người được tự-do lấy chồng lấy vợ hay là ở độc-thân, mà người ta lại cấm vợ chồng không có quyền hạn-chế sự sinh-sản » ! Giáo-sư Thụy-sĩ Plournoy, là Một nhân-vật nổi danh trong giới y-học Tây-phương, cũng đã nói : « Một dân-tộc mà cần phải có luật-pháp hăm-dọa để bảo-đảm sự sinh-sản, thì chưa chắc là một dân-tộc lành-mạnh, cũng chưa phải là một dân-tộc

trưởng-thành » — *un peuple qui a besoin de menaces pénales pour assurer sa natalité n'est ni tout à fait sain, ni tout à fait majeur !*

— Minh ơi, còn Tôn-giáo có phản-đối sự hạn-chế sinh sản không ?

— Không có Tôn-giáo nào chống lại sự hạn-chế sinh-sản cả. Hơn nữa, từ hồi Thế-kỷ XVI, GIÁO-HỘI GIA-TÔ đã nhận sự hạn chế sinh-sản vì lý-do kinh-tế và gia-đình. Trước đây mới 10 năm, ngày 26 tháng 11 năm 1951, chính đức Giáo-Hoàng PIE XII cũng có nói trong bài huấn-từ gửi các gia-đình Gia-tô : « Sự hạn-chế sinh-sản rất nên nếu vì những lý-do chính đáng về kinh-tế, hay gia . đình... » Ngài còn nói thêm : « Ta mong rằng các nghiên-cứu về khoa sinh lý sẽ đem đến cho phương pháp tự nhiên ấy một căn-bản đầy đủ vững chắc ». Đạo TIN - LÀNH cũng không hề phản-đối. Đại-Hội Tin-lành ở Lambeth năm 1930 không kết án những phương - pháp ngừa sự thai-nghén.

Năm 1956, Đại-hội *Eglise Réformée* (Tin-lành) cũng công nhận sự hợp-pháp của chủ-trương hạn-chế sinh-sản. Theo vị linh-mục Roland de Pury, một chủ tịch của Đại-hội, thì « mục-dích của hôn-nhân là sự đồng-tâm nhất-trí của đôi vợ chồng trong tình yêu. Cặp vợ chồng của loài người không phải như cặp vợ chồng của loài thú vật để con trong sự vô trách nhiệm, mà vợ chồng của loài người phải có trách-nhiệm về đứa con của Chúa ban cho, chứ không phải sinh-để bừa-bãi, rồi bỏ bừa-bãi, vì thế mà họ phải hạn-chế số con... Sự lựa - chọn (các phương-pháp hạn-chế) phải để cho vợ chồng được toàn-quyền tự-do, với sự khuyên bảo và giúp đỡ của Bác-sĩ... »

Hồi-giáo cũng đã cho ta biết ý-kiến về vấn-đề hạn-chế sinh-sản. Năm 1950, vị Tu - sĩ KHALED MOHAMMED KHALED đã tuyên-bố rõ-rệt, không cần úp-mở : « Đạo Islam cho phép hạn-chế sinh-sản... Chúng ta phải để cho mỗi người cái quyền được sinh con trong giới-hạn khả-năng của họ... »

Đạo Phật cấm tuyệt sự sát sinh, nghĩa là triệt để ngăn-ngừa sự phá thai, nhưng không hề nói đến sự ngăn-cấm hạn-chế sinh-sản. Ở nước Mỹ, mà Liên-bang Planning Familial (*Family*

Planning Federation) đã mở ra trên 600 bệnh-viện chuyên săn sóc sự hạn-chế sinh-sản, dân số Mỹ nhờ giàu có nên vẫn cứ tăng lên vùn-vụt, chứ không bị giảm-bớt phần nào :

Năm 1940 : số sinh-sản : 2.559.000 đũa bé. Dân số : **131.670.000**

« 1950 : » 3.627.000 » **151.326.000**

« 1960 : » 4.298.000 » **179.323.000**

HỘI FAMILY PLANNING ASSOCIATION của Anh-quốc cũng như tờ báo Y-học **MEDET-SINSKI RABOTNIK** của Nga (Y-công) từ mấy năm nay vẫn luôn luôn phổ-biến các môn thuốc đẻ - phòng sự thai - nghén cho những cặp vợ-chồng không muốn có đông con, hoặc vì bệnh-hoạn, vì nghèo khổ, muốn « thôi đẻ » để giữ hạnh-phúc gia-đình, vừa gìn giữ cho gia đình và xã-hội được lành mạnh, tránh sự thất - nghiệp, và giảm-bớt nhân-khẩu.

— Minh ơi, em thiết tưởng các nước văn-minh giàu-mạnh trên Thế-giới còn chủ-trương hạn-chế sinh-sản để giữ-gìn cho xã-hội và gia-đình được đời sống vui đẹp, hướng chi Việt Nam ta là một quốc-gia « chậm tiến », nhất là thấp kém về kinh-tế, (các nhà cầm quyền cứ kêu rêu luôn luôn là nước ta bị ở trong tình trạng *sous-développé* : kém mở - mang), thế sao không noi theo gương người, mà lại đặt ra luật cấm sự hạn-chế sinh-sản là tại sao vậy? Em thì em nghĩ rằng hạn - chế sinh-sản là một phương-pháp bảo-vệ dân-tộc trong giai - đoạn này.

Thời buổi kinh-tế eo-hẹp, đời sống rất khó-khăn, hiện giờ đã có nhan - nhân những thanh-niên thất-nghiệp, tình-trạng vật - chất mỗi ngày mỗi nguy, đáng lẽ phải áp-dụng Planning Familial để giữ-vững thăng - bằng của gia-đình xã-hội, chứ sao lại làm luật-lệ hãm-dọa dù-tội những người muốn hạn-chế sinh-đẻ ?

Thời buổi kinh-tế eo-hẹp, đời sống rất khó-khăn, hiện giờ đã có nhan - nhân những thanh-niên thất-nghiệp, tình-trạng vật - chất mỗi ngày mỗi nguy, đáng lẽ phải áp-dụng Planning Familial để giữ-vững thăng - bằng của gia-đình xã-hội, chứ sao lại làm luật-lệ hãm-dọa dù-tội những người muốn hạn-chế sinh-đẻ ?

— Mấy ông làm luật đó, họ thông-minh sáng-suốt hơn em, họ nghĩ khác hơn em. Em đừng hỏi tại sao. Vô-ích ...

Ông Tú hôn vợ, rồi ngồi vụng dậy :

— Thôi, anh đi rửa mặt, súc miệng...

Bà Tú cũng ngồi dậy :

— À quên, em cũng đi lược hột vịt lộn chứ.

Bà hốt-hoảng nhìn cái lò điện, thấy lửa đỏ rực, khói trong ấm nước bay ra ngùn-ngụt, bà

vội vàng rút contact điện, và mở nắp ấm ra thì nước đã cạn queo... Bốn hột vịt đã vỡ tan nát, 4 con vịt con lẫn lộn với trứng trắng trông đỏ đã nằm chết khô ran khô rúm trong đáy ấm...

Bà Tú chạy đến bá cổ ông Tú, cười nhõng-nheo :

— Minh ơi, hột vịt lộn cháy hết rồi Minh à ! Em bắt đền Minh đây...

— Thôi, Noel, hạn-chế hột vịt lộn l..

Diệu - Huyền



* Quyền lợi

Trong một nhà hàng bán cơm, một người khách vừa ăn xong, uống cà-phê, kêu bồi bảo vận quạt chạy mạnh thêm nhiều nhiều cho mát.

Năm phút sau, một người khách khác vào, bồi đưa thực đơn khách lựa cơm ăn, khách tiếp lấy vừa nhìn lên trần nhà vừa bảo : Tất giùm quạt máy đi, trời mưa lạnh vận quạt lạnh lắm.

Người bồi chẳng biết tính sao, liền vào thưa với chủ giải quyết thế nào cho lưỡng tiện.

Chủ-nhân suy nghĩ rồi gục gặt đầu, bảo :

— Vì quyền lợi thì mầy nên vâng lời người khách nào chưa kêu món ăn đó.

Cô ANH-LAN



● Tên đao phủ trẻ tuổi nhất trong lịch-sử thế-giới.

NGUỜI ta thường tưởng rằng, đao phủ thủ phải là một kẻ mập mạnh, to lớn, tướng tá hung ác, nhưng lịch-sử đã làm đảo lộn cảm-trưởng của mọi người.

Lịch-sử thế-giới cho ta biết cậu bé Charles-Jean-Baptiste Sanson, khi vừa lên bảy tuổi, đã giữ chức vụ trưởng Đao-phủ thủ tại kinh đô nước Pháp với tước hiệu là « Thầy cai Ba-lê », để kế nghiệp cha cậu tên là Charles Sr. Theo luật đã ấn định thì nghề này được cha truyền con nối mãi mãi. Vì vậy, sau khi ông Charles Sr. qua đời vào năm 1726, cậu con trai lên bảy được kế nghiệp.

★ ĐIỀN-SƠN

Thời ấy chưa có máy chém, người ta chặt đầu tội phạm bằng lưỡi đao nặng, nhưng vì còn nhỏ, sức yếu, không thể cầm nổi lưỡi đao nặng ấy, nên cậu phải nhờ một người phụ-tá tên PRUDHOMME để hạ đao, trước sự hiện diện long trọng của cậu bé Sanson.

Khi lên mười hai tuổi, sức lực đầy đủ, cậu Sanson bèn sa thải người phụ-tá kia và tự mình khai đao đoạn-đầu các tội phạm



● Những kiểu tóc lạ mắt

NGÀY nay cũng nhờ khoa-học và ánh sáng văn-minh đã soi chiếu đến nước ta, nên phái yếu có được những mái tóc gọn sóng, diễm kiều chải bởi theo nhiều kiểu hợp thời, thật đẹp mắt.

Nhưng hiện nay, trong các miền hẻo lánh xa-xôi trên thế-giới vẫn còn nhiều kiểu tóc « đẹp » quái gở nhưng, kẻ cũng lạ mắt lắm.

Xem hình bên, đây là kiểu tóc của bộ-lạc DINKA (Phi-châu)

Tóc phía trước, họ cạo sạch nhẵn, còn tóc phía sau họ khoanh tròn thành hình trái thị to, lại gắn thêm vài chiếc lông chim đủ màu đủ sắc để tô thêm vẻ đẹp, duyên-dáng.

Thoạt mới trông, ta ngỡ rằng họ đội mũ « Bè-rê », nhưng là một kiểu tóc chưa được nhập-cảng vào Việt - Nam và cũng mong đừng bao giờ sang nước ta cái kiểu dị - hợm này.

Và còn một kiểu tóc nữa, tuy cũng tầm thường, nhưng đặc biệt là phía trên đỉnh đầu cột chặt một cái kính nhỏ bằng hai đuôi tóc.



Nhờ có một nghệ thuật làm tóc riêng, nên họ có chạy, nhảy, chiếc kính trên vẫn không rơi được.

Kiểu tóc này của bộ - lạc FOUTA - DIALLO (Phi-châu), mỗi bộ - lạc có mỗi kiểu tóc riêng, khiến ta phải ngạc nhiên và nực cười.

● Lãnh chức - vụ ngoại giao hay chịu chết ?

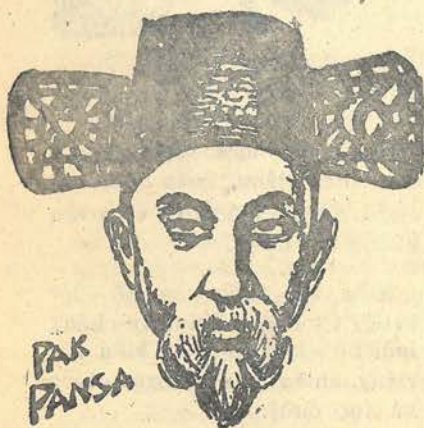
TRONG lịch-sử Việt-Nam, ngày nay còn nhắc mãi đến tướng Trần-binh-Trọng đã khẳng-khải nạt tướng Tàu rằng :

« Thà làm quỷ nước Nam
Còn hơn làm vương đất Bắc »

Hành-động này đã nói lên lòng trung-quân ái-quốc của đáng anh-hùng ; để lại cho hậu thế một tấm gương sáng lạng.

Ở Cao-Ly, cũng có một câu chuyện tương tự như vậy. Ông PAK PANSA, đại-sứ Cao-Ly đầu tiên tại Hoa-Kỳ, sẵn lòng chịu chết hơn là nhận chức - vụ ngoại - giao.

Vào năm 1888 ông được nhà



vua đề cử đi Hoa-Thịnh-Đồn, nhưng vì sợ phải sống những chuỗi ngày xa quê-hương, nên ông hết lời xin vua được ở lại, cho đến khi nhà vua tức giận, ông mới thôi van nài.

Chiếc tàu thủy Hoa-Kỳ tên OMAHA đã cập bến để chở ông đi, nhưng khi nghe tiếng còi tàu dục - đã, ông đã ngất lịm đi vì quá kinh hoàng nghĩ đến những ngày tháng buồn tẻ sống trên đất khách đang chờ đón ông. Quân sĩ phải khiêng ông lên tàu.

Sống tại Hoa-Thịnh-Đồn trong mấy ngày đầu, ông vừa nhớ quê nhà vừa bị trẻ con Hoa-Kỳ chọc ghẹo, vì tướng - tá khác thường lại thêm lối phục sức lạ lùng : áo thụng xanh, mũ cánh chuồn..., cho đến nỗi ông phải trốn về nước, đầu chết cũng cam lòng.

Khi về đến nước nhà, ông tức tốc vào triều, khóc lóc cùng xin vua cho ông được lãnh án tử hình vì tội bất tuân thượng lệnh còn hơn phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn.

Sau cùng, nhà vua tha tội chết cho ông và cử người khác đi thay. Vua đã biết thưởng tướng con người ái-mộ chốn quê - hương.

● Bị tù 50 năm, vì tội huyết gió

ÔNG Marie Augustin, Hầu-tước xứ Pélier de Britanie là nạn nhân của một luật - pháp vô đạo, sai lầm, và cũng vì quốc sự bất an, nên ông bị lãng quên trong ngục thất 50 năm.

Ông bị bắt vào mùa xuân năm 1786, do chính hoàng-đế Louis 16 ký trát tổng giam, vì đã dám huyết gió khi thấy Hoàng - hậu Antoinette bước chân vào hi-viện tại Ba-lê. Chàng thanh niên Augustin bị ghép vào tội phạm thượng khi quân, và bị giam vào ngục cho đến năm 1790, sau đó, bị bí mật chuyển sang ngục thất tại Lỵ-Đức.

Cuộc cách - mạng Pháp bùng nổ và sự sụp đổ của hoàng-gia cũng không đem lại cho Augustin sự tự-do.

Ông lại tiếp tục sống cuộc đời cơ cực, bị lãng quên trong ngục thất thêm 24 năm nữa, mới được đem ra tòa xét-xử.

Lúc bấy giờ là vào năm 1814, Ủy-ban điều-tra tội phạm tuyên-bố trả tự-do lại cho Augustin, nhưng... rủi thay, lệnh chưa



kịp thi-hành thì xảy ra vụ đảo chính của Nã-phá-Luân, từ đảo ELBE trở về Pháp, nên vì quốc sự lộn xộn, Augustin lại bị lãng quên luôn.

Cho đến năm 1836, sau khi hoàng-hậu Antoinette, giai-nhân đã gây ra tiếng huyết gió của một ngày nào, đã yên ngủ dưới mồ được 43 năm, thì Augustin mới được tha về với 72 tuổi già.

Để tỏ sự khoan-hồng, chính quyền cho ông về lại cố hương (Britanie) với mọi tài-sản đất đai ở đấy.

● Kể nôm - lệ lên
ngôi Nữ-Hoàng

S A U đây là câu chuyện một thiếu-nữ tuyệt sắc, tên MARY THOMPSON tại hải đảo « NGOC-BÍCH » đã làm nữ-hoàng nước MAROC trong vòng 30 năm.

Trước kia, có một thương gia người Ai-Nhĩ-Lan tên là SHEE, sinh trưởng tại CADIZ, SPAIN đã đem lòng yêu mến Mary trong một chuyến buôn bán tại OULD SOD. Vì quá cảm nhận sắc lộng lẫy tuyệt-trần của nàng, nên sau cùng không ngăn-ngại, ông tìm đến nhà và dạm hỏi Mary làm vợ, được giai-nhân này xin được suy nghĩ lại trong một thời gian.

Sau thời gian suy nghĩ, vì không muốn sống cảnh chán đơn gối chiếc khi hương sắc còn ngát đượm, nên nàng Mary



quyết định đáp thuyền sang CADIZ để đáp lại tình yêu say đắm và chân-thật của thương gia nọ.

Nhưng, có lẽ duyên trời đã định, khiến thuyền này bị bọn hải tặc chặn đánh và bắt nàng Mary đem bán tại chợ buôn bán người nô-lệ ở Ma-rốc.

Một viên tướng nọ thấy nhà vua tuổi tác đã già mà không một mụn con để nối nghiệp, vì hoàng-hậu đã sớm băng hà, viên tướng này thấy nàng sắc nước hương-trời, nên mua ngay đem về dâng cho hoàng-đế Ma-rốc là SULTAN SIDI MAHOMED tại MEKNES.

Ngay chính hoàng-đế cũng phải say sưa trước sắc đẹp trăm nư lạc nhận của nàng Mary nên không ngăn-ngại, Ngài phong Mary làm hoàng-hậu.

Được ít lâu sau, hoàng-đế Mahomed bị bạo bệnh, không thể lo việc triều-chính được nữa, nên hoàng-hậu Mary phải thay thế Ngài giải quyết mọi việc an dân trị-quốc.

Vì thế, thời bấy giờ người ta không còn để ý gì đến hoàng-đế MAHOMED nữa, mà chỉ biết có nữ-hoàng Mary Thompson thôi.

Nữ-hoàng Mary Thompson trị vì ngôi báu trong vòng 30 năm (1760-1790) được lòng dân mến phục nhờ tài trị quốc khôn khéo và độ lượng.

NHÂN-VẬT



Thế là ông đã lưu lạc 19 năm, nếm đủ ngọt bùi và cay đắng. Trạm chót là nước Tần. Ở đây, ông có thêm một cô vợ trẻ, đẹp và được cha vợ là Tần Mục-Công đem 400 cỗ binh xa đưa ông về nước. Đi đến mé sông Huỳnh-Hà thì ghe dò đã dự-bị sẵn - sàng. Mục-Công lại làm tiệc đãi nữa và dặn-dò Trùng-Nhĩ « Công-tử về nước chớ quên vợ chồng ta ». Mục-Công chia một nửa binh-số hộ-tống Trùng-Nhĩ qua sông. Còn một nửa thì đóng tại bên này sông mà chờ tin-tức.

Người quản-lý là Hồ-Thúc cho đem tất cả hành-lý xuống ghe, cả những rở hư, chén

Quản-Thúc ...

K Ỡ trước tôi có điều lầm lộn. Công-tử Trùng-Nhĩ chạy qua nước Địch không phải hồi 33 tuổi và ông cũng không ở tại Địch tới 20 năm. Ông chạy qua Địch khi ông đã 43 tuổi, ở tại Địch 12 năm, năm 55 chạy qua Tề và tới năm 62 tuổi mới về nước.

TẦN-VĂN-CÔNG

★ THIẾU-SƠN

bề, chiếu rách, nệm xù i cho chỉ đến khô hôi, rượu lạt cũng không bỏ. Trùng-Nhĩ thấy vậy, cười hã hã mà rằng : « Ta nay về nước Tần làm chúa ăn ngọc cũng có, những đồ rách, bề còn dùng làm chi ? » Ông nạt quân bảo bỏ lại trên bờ hết ráo, Hồ-Yên chép miệng thở dài, lấy cục ngọc của Tần-Mục-Công cho, qui dâng lên Trùng-Nhĩ mà thưa : « Công-tử nay đã qua sông thiệt là bờ cõi nước Tần, trong sẵn chư-thần, ngoài có Tần-tướng, Công-tử còn lo chi nước Tần chẳng về tay. Một mình tôi đâu có theo nữa cũng vô ích, xin ở lại nước Tần làm tôi ngoại thần của công-tử. Tôi xin dâng Công-tử cục ngọc này dựng làm dấu tích. » Trùng-Nhĩ thất-kinh hồi lý-do thì Hồ-Yên nói : « Tôi có ba tội đối với Công - Tử nên chẳng dám theo. Tôi bất-tiểu khiến Công - Tử bị khốn nơi Ngũ-Lộc, là một tội. Để cho chúa Tào, Vệ, khinh Công Tử là hai tội. Nhon lúc Công-Tử say gạt đem Công - Tử ra khỏi thành là ba tội. Song khi trước Công-Tử còn linh-dính đất khách tôi chẳng dám từ. Nay Công-Tử đã đến nước Tần rồi, tôi xét bốn phận tôi long dong bao năm ghé hờn, vớ phách, sức mòn, gối dòn cũng tỷ như chén bề, rở hũ, chiếu khờn, nệm rách, có lẽ cũng không dùng, nên tôi

phải xin kiểu trước. »

Trùng-Nhĩ nghe tới đó rơi nước mắt mà rằng : « Cậu trách tôi rất đáng, thiệt tôi lỗi lắm ... »

Ông bện hồi Hồ -Thúc khuôn mấy vật bỏ hồi này xuống ghe không chứa một món. Rồi ông dòm xuống sông mà thề rằng : « Tôi trở về nước, như quên ơn cậu, chẳng chung lo việc chánh thì con cháu tôi chẳng lành. » Nói rồi quăng cục ngọc xuống sông mà rằng : « Xin Hà bá làm chứng. » Giới-tử-Thôi ở trong ghe khác, nghe Trùng-Nhĩ, Hồ-Yên thề thốt với nhau thì cười mà nói rằng : « Công-Tử về nước là bởi ý trời. Từ-Phạm lại muốn lấy làm công của mình. Bọn này là phường tham danh-lợi. Ta hồ thẹn mà phải sống chung với họ. » Từ ngày ấy, Giới - Tử-Thôi có ý ở ẩn.



Qua sông rồi, quân Tần hộ-tống Trùng-Nhĩ nhắm hướng Đông tiến tới. Tướng giữ ải kể bị giết, kẻ đầu hàng, tin cấp-báo làm cho Tần - Hoài - Công khiếp sợ, gom hết xe ngựa và quân lính giao cho Lữ-Tĩnh và Khước Nhuế cự-địch với binh Tần. Nhưng chính bọn này

cũng mất hết tinh - thần mà không dám kháng-cự. Họ thông với quân Tần, trở cớ thần-phục Trùng-Nhĩ và phản lại Hoài - Công. Hoài - Công hội họp quân-thần thì ông nộ cũng than già, cáo bệnh hay viện cớ này, lẽ khác mà thói thác. Thật ra họ đã chán ghét Hoài-Công và sẵn sàng chờ đón Trùng-Nhĩ. Hoài-Công chạy qua nước Lương nhưng rồi cũng bị giết. Lữ-Tĩnh, Khước-Nhuế còn trở cớ một lần nữa, chuyển nầy âm-mưu phản Trùng-Nhĩ, nhưng công việc bất thành và phải đền tội.

Trùng-Nhĩ lên ngôi lấy hiệu là Tần Văn Công. Triều-thần hoan-hô, nhơn dân phấn-khởi. Nhưng còn một số người không vui là bọn dư-dãng của Lữ-Tĩnh và Khước-Nhuế. Văn-Công cũng biết vậy và nom-nớp đề-phòng.



Một hôm, Văn-Công đương xô tóc gội đầu thì có tên Đẩu-Tu xin vào ra mắt. Nghe tên Đẩu-Tu ông nhớ liền tới viên ty-tướng bất-lương đã ăn cắp hết tiền bạc châu báu của ông để ông phải nhịn đói, nhịn khát ở dọc đường. Ông giận lắm không cho vào ra mắt. Đẩu-Tu hỏi tên giữ cửa : « Chúa

công đương gội đầu sao chớ ? » Tên này thất kinh hỏi : « Sao người biết vậy ? » Đẩu-Tu nói : « Lễ người cúi đầu thì mình cong, bụng úp. Bụng úp thì lời nói đảo-diễn, vì vậy mới không cho ta ra mắt. Nhon đó mà ta biết là chúa-công đương gội đầu. » Người giữ cửa vào thuật lại lời nói của Đẩu-Tu làm cho Văn-Công phải kinh-ngạc và bằng lòng cho hấn vào. Đẩu-Tu vào lay chịu tội xong rồi mời tâu : « Chúa-công có biết phe Lữ, Khắc bao nhiêu chẳng ? » Văn-Công nhủu mày mà nói rằng : « Đồng lắm ». Đẩu-Tu thưa : « Bọn ấy biết mình tội nặng, tuy có lệnh ân-xá nhưng lòng còn nghi sợ. Chúa công có muốn cho yên bọn đó chăng ? ».

— Có chức gì yên đảng ?

— Tôi trộm vàng bạc của Chúa-công làm cho Chúa-công đói khát. Tội tôi như vậy, cả nước đều hay. Nếu chúa-công đi chơi khiến tôi cầm cương dắt xe thì người cả nước đều thấy rằng Chúa-công đã tha tội cho tôi rồi. Những kẻ khác có tội cũng không còn dám nghi - ngờ lượng khoan-dung của Chúa-công.

Văn-Công chấp-nhận ý-kiến của Đẩu-Tu và cho hấn đánh

xe cho ông đi tuần thành. Phe-dăng Lữ, Khước thấy vậy đều nói với nhau rằng : « Rất dỗi là Đẩu Tu ăn cắp vàng bạc làm cho Chúa-Công dỗi khát mà còn được dùng, hưởng chi là người khác. Chúa-Công có oán chi ai mà hồng ngai. » Từ đó nước Tấn mới yên.



Tấn-văn-Công muốn thưởng những người có công phục-quốc chia làm 3 hạng mà đầu-công là hạng tòng-vong. Nhưng trong đám tòng - vong ông lại quên mất một người là Giới-Tử-Thôi. Nguyên Tử-Thôi từ ngày nghe Hồ-Yên khoe công đã không vừa lòng nên về tới Trào cung-hạ một lần rồi cáo bệnh ở nhà luôn, cam chịu nghèo đói, dệt chiếu, đóng giày để nuôi mẹ già. Vì không thấy mặt nên Văn-Công mới bỏ sót Tử-Thôi. Một người lối xóm thấy vậy gõ cửa đề nhắc chừng Tử-Thôi, nhưng ông chỉ cười mà không đáp. Bà mẹ ở dưới bếp chạy lên cũng khuyên Tử-Thôi phải vào Trào nhắc chúa cho bỏ công 19 năm tòng-vong cực khổ và đã từng cắt thịt cho Chúa ăn.

Tử-Thôi trình - bày cho mẹ nghe tất cả tâm-sự của mình và

tấm lòng lạnh nhạt đối với công-danh phú-quí, nhứt là ông rất lấy làm xấu-hổ mà phải sống chung với bọn người hiểu lợi, ham-danh. Rồi cuộc bà mẹ đồng ý với ông và nói : « Mày muốn làm người có liêm-sĩ, ta há chẳng hay làm mẹ kẻ liêm sĩ hay sao? Vậy mẹ con ta phải vào ẩn chốn thâm-son, chẳng nên chung lộn cùng phường chợ búa. » Giới-Tử-Thôi cả mừng bèn công mẹ lên núi Miên-Thượng cất lều trong kẹt núi mà ở.

Sau cũng do người lối xóm má Văn - Công phải thân - hành đi kiếm Giới-Tử-Thôi ở Miên-Thượng. Kiếm không được, gọi không ra, ông phải cho đốt rừng để họ Giới thấy nóng phải bỏ ra. Ai dè mẹ con Giới-Tử chịu chết cháy chứ nhứt định không ra. Ngày đó nhằm mùng 3 tháng 3 và từ đó dân Trung-quốc lấy làm ngày kỷ-niệm gọi là tết Hàn Thực cũ nữa, ăn đồ nguội để nhớ tới người chết cháy. Tấn-Văn-Công thương khóc Tử-Thôi, cho lập miếu thờ và cải tên Miên-thượng thành Giới-son.



Tấn-văn-Công trau dồi chánh trị, dùng kẻ hiền-tài, nhẹ bớt thuế khoá, giảm cuộc chinh-tru, cứu kẻ nghèo, giúp nhà khó.

Nhờ vậy mà cả nước được trị bình.

Thịnh-linh Nha-Châu có loạn. Thái-Thúc-Đái tư-thông với Hoàng-Hậu rồi cướp ngôi thiên tử làm cho Châu-Tướng-Vương phải chạy trốn. Tấn Văn-Công đem binh dẹp loạn cho Thiên-Tử thành - công, được hậu - thưởng nhưng tạ-từ mà chỉ xin sau khi chết, được làm lễ « toại-táng ». Toại-táng là lễ chôn thiên-tử, làm đường đi dưới đất. Lễ này chư-hầu không được làm. Châu-Tướng-Vương cho là yêu sách quá đáng nên đã nói như sau :

« Tiên-Vương chế - lễ, trên dưới khác nhau, lễ đầu, trăm dân vì tư-lao mà làm trái lễ. Công lao của thúc-phụ lớn lắm, trăm không dám quên. Vậy trăm cắt đất trong Kinh-dô 4 ấp phong thêm cho thúc-phụ là ấp Ôn, ấp Nguyên, ấp Dương-Phản và ấp Toàn-mao. »

Tấn Văn Công lãnh 4 ấp của Thiên-Tử rồi đánh Vệ, phá Tào, thắng Sở, họp chư-hầu và được phong làm bá-chủ. Ông ở ngôi được 8 năm.



Một công-tử mà phải chịu tới 19 năm lưu-vong cho tới năm

ngoài 60 mới về nước làm vua đáng lẽ phải học-tập được nhiều trong gian-khổ và kinh-nghiem. Nhưng như ta đã thấy ở kỷ trước, Trùng-Nhĩ không có gì thay đổi từ ngày ra đi cho tới khi về nước. Nếu không có bọn hào-kiệt tòng-vong thì ông đã bỏ quên chí-hướng ông từ lâu bèn gái đẹp, rượu ngon, trên lượt là, nhưng lạ.

Khi ông từ khước sự giúp đỡ của Tần-quân không chịu về nước giành ngôi khi cha mới chết, ta tưởng ông là đứa con hiếu thảo thì ta lầm.

Thật ra ông chỉ đóng kịch đấy thôi. Ông chưa dám về vì bọn tòng-vong bảo ông chưa nên về.

Trên đường về mới tới nước, Tần ông đã đề lộ hết chơn-tướng. Được thêm cô vợ đẹp là nàng Hoài-Doanh, ông mừng hết lớn mặc dầu là cháu dâu của ông. Mới tới bờ sông chưa qua khỏi nước Tần mà ông đã bắt liệng tất cả những gì cũ, nát, tồi, tàn trong cuộc sống lưu-vong nghèo khổ. Và chính ông đã nói :

« Ta nay sắp về Tấn làm Chúa, ăn ngọc cũng có nữa là... » Lời nói và việc làm của ông biểu-lộ một tấm lòng khinh - bạc đáng chê.

Nhưng người khuyên-can ông là Hồ - Yền, cũng không đáng khen-ngợi. Đáng lẽ Hồ-Yền phải cho ông một bài học có tánh-cách vô-tư thì chàng lại như muốn « bắt-bí » ông, bắt ông phải năn-nỉ để lưu chàng ở lại, phải nhìn-nhận công ơn của chàng và nặng lời thề - thốt. Tất cả những cái đó đã làm cho Giới-Tử-Thời chán ngán cho tình đời và quyết lòng xa tặc.

Không phải lòng Văn-công chỉ đảo-diên khi gọi đầu, mình cong, bụng úp. Thật ra thì lúc nào ông cũng đảo-diên vì lòng ích-kỷ, vì tham-vọng và mỗi hành-động của ông đều chỉ nhằm mục-dịch duy nhất là có lợi cho ông.

Ông bằng lòng để cho Đẩu-Tu đánh xe cho ông là vì ông biết rằng việc đó sẽ làm cho ông được tiếng là có lượng khoan-dung và trấn an được những tâm - hồn còn thắc-mắc. Và lại, việc này cũng chính là Đẩu - Tu bày ra cho ông, chứ ông có nghĩ được ra đâu.

Muốn làm bá chủ - hầu thì phải hết lòng thờ Thiên-Tử. Thiên-triều có loạn ông làm việc cần vương. Đó là việc phải làm mà cũng giúp cho ông thêm uy-tín. Nhưng vừa làm xong việc là lật đật đòi

phải trả công cho hậu. Làm chủ-hầu mà xin được « toại-táng » nghĩa là muốn được chôn-cất theo nghi-lễ của Thiên-Tử. Châu-Tương-Vương không cho nhưng phải dâng cho 4 ấp. Đông-lại tiên-sinh cho như thế là tàn - nhẫn vô - cùng. Chính tiên-sinh đã viết :

« Tấn-văn-Công bình xong loạn của Vương-Tử Đái xin Thiên-Tử được an táng bằng lễ «toại đạo» Chu-Tương Vương không cho nên đáp rằng : Lễ dành riêng cho Thiên-Tử. Chưa ai đủ đức để thay nhà Châu mà có lợi hại Thiên-Tử, điều ấy chắc thúc-phụ cũng không chịu thế !. Rồi mới gia - phong cho 4 ấp. Trong ý của Tương - Vương sợ đã thành được nhà Châu là vì đức độ chứ không phải vì tình thế. Về phép-tắc và lễ-văn thì con cháu phải gìn-giữ đời đời không nên trịch cho kẻ khác, còn về đất đai nhỏ - mọn kia thì tiếc làm chi để chạm đến sự giận của một nước mạnh. Như vậy là không biết : an-táng theo lễ toại vẫn là lễ giành riêng cho Thiên-Tử mà diện-tích để đó phải được ngàn dặm cũng là lễ giành riêng cho Thiên-Tử. Chu-Tương-Vương vì tiếc lễ vẫn không cho Tấn-hầu sự nghĩ giữ lễ-phép của Thiên-Tử tức là chẳng biết cắt đất mà thân - hẹp nước nhà và bỏ cõi của đế-đô cũng là

phạm đến lễ phép của Thiên-Tử rồi...

Nhà Châu mơn mõi đến buổi ấy ai trông thấy cũng phải thương hại giùm, vậy mà Tấn-Văn-Công còn nhẫn-lâm lấy của nhà Châu để mở rộng bờ cõi của mình. Thật là vô-cùng bất-nhơn ! Than ôi ! Tấn-Văn-Công không phải là con cháu của nhà Châu sao ? Vậy mà ngồi yên xem Trung-quốc bị nguy-ngập đã không bỏ - cứu lại còn cướp giật. Đã nhẫn-lâm làm được việc ấy thì việc gì lại chẳng dám làm ?.

Thật ra, nếu trách Tấn-văn-Công thì cũng nên trách hầu

hết tất cả, bọn vua chúa ở thời Xuân-Thu và bất cứ một thời nào. Chiếc ngai vàng làm cho họ cách biệt với quần-chúng và làm cho họ tối mắt vì tham-lam và dục - vọng. Mà hễ ích-kỷ thì phải hại nhơn. Họ phải dùng xương máu của quần-chúng để xây-dựng bá nghiệp. Họ phải lợi-dụng uy-tín của Thiên - Tử nhưng họ vẫn làm cho Thiên-Tử hao-mòn để phải cầu tới họ.

Ta có tiếc là chỉ tiếc cho Tấn-Văn-Công sau 19 năm lưu lạc chẳng học-hỏi được gì.



(Tiếp theo P.T. 72 và hết)

CÁCH đó ít lâu, Lỗ bắt đầu tiếp-xúc với dân làng. Ngồi trên tam cấp ở thềm nhà, gã vừa gõ nhịp chiếc gậy, vừa nhìn ranh-mãnh ông chủ nhà đang nhàn-nhó và bà chủ nhà đang bối-rối. Gã tìm cách gọi chuyện :

— Tôi không hiểu tại sao chúng ta có thể sống dưới chế-độ mới này được. Ông bà biết

M È và C O N (La mère et la fille)

★ À.T.

● THẨM-THỆ-HÀ dịch

không, lúc đầu tôi còn biếu cho họ nào bánh mì nào muối, nhưng rồi sau đó, tôi bắt đầu ngờ vực... Quả thật nước Đức có đem đến cho chúng ta trật-tự và ban-hành chế-độ tự-do thương-mãi, nhưng họ là người chủ khắc-nghịch... Thế rồi tôi nặng óc tim hiểu. Tôi đến viếng nhiều người, thấy dân ta sống trong tinh-thần tập-thể và đoàn-kết... Và rồi nhiều người bỏ đi theo kháng-chiến, ta có nên tin rằng họ hành-động như thế là chính-đáng ? Và cuối cùng, quân Đức có ở

MÈ VÀ CON

lại đây lâu dài không ? Ấy lại một câu hỏi nữa. Ông bà nghĩ thế nào ?

Lúc đầu, trong một hay hai tuần, quân Đức dường như không chú tâm gì đến dân làng. Chúng thân-nhiên tập thể-dục, đá banh, thổi kèn và dạo chơi trần-trường với chiếc xi-lip, không biết xấu hổ là gì. Nhưng từ khi bọn hắc-y đến nơi, dân một thông-cáo tại trường-học kết-án từ-hình tat cả mọi hành-động phạm tội, bây giờ quân Đức phát-xít mới bày hăm rãng chó sói của chúng với dân làng. Chúng vét sạch làng và nhặt tất cả những gì mà bọn hắc-y không thể chở hết trên xe cam-nhông.

Ban Trinh - sát từ đấy chú ý tới từng nhà. Và cũng vì thế mà mọi người mới hiểu mục-đích cuộc thăm viếng người này người khác của Lỗ. Tinh nghề, gã biết rõ nhà nào có con đi kháng-chiến và người nào đã xung vào quân-đội. Đêm trước khi quân Đức đến chiếm đóng, một giáo-viên cùng vài thanh-niên trong làng đã phá vỡ vài chiếc cầu và vài kho hàng. Kết quả công-tác ấy là một đoàn xe của quân Đức bị tan vỡ. Ngay hôm ấy, bọn hắc-y bắt vô số dân làng, từ những người già-

cả đến những đứa trẻ vị thành niên, mang tất cả về trường học. Những nạn - nhân bị bắt đều thuộc về những gia-đình trước kia đã được Lỗ vinh-dự đến viếng.

Đêm lại, người ta nghe vang đến tận cuối làng những tiếng rú kinh-hồn phát ra từ trường học. Không ai có thể nhắm mắt được. Những người trẻ ngằng đầu lèn nghe ; những người già cả lâm-râm cầu nguyện

Người ta bắt đầu đồn rằng Lỗ đã chứng-kiến những cảnh tra-tấn đó. Nếu không, làm sao cắt nghĩa được sự hiện-diện của hai con bò cái và một con bò đực trong chuồng gà ?

Khi thấy Lỗ tiến đến gần nhà, dân làng dấu tất cả vật thực còn lại và gọi con cái đi chơi chỗ khác. Họ ghét những ai tiếp Lỗ, nhưng thật là nguy-hiêm cho những ai đóng cửa lại trước mặt gã.

Gã không bao giờ đi đến đâu với hai bàn tay không : tay gã rút trong túi ra một chai rượu mạnh. Gã ngồi vào bàn, thở ra một hơi dài :

— Những người ái-quốc không thích tôi, tôi biết chắc như vậy. Người ta không còn tin cậy tôi và họ thù-dệt nhiều điều về tôi.

Nói đến đây, gã móc trong túi khấc ra một miếng thịt mỡ và xắt ra từng mảnh vuông nhỏ. Gã kè-nhè tiếp :

— Tôi không phải là người sao ? Tôi là con vật hay là con quỷ ? Trời ơi, tôi đã chán lắm, tôi đã chán ngấy bọn Đức rồi.

Gã nốc rượu ừn-ực, nhấm một cục thịt mỡ, rồi lại lải-nhải :

— Chính chúng đã phao tin tôi làm cho bạn Trinh-sát. Chúng muốn kéo tôi về phía chúng, và muốn tôi bị xử tử, khi quân ta trở về. Còn mấy con bò cái, chính tôi đã mua với số tiền dành dụm. Thịt ướp mặn và sữa, đó là hai món tôi say mê...

Gã nheo mắt một cách tinh-quái và rót đầy những ly đã cạn :

— Nếu mọi người nói xấu tôi như thế, thì thà là quỷ bắt mất mấy con bò ấy đi ! Tôi sẽ bỏ tất cả. Tôi sẽ vượt tuyến, mặc cho bọn Đức muốn làm gì thì làm. Hoặc là tôi sẽ quý dưới chân vị chỉ-huy quân-đội ta, mà thốt ra những lời tâm huyết này : « Tôi muốn chuộc tất cả tội lỗi bằng máu của tôi... »

Nói xong, Lỗ nín lặng, lên

nhìn quan-sát người đối-diện. Gã kia, quả tin cậy, thú-nhận tất cả một cách ngay-thor. Vài ngày sau, chỉ Trinh-sát cho người đến bắt gã.



Ích-Tôn dẫn Mỹ-Lan đến trung-đội bảy. Hắn thuật lại với vị trung-đội-trưởng câu chuyện của Lỗ-Khẩu, trong khi con bé chăm-chú lắng tai nghe với vẻ cảm động, dường như cả đời nó chỉ đặt vào một hy-vọng: tìm được kẻ thù.

Vị trung-đội-trưởng nói : « Chúng ta sẽ tìm tên khốn-nạn đó ». Mỹ-Lan nở một nụ cười, nhìn chăm-chú ông ta, khẽ hát đầu với vẻ băn-khoăn.

Ích-Tôn vội-vàng từ-giã rồi hối-hả trở-về, Mỹ-Lan cất bước nặng-nề bên cạnh hắn.

— Chú Ích-Tôn à, họ sẽ tìm được hắn chăng ?

— Làm sao biết được ? Nhưng khi họ đã hứa, họ sẽ tìm...

— Chú Ích-Tôn à, cháu cũng phải đi tìm hắn.

— Cháu muốn đi đâu ? Cháu sẽ bị xe cán chết hoặc cháu sẽ đập nhầm mìn.

— Vậy thì không được đi đâu sao, chú ?

— Không được đi đâu cả. Cháu hãy im đi, đừng chọc chú giận.

Nhiều ngày qua, Mỹ-Lan xa lánh mọi người, u-buồn và lặng-lẽ, đôi mày nó chau lại... Rồi, một buổi sáng, nó biến mất khỏi trại. Mọi người hiểu ngay là nó lên đường tìm gã họ Lỗ. Minh-Kha vội đi lấy tin tức : trong làng, vài người trông thấy con bé ở gần nhà mẹ nó, trong khi mấy cánh cửa vẫn đóng chặt ; vài người khác cho biết nó có hỏi thăm về Lỗ-Khẩu. Nhưng rồi sau đó, nó đi đâu nữa, không ai được rõ.

Ba ngày sau, Mỹ-Lan lên về trại, giống như một con chó đi hoang, áo quần dơ dáy và mặt mày trắng trợt. Mọi người tiếp nó một cách lạnh-nhạt, không ai thăm hỏi hoặc rầy la. Nó ăn một bụng no nê rồi nằm dài ra ngủ. Sáng hôm sau, nó lại biến mất một lần nữa.

Một người đàn-bà trong làng dẫn hai đứa con về thăm nhà bị tàn-phá, đã thuật lại với mấy bà láng giềng (mà hai giờ sau, mấy đứa bé liên-lạc đã đem tin về cho Minh-Kha) rằng bà đã gặp, cách làng độ chừng 15 cây số, đứa con gái của bà Mỹ-

Hạnh. Người đàn bà ấy nói : « Con bé đã nói thật sự đau-khổ của nó, sự đó làm cho chúng ta phải nao lòng. Thật là tình-khôn, con bé ấy ! Theo ý nó, tên Lỗ-Khẩu chỉ có thể lẫn trốn trong đám dân công. Nó bảo nó đã đi qua những nơi người ta đang công-tác đắp đê, đào hầm trú-ân, đã nhìn vào tận mắt tất cả mọi người. Tôi đã ôm nó vào lòng và cả hai cùng khóc. Tôi cho nó một miếng bánh mì, rồi nó lại lên đường ... »



— Chú Ích-Tôn, chú Ích-Tôn dậy mau...

Giật mình tỉnh giấc, Ích-Tôn ngáp một hơi dài. Ánh mai chiếu dịu-dàng qua cửa sổ. Mỹ-Lan đứng tựa giường, vuốt ve mặt vị sĩ-quan.

— À, cháu dậy rồi ! Tại sao cháu lại làm rầy chú ?

— Chú hãy đi ngay với cháu lại nhà người hôm nọ. Chú Ích-Tôn ơi, chú biết không, cháu đã tìm được hắn rồi...

— Tìm được ? Làm thế nào cháu tìm được hắn ?

— Đến đó, cháu sẽ nói cho chú nghe. Bây giờ, chú phải đi ngay.

Cả hai đồng đến trung-đội-bảy. Vị trung-đội-trưởng còn nằm ngủ khi trên bãi chiếc ghế dài đầu lại, đầu gối trên một chiếc khăn lông. Không dợi ông ta có thì giờ tỉnh trí và ngồi vào bàn, Mỹ-Lan đã hỏi-hả thuật:

— Con đã đi gần hai trăm cây số, trước khi tìm được hân! Ông không biết hân đâu, hân đã cho cạo râu nhẵn-nhụi, chỉ có con mới nhận được hân!...

Một lát sau, một chiếc xe chở cả ba lên đường. Đứng trong xe, Mỹ-Lan nhìn thẳng ra trước, hết sức chăm-chú. Thình-linh, nó giơ tay lên và ngảnh lại phía viên trung-đội-trưởng:

— Noi đây rồi.

Lưng khom xuống và lăm đầy bụi vôi, một người đàn ông đang đập sỏi trên đường, đôi chân quấn vải và đầu vắn một chiếc khăn tay. Khi xe ngừng lại, hân mới ngẩng nhìn lên, đôi mắt nheo nheo, gương mặt nhẵn-nhụi. Mỹ-Lan đưa tay chỉ hân, reo lên:

— Chính hân đó.

Người đàn ông ngừng lên:

— Có chuyện gì thế? Các người muốn hỏi giấy tờ? Đây

này, đây đủ những giấy tờ hợp-pháp.

Hân vừa nói vừa ném một cái nhìn giận-dữ vào con bé đang đứng nép vào viên trung-đội-trưởng. Dứt lời, hân cúi đầu và tiếp-tục đập sỏi.

Viên trung-đội-trưởng nói, sau khi xem qua giấy tờ:

— Nhà người tên Hải-Luân, sinh năm 1913?

(Bàn tay lạnh ngắt của Mỹ-Lan nắm lấy bàn-tay rắn chắc của viên trung-đội-trưởng và siết chặt).

Người đàn ông đáp, không ngược đầu lên:

— Phải, tôi tên Hải-Luân. Có chuyện gì vậy?

— Có phải giấy thông-hành này do quân Đức cấp?

Với một nụ cười hài-hước, hân chậm-rãi lắc đầu:

— Đừng làm cho tôi sợ-hãi, bạn ạ! Giấy thông-hành của tôi do chính-quyền ta cấp. Thật là cuộc đời chó má! Người ta đập sỏi, người ta đói khát, người ta tưới máu vì dân-tộc, và bây giờ được nhận lấy cái phần thưởng: giấy thông-hành của mày do quân địch cấp cho.

Khi hân đang làm bộ sụt-sùi mếu-máo, viên trung-đội-

trưởng rút vội khẩu súng lục ra:

— Đứng lên!

Người đàn ông đứng lên một cách miễn-cưỡng và ném mạnh con dao trên đồng sỏi một cách giận-dữ.

— Giơ tay lên!

Viên đội-trưởng lục xét khắp các túi hân rồi nghiêm giọng ra lệnh:

— Hãy tiến lên trước! Thăng ra xe!



Biết bao người chứng đã nhận ra Lô-Khẩu nên hân không thể chối cãi được và cuối cùng hân đành thú-nhận tất cả sự thật:

— Sống với người Đức, tôi luôn luôn say-sưa — híc đầu vì vui-mừng, sau đó đề lương-tâm tôi bị chìm đắm trong cái thứ nước khà-ố ấy. Tôi không dấu các ông: Vì bánh mì và muối mà tôi tiếp-đón quân địch. Các ông nên biết rằng tôi sống rất khô-sở trong chế-độ cũ. Tôi ngỡ rằng với những người mới, cuộc đời tôi sẽ trở nên tươi đẹp hơn... Nhưng họ đã lừa dối tôi, và tôi xin các ông cho tôi được phép nói lên điều ấy ở đài phát-thanh cho tất cả mọi

người đều biết. Lúc đầu tôi đã làm việc cho họ với sự thích-thú, một cách rất nghệ-sĩ. Tôi đã bị quân ta bạc đãi. Tôi muốn chứng tỏ cho họ biết rằng tôi đã tự nun lấy bằng thư củi nào... Nhưng khi bọn Đức dẫn những người yêu nước của ta đến sở Trinh-sát, khi tôi nghe những tiếng rú-rùng-rợn, tôi cảm thấy tuyệt-vọng. Tôi chỉ còn cách say vui trong men rượu, và càng ngày tôi càng rơi xuống tận vực sâu...

Luôn mấy đêm, hân kể lại cách hành hạ tàn nhẫn của bọn Trinh-sát. Hân chỉ cái hăm đã chữa thầy của bao người yêu nước, hân chỉ những dụng-cụ mà ban Trinh-sát dùng để tra-tấn địch-quân. Hân lầm-nhầm: «Phải, tôi đã chứng-kiến hơn một lần cảnh tra-tấn đó». Rồi thình-linh, hân lăn đùn xuống, hai tay quào đất vừa thét lên với giọng kinh-khủng: «Máu, trời ơi! máu!». Hân vừa thét vừa hôn lên nền đất.

Về sau, trong khi hân bị nhốt trong khám, một sĩ-quan khác đặt câu hỏi:

— Anh há chẳng từng nói rằng: anh làm việc với quân Đức, tức là anh đã phản-bội dân-tộc, phản-bội tổ-quốc?

— Đúng như vậy... Nhưng mà, thật là ngộ-ngĩnh, chữ «Tô-quốc» không thể nuôi sống ta được...

Thế rồi ra trước tòa án, hần bị kết-án xử giáo. Khi nghe quan tòa tuyên án, Lỗ-Khấu vẫn thản-nhiên không đổi sắc, mặt không nhui và người không run. Cả phòng xử đều kinh-ngạc. Vài tràng pháo tay nổ rộn hoan-ngĩnh án lệnh. Một người đàn bà giận dữ hét lên :

— Hình-phạt ấy chưa xứng-đáng ! Phải lột da hần ! Sáng hôm sau, dân làng tụ tập đông nghẹt tại pháp trường. Bốn người lính dẫn Lỗ

Khấu đến. Hần bước đi chậm-chạp, đầu cúi xuống, chân loạng-choạng. Quan tòa đọc lại bản án tử - hình và lời cầu-nguyện cho kẻ tử tội. Được dẫn đến trước ghế, hần lùi bước... Người ta phải nắm lấy tay hần, xô hần tiến lên... Rồi thì, vói về bận rộn, hần tự dút cổ vào vòng dây — và mọi người đều trông thấy đôi mắt hần trợn trắng, đôi môi trề ra để lộ đôi hàm răng nhỏ và đều...

Đứng bên cạnh hần, con bé Mỹ-Lan nắm chặt hai bàn tay bé bỏng, hét to :

— Không được cười ! Phải rú lên, rú lên như mẹ ta đã rú !

THẨM-THỆ-HÀ dịch



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KEO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-OC,
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆN TRỮ AU-ĐƯỢC

NƯỚC TRÀ

*Bình ngọc kín, tim trà say rộn rã,
Đang chuyển mình trong thôn thức lên hương.*

*Chén trà đầu mới-mẻ với thời-gian,
Còn e-ấp, còn rụt-rè bên-lên.
Hương nhẹ thoảng, nhưng tràn đầy hứa hẹn
Của bao nhiêu nồng đượm chén trà sau.*

*Và giờ đây lòng ngáy-ngất xôn-xao
Nâng chén ngọc hương thơm nồng ngút tỏa
Ôi, hương vị đậm đà ! Nhẹ thong thả
Đưa lên môi từng hớp một, say sưa.
Rượu không say, nước trà say, lạ chưa !
Ai hiểu được những lý-do kỳ-ảo ?
Pha chén nữa, và pha thêm. Trà đạo
Đạo uống trà, một nghệ-thuật mê-ly.
Mê-ly ! Mê-ly !*

Nhưng thời-gian đi...

*Phút tuyệt-diệu đã biến thành dĩ-vãng
Chén trà đậm trở màu như nước loãng,
Nào còn đâu hương vị ngát nồng say ?
Trà nhạt đầu : hoa đương nụ vừa khai
Trà nhạt cuối mới thật là bi-dát !*

*Đậm với nhạt ! Đậm với nhạt !
Yêu trà chi, dễ mà chịn bề-bàng ?
Thử nhìn xem, đáy chén nước trong ngần.
Dầu vụn kỷ vẫn trước sau như một
Giản dị đơn sơ, trắng trong vẻ ngọc.
Trong trần-ai dễ mấy kẻ tinh đời,
Không cầu kỳ, không triết-lý xa-xôi,
Biết thưởng thức thanh-cao trong thanh-đạm.*

*Chuyện đời nói biết bao giờ cho cạn,
Xin mời khách cùng xơi tạm chén nước trong.*

Bồ B. TH.

Một giấc Mơ hoa



★ DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P.T. số 72)

★ Trung-Thu 1958.

Việc mà Hồng quyết-định hôm nay là một việc quan-trọng đối với Hồng, và mặc dầu hậu quả sẽ như thế nào, nó vẫn ghi một chương mới trong quyển sách của đời Hồng. Hồng đã quyết-định sau khi suy-xét, nhận thấy nếu Hồng hành-động một cách khác thì Hồng sẽ không phải là một cô gái khôn-ngaoan.

Hồng quyết-định thưa rõ cho Mẹ biết sự giao-

MỘT GIẤC MƠ HOA

thiệp của Hồng với Hải, sự giao-thiệp ấy không nên lén-lút.

Từ năm tháng nay, Hồng trao-đổi thư-từ với Hải là để tìm hiểu Hải một phần nào. Hồng muốn biết qua tư-cách của người bạn trai mà Hồng đã quen do sự trung-gian của em gái chàng, bạn học của Hồng. Chàng đã tỏ với Hồng một tình yêu có thể gọi là chân-thật, nhưng riêng Hồng vẫn dè-dặt, ái-ngại, bởi Hồng nghĩ rằng tình yêu không thể là một bài toán sơ-đẳng quá dễ-dàng mà ngó vào đã thấy ngay lời giải-đáp: Tình-yêu cũng không phải như một trò-chơi cắt bắt giữa một người con trai và một cô con gái nô-đùa trong chốc lát để rồi mau quên sau một buổi đờn-cột ham-mê.

Đối với một thiếu-nữ vừa qua tuổi dậy-thì như Hồng, tình-yêu quả-nhiên là một vấn-đề nghiêm-trọng.

Phân-tách kỹ-càng theo đôi chút kinh-nghiệm đầu-tiên, Hồng nhận thấy rằng tình-yêu là một mãnh-lực huyền-bí nảy nở trong giao-cảm mặc-nhiên, và không đứng yên một chỗ. Mỗi ngày nó mỗi tiến tới, mỗi đi sâu vào trong tâm-khảm, thâm-nhập vào mỗi phím tơ rạo-rực của tương-tư.

Nó êm-đẹp và say-sưa vô-ngần, và chính vì thế mà Hồng lo-sợ. Lo sợ sẽ để nó xâm-chiếm hoàn-toàn, lo sợ ta sẽ mất tự-chủ, sẽ không chế-ngự được nó, sẽ bị nó thôn-tính cả, sẽ chìm-đắm tất cả hồn lẫn xác trong si-mê...

Hồng sợ lắm... Hồng đã thấy nhiều thiếu-nữ sa-ngã trong cuộc tình-duyên đắm đuối, và cái mà họ tưởng rằng "Hạnh-phúc" chỉ còn là một ảo-tưởng ngập-tràn nước mắt...

Cuộc tình-duyên giữa Hồng và Hải chỉ mới đến bước đầu. Hồng chưa rõ nó sẽ như thế nào. Hồng làm sao biết trước được những gì sẽ để dành cho Hồng trong tương-lai? Nhưng Hồng xét rằng nếu mình cứ để lời-cuốn mỗi ngày mỗi sâu vào trong huyền-ảo dề-mê, nếu Hồng không sáng-suốt phân-tách trạng-thái thực-tế của

uố, thì biết đâu Hồng sẽ rơi vào một thực-tế khác mà Hồng sẽ phải cam đành đau khổ ? Chừng ấy, nhờ không tìm được lối thoát thì sao ?

Hải yêu Hồng: đây là một sự thật đã rõ-ràng và chắc-chắn. Hồng không nghi-ngờ lòng thành-thật của Hải. Hồng cũng yêu Hải rất thành-thật, đây là mối tình đầu-tiên và Hồng rất mong muốn là mối tình duy-nhất của Hồng. Nhưng nếu Hải và Hồng cứ tiếp-tục lên-lút trao-đổi những lá thư âu-yếm, hoặc sẽ lên-lút hẹn-hò gặp-gỡ nhau thì sự thành-thật ấy có chắc gì còn mãi được không ?

Hồng suy nghĩ như thế nên hôm qua Hồng do-dự chưa muốn nhận lời đi chơi với Hải trong dịp lễ Trung-Thu này. Hồng muốn sự gặp gỡ giữa Hồng và Hải được Thầy Me cho phép công-khai, và hôm qua Hồng đã tỏ ý định ấy với Hải. Hải không ngờ...

Hôm qua, Hải đón Hồng lúc Hồng đi học về. Hải rủ Hồng chiều ngày Trung Thu này hai đứa đi chơi trong Sở Thú, và buổi tối đi dạo xem múa lân. Hồng bảo :

— Vâng, em muốn được đi chơi với anh mãi mãi và muốn được gặp anh mãi mãi. Nhưng em có ý-kiến này, anh nghĩ sao ?

Hải bảo :

— Em cứ nói. Bất cứ em muốn gì, anh cũng chiều theo ý em.

— Em muốn chiều mai, vào lối 5 giờ, anh đến thăm em tại nhà em, và em sẽ giới-thiệu với Thầy Me rằng anh là người bạn trai mà em rất mến. Em sẽ xin phép Thầy Me cho em được tiếp anh tại nhà, và được đi chơi với anh ngoài phố.

Lúc đầu Hải tỏ vẻ ngạc nhiên sao Hồng dám có ý-nghĩ ấy, nhưng Hải rất vui mừng thấy đó là một bằng chứng tỏ rằng Hồng thành thật yêu Hải. Hải sung-sướng được giao-thiệp công khai với Hồng, không có điều chi lên-lút mờ ám cả. Nhưng Hồng chỉ giới-thiệu với Thầy Me rằng Hải là người bạn trai duy nhất của Hồng, chứ Hồng chưa dám thú thật rằng chúng ta đã yêu nhau.

Một thời-gian quen nhau lâu, được Thầy Me mến Hải, lúc bấy giờ Hồng mới dám thừa thật mọi nhẽ, và...và... (vân vân và vân vân...)

Hải đã mừng-rỡ tán-thành, nên tối qua Hồng nhất-định thừa thật với Me... Nhưng nào phải là hoàn-toàn thừa thật ? Đúng sự thật ra, thì Hồng mới định thừa một nửa sự thật thôi, hay là 2 phần 3, còn 1 phần 3 Hồng vẫn muốn che giấu... ập-ủ kín trong tim một thời-gian xem thế nào đã... Chỉ 2 phần 3 sự thật ấy mà Hồng vẫn còn rụt-rè sợ-sệt, không dám nói, thế có lạ không chứ ! Mẹ với con, có chuyện gì trong nhà, từ trước đến nay Hồng có tính nói « huych-toet », không sợ ai cả. Hồng đã được chị Mai và chị Vân gán cho danh-từ « con nhỏ búống bình ». Thầy Me cũng thỉnh thoảng mắng Hồng : « con Hồng, cái mồm nó cứ leo-lẻo ! » Ấy thế mà tối hôm qua, Hồng cứ sợ-sợ, chẳng còn leo-lẻo tý nào cả. Không dám nói câu chuyện Hồng với Hải cho Me nghe... Nhưng rồi, cần nói, phải nói, chuyện phải đến cứ đến. Muốn ra sao thì... ra sao !

Đợi lúc Bà Cụ ăn giàu, nét mặt cụ vui-vẻ, Hồng nắm can-dấm hai tay, đến đứng tựa sát vào Cụ, thổ-thẻ :

— Me ơi... Me ạ... Me...

— Gì thế, con ?

— Con Thanh thường đến chơi với con đấy .. Me biết chứ ?

— Ừ, Me biết.

— Nó có một người anh, Me ạ...

— Thế hả ?

— Vâng...

Bỗng Hồng cười như trẻ con, Hồng ôm lấy đầu-tóc bạc-phơ của Me, Hồng hôn lấy hôn để... Me thản nhiên, hỏi :

— Thành anh nó làm sao ?

— Anh ấy tên là Hải, học Đại-học đấy, Me ạ.

Me lặng thinh, nghe. Hồng nói tiếp :

— Me biết anh ấy học Đại-học gì không ?

Bà Cụ cứ điềm-nhiên, trả lời :

— Làm sao Me biết được ?

— Anh Hải, anh ấy học Đại-học Văn-Khoa đấy, Me ạ... Anh ấy ngoan-ngoa... là 1... Anh ấy...

Bà Cụ vẫn lặng thinh, nghe. Nhưng Hồng phải đi « nước rút », kéo nhờ chị Mai hay chị Vân bước ra thì Hồng ngượng chết, chặc là không dám nói nữa. Hồng vội nói tiếp :

— Anh ấy muốn đến thăm con, nhưng anh ấy sợ... Thầy Me... Hồng sắp nghẹn... muốn cầm luôn. Me im một lúc rồi hỏi :

— Con quen với cậu ấy nhiều lắm sao ?

— Vâng... Thỉnh-thoảng con đi học về, con gặp anh ấy... Anh ấy đứng đắn lắm, Me ạ. Không phải láu-táu như bọn-con giai khác đâu .. Tính nết lành lắm.., lễ phép lắm... Thầy Me trông thấy thế nào Thầy Me cũng mến cơ... Anh ấy định chiều mai anh đến thăm con và chào Thầy Me... Hôm nay con xin phép Thầy Me trước... chiều mai anh ấy đến, con sẽ giới-thiệu với Thầy Me nhé... Anh ấy ngoan lắm, Me ạ, nhưng chỉ là bạn của con thôi. Chúng con chỉ quen nhau thường thôi...

— Tên cậu ấy là gì ?

— Tên Hải, Me ạ.

Bà Cụ làm thinh, nhai hết bã giầu rồi bảo :

— Ừ, bạn của con muốn đến thăm con thì cứ đến, Thầy Me có cảm-đoán con tiếp bạn bè bao giờ đâu... Nhưng con phải tìm bạn tốt mà giao-thiệp. đừng có bạn vẩn-vơ, bọn cao-bồi lưu-manh, Thầy Me không bằng lòng đâu.

— Hải học Đại-học cơ mà, Me !

— Đại-học thì Đại-học chứ ! Thời buổi bây giờ, thanh-niên hư hỏng quá lắm, con phải liệu đấy mà bạn với bè.

— Con bảo đảm với Me là Hải không phải thuộc vào hạng thanh-niên hư-hỏng. Con nhận-xét không sai lắm đâu, Me ạ.

— Me cũng mong thế.

Thế là Me bằng lòng rồi... Hồng hy-vọng chiều mai Hải đến, sẽ gặp được nhiều thiện-cảm với Thầy Me...

(còn nữa)

ĐỒ BẠN :

V. — Một gia đình đông-đúc, lúc-nhúc...!



THƯA quý bạn, đây là gia đình ông hàng xóm của tui, gồm có :

*Ráng cái sáng
đoán Bài toán!!*

★ NGUYỄN-BA-TUI
Biệt-hiệu BA - TÈO

1 ông, 1 bà, 3 cha, 2 mẹ, 4 con trai, 2 con gái,
3 cháu trai, 1 cháu gái, 3 anh trai, 2 em gái,
1 bố vợ, 1 mẹ vợ, 1 em rể, 1 anh vợ, 3 anh
em trai con cô cậu, 1 em gái con cô cậu, 1 cậu, 1 dượng
rể, 1 cô, 6 cháu trai, 2 cháu gái.

Vậy tui xin hỏi quý Bạn : gia đình ông hàng xóm có ít nhất là bao nhiêu người, và gây liên-lạc gia đình với nhau như thế nào ?

● Bài đáp sẽ đăng trong số sau.

★ **Đáp bài hỏi thứ IV** (Phổ-Thông số 72, trang 89).

Đây là loại hỏi mẹo, ông Hà-Duy-Bảo, giáo-sư ở Bàn-Cờ, chia giùm như sau đây :

Ông Ba-Tui lấy một cái bánh tằm bỏ thêm vào 17 món đồ chơi của cô Diệu-Huyền, thành ra 18 món. Chia cho:

$$\text{Cu Tèo} \quad 1/2 = 9 \text{ món}$$

$$\text{Cu Tẹo} \quad 1/3 = 6 \text{ »}$$

$$\text{Cu Tẹo} \quad 1/9 = 2 \text{ »}$$

$$\text{Cộng} = 17 \text{ món đồ chơi.}$$

Còn cái bánh, ông Ba-Tui lấy lại. Hoặc chia đồng đều cho 3 đứa, thế là chúng nó vui vẻ cả.

● NGUYỄN-BA-TUI xin chân thành cảm tạ tất cả các bạn (trên 400 bạn) đã gởi lời giải đáp về tòa soạn P. T. Tất cả đều đáp trúng. Vì nhiều quá xin miễn đăng tên. Đa tạ! Đa tạ! TUI

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN

Phân phối bởi:
SÂN PHỤ, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐÀU MỠI MẠNH

HEPATANA



Pharmacie **TANA**

42-44 NGUYEN-TRAI CHOLON

Nhà thuốc **VAN-XUAN**

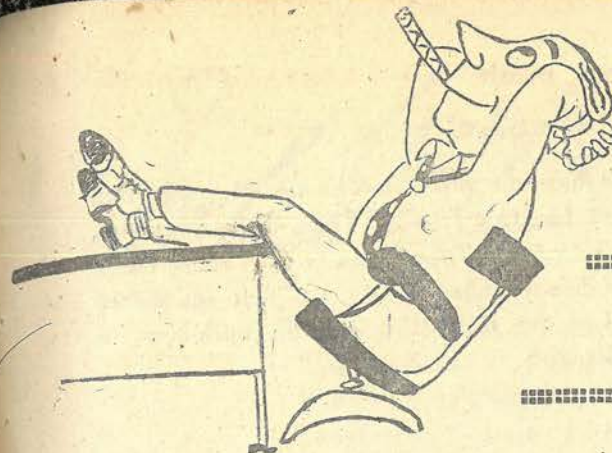
Phân hành tại THUỐC BỔ

HUYET-SON-DUONG

Sở tuấn Đại lý
và Khoách hàng tại

Nhà thuốc **VAN-XUAN**

4 Đường THUAN-KIEU CHOLON



..... **Sách**

..... **Báo**

..... **Mới**

Chúng tôi đã nhận được các ấn-phẩm sau đây, xin thành-thật cảm ơn các nhà xuất bản và các tác-giả gửi tặng, và xin vui lòng giới-thiệu cùng bạn đọc **Phở-Thông** tạp-chí.

★ Kho vàng đăm máu

Tiêu-thuyết phiêu-lưu mạo-hiêm của **TÔ-NGUYỆT-ĐÌNH**. Tác-giả là một nhà văn có chân-tài, một cây bút điêu-luyện chuyên viết về truyện trinh-thám, xã-hội, có tác-phong đạo-đức, cách-mạng. **Kho vàng đăm máu** là một bộ truyện rất hấp dẫn, đã in lại lần thứ hai. Nhà xuất bản Mè-Linh, Saigon. Giá 55\$.

★ Lịch Thế - kỷ

Lịch âm-lịch dương-lịch đối chiếu, tham khảo đầy đủ, từ năm 1892 đến năm 1976.

Nhà xuất bản Thế-kỷ, 216 Minh-Mạng, Cholon. Giá 23\$.

★ Rừng Nhân - ái

Tiêu-thuyết của ông Xuân-phong **NGUYỄN-NGỌC-CÀM**. Loại giấy trắng giá 70\$, loại giấy thường 50\$, loại Đặc-biệt có chữ ký của tác-giả đề tặng, giá 5000\$ (Năm ngàn đồng). Tác-giả có ghi trên trang đầu: « Tác phẩm dự thi Giải-thưởng văn-chương toàn quốc 1960-1961 ».

Nhà xuất bản ở 214 Võ-di-Nguy, Phú-Nhuận.

★ Truyện chúng mình

Thi-tập của NHẤT-TUẦN.

Nhất-Tuần là bút hiệu của một nhà Thơ trẻ đã từng đăng Thơ trong những tuần báo *Quê-Hương*, *Thăm-Mỹ*, *Phụng-sự*, *Chiến-sĩ Cộng-Hòa*, *Văn-ngệ Tiên-Phong*, v.v... Truyện chúng mình gồm 28 bài thơ diễn-tả những chuyện tâm tình của thế-hệ thanh-niên hiện đại. Lời thơ thành-thật, bình-dị, thích-hợp với lứa tuổi đôi mươi. Giá 20\$.

★ Lịch 1962

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ các vị đã gửi tặng Lịch 1962 : quý bạn đồng-nghiep, các nhà in, nhà Buôn, các Tòa Đại-sứ.

Xưởng cửa máy

LƯ-NAM-HƯNG

190, Đại-Lộ NGUYỄN-VĂN-HỌC

Cầu Băng-Kỵ Gia-Định



Bán sỉ và bán lẻ đủ các
sắc gỗ xẻ và gỗ súc

Ông lớn Quốc

Dạo này Dân-biểu nói hăng,
Ông kia bà nọ lằng-xằng thuyết trình.
Nêu ra những chuyện tày đình :
Chuyện ông Giám-đốc ý mình bề trên
Ra tay bóc-lột ngựa-nghiêng
Mấy cô thư-ký còn duyên nồn-nà ? ...

★

Chuyện Ông-lớn nọ một tòa,
Lấy xe chính-phủ cho Bà-lớn đi.
Phổ-phường chợ-búa tùy-nghị,
Vê-En chực sẵn (1) đưa đi rước về !

★

Chuyện nghe còn lắm ê-chề :
Chuyện bà Dân-biểu tóc thề ngang vai
Yêu-cầu mở lớp công-khai,
Dạy gái làm vợ, dạy trai làm chồng !
Thanh-niên, thanh-nữ mơ-mòng
Học khoa Sinh-lý thuộc lòng... mê-ly !
Văn-minh như xứ Hoa-Kỳ,
Như Anh, như Pháp, tân-kỳ xiết-bao,
Thế mà chưa dám rêu-rao
Mở trường dạy chuyện... tào lao... động-phòng !
Việt-nam ngựa-ngáy to-lòng ?
Học-sinh học chuyện... vợ chồng, đi thi ?

★

(1) Xe Chính-phủ mang bảng hiệu V.N.

Thế mà còn chuyện chi-chi,
 Cắm trài hút thuốc, cắm đi nhảy đầm ?
 Thanh-niên tu tỉnh, tu tâm
 Tu thành... Thành sống... hết dâm hết tà ?
 Cắm chơi đấu võ, chơi gà ?
 Mà sao không cắm các bà chơi ngông ?
 Cắm tóc uốn, cắm mày cong,
 Cắm đeo vú-giã, độn mông, eo mình ?
 Cắm quần trắng mỏng hớ-hênh ?
 Cắm áo hở ngực, cắm kên gót giày ?
 Cắm ca, cắm nhạc mê say,
 Liên-hoan tổ chức đó đây vang lừng ?
 Xi-nê rộn-rịp tung-bùng
 Kép Tây, đào Mỹ, không quần, không chân,
 Hở đùi, hở rún, trắng mông,
 Sao không cắm tuyệt lãnh-nhãnh lơ-lơ ?
 Mà đi cắm chuyện mờ mờ...
 Cắm cậu hút thuốc, cắm cô nhảy đầm ?

★

Sao mà lăm chuyện oái-oăn !

Diễn - Huyền

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON



Truyện dài tình-cảm thời-đại ★ NGUYỄN-VỸ

TÓM TẮT KỲ TRƯỚC

Chàng « nghệ sĩ mù » đã gần lành ống chân, khỏi bị què. Một buổi chiều chủ-nhật, cô Toàn vào thăm, thấy chàng ngồi trên ghế xi-măng trong sân bệnh-viện. Cô đến gần biểu chàng vài quả cam, và đề nghị sẽ giới thiệu chàng vào dạy nơi trường Mù ở Chợ-lớn... Chàng rất cảm động và đặt tất cả hy-vọng nơi cô...

(Tiếp theo P. T. 72)

— Dạ. Cám ơn Cô Hai.

Chàng nghệ-sĩ Mù ăn cam xong, lấy khăn tay trong túi ra lau tay. Đây là một chiếc khăn của Toàn may cho. Cả áo quần sạch-sẽ, trắng-trẻo của chàng mặc đều là của Toàn sắm. Cho đến chiếc dép chàng mang và cặp kính chàng đeo thường-xuyên cũng là do Toàn mua cho. Tuy bị mù-lòa, chàng vẫn có vẻ một trang thanh-niên tuấn-tú, nét thông-minh vẫn lộ ra trên gương mặt hiền-từ. Toàn hỏi:

— Hôm nay anh đã bước đi thật vững chưa ?

CÔ Toàn mở bóp lấy con dao nhỏ, cắt một quả cam, trao bình nhân :

— Anh dùng tạm mấy múi cam.

— Thưa cô Hai, hôm nay tôi thấy chân tôi đã lành mạnh lại như trước... Tôi muốn đi để cô Hai xem...

Chàng nghệ-sĩ mù vịn tay nơi thành ghế xi-măng, đứng dậy... Chàng bước đi... Chỉ phải cái tội không trông thấy đường, nên chàng cứ phải đưa tay ra sờ phía trước, và hai chân phải dò-dẫm lối đi, nhưng chàng bước đã chắc-chắn, vững-vàng, chân không bị thọt, không khập-khễnh... Cô Toàn bước chậm-rãi theo bên cạnh, để dìu-dắt chàng. Thỉnh-thoảng cô khẽ bảo :

— Anh coi chừng, có cái rẽ cây lớn nổi bên lề đường... Anh tránh qua tay phải... anh đừng bước mau... Coi chừng có bồn bông phía trước... Rẽ qua tay trái...

Đi một vòng quanh cả sân rộng, vừa đi vừa nói chuyện về trường Mù chợ-lớn, rồi trở lại chiếc ghế xi-măng dưới gốc cây, Toàn bảo :

— Thôi, anh ngồi trên ghế nghỉ.

Chàng thanh-niên mù nở một nụ cười hạnh-diện, sung sướng, đôi mắt đeo kính đen quay về phía Toàn :

— Hôm nay tôi biết có cô Hai vào thăm, nên tôi ra ngồi đây đón cô Hai, và tôi cố gắng đi được nhiều, để cô Hai xem...

— Anh đi thế có mỗi chân không ?

— Thưa không, cô Hai. Tôi thấy khoẻ lắm. Tôi không còn đau nhức nơi ống chân nữa. Tôi bước vững rồi, như cô Hai vừa thấy đó...

Chàng lấy tay sờ ghế xi-măng và ngồi xuống :

— Xin lỗi, cô Hai...

Chàng ngồi im một lát, khẽ bảo :

— Mời cô Hai ngồi...

— Vâng.

Toàn chợt trông thấy Bác-sĩ Giám-đốc bệnh-viện, cùng Bác-sĩ Võ-thanh-Bình, bạn thân của ông, từ trong đi ra. Bác-sĩ Bình, người ở Sài-gòn, và có phòng mạch tại Sài-gòn, cô Giáo Toàn mới quen được một tháng, do Bác-sĩ Giám-đốc bệnh-viện giới-thiệu một buổi chiều thứ Bảy mà ngẫu-nhiên hai người gặp cô từ trong bệnh-viện ra về. Cuộc sơ-ngộ đã gây cho Bác-sĩ Bình một rung cảm đột-ngột. Một

tiếng sét ái-tình ! Toàn hồn-nhiên không để ý đến. Nhưng Toàn rất ngạc-nhiên khi đã đoán hiểu. Vị Bác-sĩ trẻ tuổi vừa mới quen đã tỏ ra với Toàn những tình-y thiết-tha nồng-bột. Từ hôm ấy, chiều Thứ Bảy nào Bác-sĩ Bình cũng lái xe hơi Huê-kỳ từ Sài-gòn xuống Mỹ-Tho để gặp cho được cô Giáo Toàn. Đã có lần Bác-sĩ Bình mời cô đi dùng cơm tây tại nhà hàng sang-trọng nhất ở Mỹ-Tho, có cả hai vợ chồng Bác-sĩ Giám-đốc Bệnh-viện. Toàn đã chối-từ. Nhưng chính ông Giám-đốc Bệnh-viện cũng khẩn-khoãn mời cô, để có dịp ông giới-thiệu cô với phu-nhân để hai người làm quen với nhau, cô Giáo Toàn cảm-kích hảo-y của Bác-sĩ Giám-đốc, xin nhận lời và cảm ơn thịnh-tình của hai vị Bác-sĩ. Cơm xong, vào lúc 10 giờ đêm, Bác-sĩ Bình lái xe đưa cô Giáo-sư về nhà.

Toàn không trang-diễm nhiều, nhưng tuyệt đẹp. Nói chuyện với Bác sĩ Bình, cô luôn luôn nhã-nhận, vui vẻ, và rất đứng - đắn. Toàn đã thấy rõ cảm-tình nồng-nhiệt của Bác-sĩ Bình đối với cô, cảm-tình thổ-lộ trong mỗi lời nói đầy tình-tử, trong mỗi tia mắt

ráo-rực si-mê. Nhưng Toàn vẫn thân-nhiên. Cô cười nói rất duyên dáng nhưng đoan-trang, lịch thiệp mà nghiêm-chỉnh, không kiêu-kỳ, cũng không dễ-dãi.

Chiều hôm chủ nhật ấy, Toàn đang đứng trước mặt chàng thanh niên mù ngồi trên ghế xi - măng trong sân bệnh-viện, cô ngạc-nhiên trông thấy Bác-sĩ Giám-đốc Bệnh-viện với Bác-sĩ Bình từ trong đi ra. Hai người vừa đi vừa nói chuyện thân - mật, tiến đến cô. Hai người nghiêng đầu chào. Toàn mỉm cười đáp lễ. Bác-sĩ Bình nhanh nhẩu hỏi :

— Thế nào, chàng nghệ-sĩ tài-hoa của cô hôm nay đã lành bệnh hẳn chưa ?

Bác-sĩ Bình điểm một nụ cười mỉa-mai, lộ chút ghen - tương bóng gió. Toàn hơi ngạc - nhiên, nhưng vẫn nhã-nhận :

— Dạ việc đó chắc là Bác-sĩ Giám-đốc Bệnh-viện đây biết rõ hơn tôi.

Ông Giám-đốc muốn xoa dịu giây phút gay - cấn vụng - về do bạn mình gây ra :

— Bệnh-nhân hôm nay đã đi

mạnh - dặn. Trong 10 hôm nữa có thể khỏi hẳn được.

Toàn tiếp-tục nói chuyện với ông Giám-đốc bệnh-viện về vấn đề bệnh - nhân, trong lúc Bác-sĩ Bình im lặng ngó chàng thanh-niên mù vừa đứng dậy chào ông Giám-đốc. Bác-sĩ Bình quay ngó cô Giáo, với một nụ cười :

— Chiều hôm qua, Thứ Bảy, hình như cô bỏ quên người bệnh của cô ?

Toàn ngạc-nhiên hỏi lại :

— Vâng, chiều hôm qua tôi bận việc nhà, không đến. Nhưng thưa Bác-sĩ, sao Bác-sĩ biết ạ ?

— Chiều hôm qua, tôi ở Sài-gòn xuống đây, nhưng rất tiếc không được may-mắn gặp cô.

Toàn mỉm cười, hóm-hỉnh đáp lại :

— Chính chiều thứ Bảy Bác-sĩ đã bỏ quên những bệnh-nhân của Bác-sĩ ở Sài-gòn, để đi Mỹ-Tho !

Ông Giám-đốc bệnh-viện cắt ngang câu chuyện đối đáp bằng trí khôn giữa bạn ông và cô Giáo-sư trẻ đẹp :

— Mời cô sang bên nhà tôi uống trà. Cô biết, từ hôm quen cô, vợ tôi cứ khen cô mãi và mến cô lắm. Hôm nay nhân tiện ông bạn tôi đây và tôi sang thăm một người bà con ốm nặng, vợ tôi có dặn tôi nếu gặp cô thì mời cô sang chơi. Bây giờ chắc cô rảnh ?

— Dạ, tôi định vào thăm bệnh-nhân một lát rồi về. Nhưng tôi có thể sang chào Bà Bác-sĩ, vì từ hôm được hân-hạnh quen Bà nhà, tôi bận việc quá chưa đến hầu thăm Bà được... Xin phép Bác-sĩ, để tôi đưa ông này vào phòng đã...

Bác-sĩ Bình bảo :

— Tôi tưởng cậu ấy có thể đi một mình được...

Toàn diêm-nhiên trả lời :

— Nhưng thưa Bác-sĩ, đây là một người mù-lòa. Và hơn nữa, một bệnh-nhân ạ.

«Chàng nghệ-sĩ mù» cúi đầu chào ông Giám-đốc bệnh-viện, rồi đi theo «cô Hai». Cô khẽ đỡ cánh tay chàng, dìu-dắt chàng bước đi chậm-rãi... Cô nhận thấy nét mặt chàng đang vui bỗng-nhiên sầm lại, như buồn-buồn, đau-khổ...



Toàn ái-ngại, nhưng không thể từ-chối hảo-tâm của Bác-sĩ Võ-thanh-Bình. Nhân vì Toàn nói với bà vợ ông Giám-đốc bệnh-viện rằng còn mấy hôm nữa là nghỉ lễ Noel cô sẽ về Sài-gòn thăm gia-đình, bác-sĩ Bình chụp ngay cơ-hội :

— Cô cho phép tôi sẽ đem xe đến rước cô về Sài-gòn ?

—Ồ ! Bác-sĩ có lòng tốt tôi xin thành thật cảm ơn, nhưng tôi đâu dám làm phiền Bác-sĩ như thế !

— Có gì là phiền đâu, cô Giáo ! Trái lại... tôi rất...

— Nhưng Bác-sĩ ở Sài-gòn...

— Chính trước Noel một ngày tôi sẽ xuống Mỹ-Tho thăm hai ông bà bạn tôi đây, rồi Noel tôi trở về Sài-gòn. Nhân tiện, tôi sẽ rước cô về Sài-gòn luôn.

Vợ ông Giám-đốc bệnh viện tiếp lời :

— Phải đấy, 23 Décembre anh Bình sẽ đem xuống một vài món quà mà chúng tôi nhờ anh ấy mua giùm, rồi sáng 24 anh trở về Sài-gòn, sẵn xe anh ấy có thể đưa cô Giáo-sư về Sài-gòn.

Chồng bà cũng tán-thành ý kiến ấy. Chối - từ thì có vẻ khiêm-nhã, cô Toàn cảm ơn hảo-ý của Bác-sĩ Bình và sáng ngày 24 cô đi xe ông về Sài-gòn. Sự thật, Toàn biết Bác-sĩ Bình yêu cô, mê cô, và tìm mọi cơ-hội để tỏ tình yêu thiết-tha say đắm ấy. Hơn nữa, trong vài câu chuyện thân-mật giữa cô và bà vợ ông Giám - đốc Bệnh - viện, cô đoán chừng như có cuộc vận - động ngấm-ngấm của Bác-sĩ Bình nhờ vợ chồng người bạn đứng trung gian làm mai - mối cô cho ông. Toàn vẫn tỏ thái-độ diêm - nhiên vô-tình, để xem như thế nào, và nhất là để tìm hiểu tư-cách của Bác-sĩ Võ-thanh-Bình. Nhân dịp ngồi cạnh ông trong chiếc xe Huê-kỳ từ Mỹ - Tho về Saigon, trao-đổi câu chuyện tâm - tình, Toàn đã hiểu được Bác-sĩ Bình là người như thế nào rồi. Cô nhận thấy chưa chi mà Bác-sĩ Bình đã tỏ ra một tính ghen-tuông quá tầm-thường. Ông mĩa-mai cô sao lại săn-sóc một kẻ bệnh-nhân mù-lòa mà ông bảo là « hạ cấp ».

Ông vẫn khen cô có lòng nhân-đạo, nhưng ông ghen với kẻ tàn-tật được cô săn-sóc, đỡ - đỡ, và

ông đã tỏ ra ích-kỹ một cách tàn-nhân và bần tiện, muốn bảo cô đừng giúp - đỡ « thằng dui hạ-lưu » ấy nữa, theo lời ông mặt sát chàng thanh-niên xấu - số kia. Ông hứa hẹn với cô một đời sống xa-hoa rực-rỡ, hạnh - phúc tràn-trề, nhưng trái lại ông sẽ yêu cầu cô đừng giao-thiếp với lớp người « hèn - hạ » mặc dầu chỉ giúp-đỡ đôi chút. Ông tỏ vẻ khinh-bĩ « chàng nghệ-sĩ mù » và ông ghê-tởm những bệnh-nhân. Ông chỉ làm giàu trên những vết thương lở lói của họ, ông chỉ ham sống đời trường giả xa-hoa nhờ các loại vi-trùng hút máu những người mang bệnh, nghĩa là theo ông, « những người có sống cũng không ích gì cho xã-hội ».

Toàn hỏi :

— Thưa ông, thế ông quan-niệm nghề Bác-sĩ như thế nào ạ ?

Bác-sĩ Võ-thanh-Bình đáp :

— Tôi nói thật với Toàn, tôi không ưa triết-lý vẩn-vơ. Nếu phải triết-lý, thì triết-lý của tôi gồm trong 2 chữ La-tinh : *Primo Vivere*, là lo sống trước đã. Cũng như người Tàu nói : *Đi thực vi tiên*, lo ăn trước đã. Tôi

học nghề Bác-sĩ, nói thật với cô không phải để « cứu nhơn độ thế » như một số Thầy Thuốc tuyên-bố giả-dối đó đâu. Tôi chọn nghề đó là vì tôi thấy làm Bác-sĩ dễ làm giàu, mau làm giàu. Đây, cô xem, chỉ vài ba năm, tôi đã sắm được xe hơi, nhà lầu, và có đầy đủ tiện-nghỉ để sống cuộc đời vương-giã. Tôi nghe mấy ông bạn của tôi nói chuyện về ông Giáo-sư Ngọc-Minh ở trường Đại-học Văn-Khoa, một thằng-cha triết-học uơu-uơu gàn-gàn, cứ đem « tình thương nhân-loại » ra làm mục-thước cho đời người. Sống như thế tức là sống thật-lùi về đời thượng-cổ, man-rợ, đời Diogène, Esope, chứ không phải là đời Nguyên-tử của loài người tiến-bộ. Tôi mong Toàn đồng-ý với tôi, và chúng ta sẽ xây-dựng hạnh-phúc gia-đình, nghĩa là hạnh-phúc cá-nhân của chúng ta, bằng Sắc-đẹp, bằng Tiền-tài, bằng Địa-vị, bằng Danh-lợi. Tôi thú thật với Toàn rằng tôi yêu Toàn vì Toàn có một nhan sắc kiều-diễm mê-hồn. Đôi mắt của Toàn đẹp quá. Toàn à. Tôi chưa từng yêu một cô thiếu-nữ nào mà sắc đẹp làm cho tôi say-mê như Toàn. Nhưng

tôi hơi ngạc-nhiên và tôi buồn thấy Toàn đối-dãi dịu-dàng gần như âu-yếm một thằng dui, một thằng què, một kẻ thất nghiệp ngồi đầu đường xó chợ để hát kiếm tiền. Một đũa tàn-tật như thế, tôi tự hỏi, sống làm chi trong xã-hội ? Xã hội có nhờ cậy gì được nó không ? Giá sử xe nhà-bình cán nó chết, tôi tưởng cũng chẳng có ai thương tiếc nó đâu. Toàn là người có học thức. Một cô Giáo-sư Trung-học là một bậc thượng-lưu trong nữ-giới, có tài hoa hơn người. Một đời sống xa-hoa sung-sướng trên nhung lụa mới xứng đáng với địa-vị của Toàn. Tôi xin đem cả hạnh-phúc cao-quý ấy dâng tặng Toàn. Nếu Toàn bằng lòng, chúng ta sẽ làm đám cưới linh-đình nhất ở Thủ-đô Sài-gòn, đãi tiệc cưới tại nhà hàng Majestic, mời hết các nhân-vật to lớn trong chính-phủ, và trong Y-giới, Giáo-giới. Cưới xong, chúng ta đi du-lịch 3 tháng Trăng-mặt sang Nhật-bổn, Phi-luật-Tân, và Úc-châu, Mỹ-châu, Âu châu, lúc về ghé Ấn-độ chơi mười hôm rồi ghé Xiêm, ghé Miến-Điện. Tôi đã sắp đặt chương-trình như thế để hưởng hạnh-phúc tuyệt vời với Toàn, nếu Toàn... Toàn yêu-kiều diễm-lệ... Toàn... Toàn biết tại sao tôi 32 tuổi mà chưa có vợ không ? Là vì tôi kén chọn một người vợ xứng-đáng

với tôi. Tôi xin thú thật với Toàn rằng đàn-bà con gái, họ yêu tôi nhiều lắm. Vì tôi là Bác-sĩ, vì tôi có nhiều tiền, vì tôi có xe hơi, có biệt thự, có đủ cả. Tôi có thể làm ông Bộ-trưởng, ông Đại-sứ, còn hơn mấy ông Bộ-trưởng bây giờ nữa đó. Nhưng các bà các cô ấy yêu tôi, tôi biết là họ muốn lợi dụng tôi, thì tôi cũng lợi-dụng họ một thời gian nào đó thôi. Bây giờ tôi mới nhất-định thành-lập gia-thất, và xây-dựng hạnh-phúc mà tôi muốn hoàn-toàn, rực-rỡ, với một người thật đẹp mà tôi thật yêu. Trời xui khiến tôi gặp Toàn. Ngay giờ phút đầu tiên tôi mới gặp Toàn, tôi đã thấy ngay rằng Toàn là một vị Tiên-nữ xuất thế, người đẹp duy-nhất, người bạn trăm năm mà tôi đang tìm kiếm ..

Bác-sĩ Võ-thanh-Bình lái xe chạy chậm - chậm... Ông âu-yếm nhìn vào mặt cô Giáo - sư Phạm-thị. Toàn. Ông đợi cô đáp lại ông bằng một nụ cười duyên-dáng. Nhưng Toàn im-lặng, nghiêm-trang, mặt đăm đăm nhìn thẳng phía trước...

Bác-sĩ Bình vẫn mỉm cười tình-tử, hỏi :

— Tôi đưa Toàn về thẳng Biệt - thự của tôi ở Hòa - Hưng. Toàn nghĩ một lát cho khoẻ rồi chiều tôi đưa Toàn về thăm Ba-Má nhé ?

Toàn vẫn làm nghiêm, không một nhếch môi, không một lời đáp lại.
(Còn-nữa)



★ **Lớp Hội-Họa mở từ tháng 1-62.**

(Của ông Đồng-Lý Văn Phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục)

THAM CHIẾU : quý tạp-chi số 68 ngày 14-11-61.

Thưa Ông Giám-Đốc,

Trân-trọng tin ông rõ :

Thiêm Bộ quyết định mở lớp giáo-khoa hội-họa từ tháng Giêng 1962 để đào-tạo giáo-sư hội-họa cho các trường trung-học. Ngoài ra, để cải-tiến việc dạy-dỗ môn vẽ ở bậc tiểu học, thiêm Bộ cũng đã trù-liệu mở cấp-thời một lớp tu-nghiệp vào dịp nghỉ hè sắp tới nhằm mục đích huấn-luyện một số giáo-viên phổ thông có khiếu về hội-họa thành những giáo-viên hội-họa có đủ căn-bản sư-phạm để dạy môn vẽ cho có hiệu-quả hơn trước.

Thành-thật cảm ơn quý Tạp-chi luôn-luôn chú-trọng-đến nền giáo-dục nước nhà.

Trân-trọng kính chào Ông Giám-Đốc.

NGUYỄN-ĐÌNH-HUNG

Đồng-ly Văn-phòng Bộ Q.G.G.D.

● Đây là Bộ Q.G.G.D có nhã-ý trả lời bức thư của Sinh-viên Tỏi-nghiệp Cao-dẳng Mỹ-thuật Gia-định khóa 4 và khóa 5 đăng trong tạp-chi Phổ-Thông số 68 ngày 14-11-61.

Chúng tôi xin kính lời cảm ơn Bộ Giáo-Dục đã thi-hành biện-pháp thích-ứng để thoả-mãn nguyện vọng chính-dáng của sinh viên Mỹ-Thuật.

★ **Câu đối mừng Sinh Nhật vua Khải-Định.**

(Của ông Nguyễn-Tám, ở Nha-trang).

Đọc hai câu đối :

Thọ hạ tứ tuần mừng mẹ nước.

Thuế gia tam thập chết cha dân.

đăng trong Tập-thi Phổ-Thông số 71 trang 117, bắt giắc tôi nhớ đến một giai-thoại văn-chương mà đồng-bào Bắc-Kỳ di-cư tránh nạn đói-khủng-khiếp do Phong Thực tác thành đạo cuối năm 1944, kể lại cho nghe như sau :

« Hồi trước ở Tỉnh Ninh-Bình, có ông Quan to tên T. D. xuất thân Tiên-sĩ, rất ham chuộng văn-chương, nhưng mắc phải cái bệnh bất liêm, nên đồng-bào lấy làm công-phẫn vô cùng.

Quan vợ vét tiền bạc của dân, đặt thợ khắc thi, phú của mình vào đá hai bên sườn núi Dục-Thủy tục gọi là Non - Nước, và đề dối truyền kỷ-niệm, Quan lại bảo thợ chạm in hai bàn chân của Quan vào đá ở núi ấy nữa. Sau một đêm công-trình hoàn tất, có người dân thơ :

Năm ngoài thấy Quan đục bốn vắn,

Năm nay Quan lại đục hai chân ;

Khen cho đá cũng lý gan thật,

Chịu được cho Quan đục mấy lần.

Ngày mừng lễ Ngũ tuần của bà Mẹ Vua Đồng-Khánh, Quan T. D. phụng mạng Triều-đình và Nhà-Nước Đại-Pháp, góp tiền của dân, tổ-chức yến tiệc linh-đinh, ca hát suốt mấy ngày mấy đêm, Quan vui say thoả-thích, Dân phục-dịch khom lưng. Cao hứng, giữa một bữa tiệc, Quan ra câu đối :

RƯỢU CHUỐC NĂM MƯƠI MỪNG MẸ NƯỚC

và hứa thưởng 50 quan tiền cho người đối được.

Trong khi Quan lớn, quan nhỏ còn đang bóp đầu suy nghĩ thì có một anh học-trò xin đáp :

BẠC THUỒNG CHỤC MỘT CHẾT CHA DÂN

Quan T. D. khen hay, thưởng tiền và truyền linh nọc anh học-trò ra đánh 30 roi nứt máu về tội ngạo Quan. »

Người thuật chuyện kết thúc : « Cho hay 30 lằn roi tan biến mất liền sau đó, còn văn kia đối nọ, muôn đời vẫn còn mãi trong dân gian.

« Trăm năm bia đá cũng mòn,

Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ-trơ. »

★ **Yêu-cầu đổi tên Đường và Trường Gia-Long**

(Của bạn Lê-Bửu, Tiểu-Hương, Qui-nhơn)

... 1) Vua Gia-Long rước cả ngoại bang (Xiêm, Pháp) bao phen về đất nước làm đồ màu không phải vì nhà vua muốn cứu dân Việt ra khỏi sự chia rẽ 3 miền do anh em Tây Sơn, mà chỉ vì một chiếc ngai vàng của họ Nguyễn.

2) Ai cũng biết thế, thi tại sao các trường Nữ trung-học lớn ở nước nhà vẫn còn mang tên : Gia-Long, và... Đồng-Khánh ? Trong lịch sử nước nhà thiếu chi liệt nữ anh hùng hoặc nữ-sĩ như : Triệu-Âu, Hồng-Hà nữ sĩ, bà Huyện Thanh-Quan, Ngọc-

Hàn Công-chúa v.v... mà lại không thay vào cái tên Gia-Long bán nước và Đồng-Khánh bù-nhìn kia đi ? Xin đề-nghị nhà chức-trách bỏ cả tên đường và tên trường Gia-Long, Đồng-Khánh đề chỉ chương tạc tại gai mắt đồng-bào ? Ai đời một nước 4.000 năm Văn-Hiến mà không có được 2 người đàn bà đang mang tên cho 2 trường nữ-học lớn ư ?

★ Tây chứng-chỉ để đi thi

(Của một Sinh-viên Cao-dẳng Mỹ thuật Huế)

... Thưa ông, nhờ một cái duyên mà em được biết hiện nay có phong trào tây chứng chỉ để đi thi. Vài người bạn bảo em là lấy Alcool 90° hay nước Javel mà tẩy. Nghe người bạn em bảo là tẩy để đi thi Thủ-dức gì đó, v.v... em bảo là họ biết thi sao, thi người bạn em trả lời là họ không biết thi mình được Chuẩn-uy mà không qua được thi cũng được họ trọng dụng với cấp bậc trung-sĩ kia mà ! Dù sao mình cũng lợi vì mình mới học lực Đệ-thất.

Thưa ông, quân đội mà nhất là sĩ-quan là những người lãnh đạo sáng suốt. Không hiểu trường hợp trên đây có phải thế không ? Nếu biết là chứng chỉ giả sao vẫn móc cấp bậc trung-sĩ ?

Và câu hỏi thắc-mắc chung của nhiều người là tại sao lại không kiểm soát chặt chẽ hầu tránh những hành động của những kẻ cuồng vọng làm mất uy tín cho quân-đội nước nhà vậy ?

★ Gửi bác Nguyễn-Ba-Tui

Kính thưa Bác,
Nhàn chủ-nhật lui-cui
Góp ít vần thơ cùi
Với bác Nguyễn-ba-Tui
Trợn mắt đang suy nghĩ,
Khéo vẽ chuyện vui vui !
Ràng càn-dáng bài toán,
Ngồi tô-mò phanh-phui.
Chuyện văn-hóa giải-trí,
Coi lâu cũng mỏi mỏi !

Kính thư
Võ-như-Chương
(Võ-Tánh Nha-trang)

★ Vụ trường Phan-châu-Trinh

(Của Học sinh Phan-châu-Trinh Đà-nẵng)

Tạp-chi Phổ-Thông số 71 vừa phát hành và đến Đà-nẵng ngày 15-12-61 có đăng ở mục nhấn tin bạn đọc một tin là không thể đăng được bài của một số học-sinh tham phiên nhiều vị giáo sư tại trường Phan-châu-Trinh Đà-nẵng đánh đập học-sinh một cách tàn nhẫn. Sau khi báo về đến Đà-nẵng ngày 15-12-61 thì tại trường Phan-châu-Trinh có một buổi họp giáo-sư bất ngờ, và kết quả buổi họp ấy là có gần 5 học sinh bị đuổi hẳn và gần 25 học-sinh bị đuổi cảnh-cáo một tháng, tất cả đều không biết lý do tại vì sao. Vậy chúng tôi viết bài báo này mong ông cho đăng trong tạp-chi, đề các bậc phụ huynh xa gần xét xem một việc làm của nhà trường như vậy có đúng hay sai ? Và luôn tiện kính nhờ ông vui lòng cho biết : một học sinh trước khi bị đuổi hẳn hay bị đuổi một tháng, nhà trường có phạt cảnh cáo những lỗi nhẹ hơn hay không ? Vì chúng tôi nhận thấy khi đuổi hẳn một học sinh hay đuổi cảnh cáo học sinh một thời hạn (1 tháng) kể cũng khá lâu và như thế học sinh sẽ bị ở lại lớp một cách oan uổng. Vậy chúng tôi mong ông vui lòng đăng thư này trên Phổ-Thông...

Một nhóm Học-sinh Phan-châu-Trinh, Đà-nẵng.
Xin ký tên dưới đây :

(30 tên và chữ ký)

● Lời tòa soạn.— Chúng tôi thành-thật hy-vọng quý vị giáo-sư nên khoan-hồng đối với các em học-sinh. Sự trừng phạt gắt-gao và nhất là sự đánh-dập học-sinh, nếu có, chắc chắn là không phải phương-pháp giáo-dục thích-hợp với thời đại.

★ Yêu-cầu in thêm số P. T. mỗi kỳ.

★ cô Diệu-Huyền táo-bạo quá.

(của Ông Trần đình Hội, K.B.C. 4476)

...1— Nhận thấy qua các số báo sau này rất nhiều độc-giả hỏi mua những số còn thiếu, nhưng không được thỏa-mãn, tôi cũng hiểu rằng : « Khó làm vừa lòng tất cả mọi người », và vấn đề xuất-bản có hạn. Nhưng độc giả P.T. càng ngày càng đông, khi họ đã yêu-mến tờ báo mà số báo không đủ để cung-cấp, vì

có nhiều độc-giả như chúng tôi gặp phải hoàn-cảnh không tiện mua liên-tục mỗi kỳ nên phải mua trễ, hoặc gởi nhờ các bạn mua giùm thì báo đã hết ! Như vậy, nếu có thể, yêu cầu ông cho xuất-bản thêm hơn số báo đã xuất-bản mỗi kỳ để những độc-giả như chúng tôi không đủ phương-tiện mua liên tục tại các hàng sách, thì cũng còn hy vọng mua được bằng cách bảo-đảm đến tòa-soạn.

2.— Xin nhắc với « cô Diệu-Huyền » trong chuyện « Minh ơi » Phở-thông số 68 ở đoạn cuối — Thật « cô », « tảo bạo » quá, bất chấp cả thuần-phong mỹ-tục và xem ở bãi biển Vũng-Tàu như không có ai, nên « Bà Tú thông thả cởi hết áo quần, còn mặc may-dò màu hồng, bước dệu-dàng..... » đã như vậy « Bà rút-rè... » chắc là « làm duyên » với Ông Tú... hay là đang mơ lên cung Trăng nên quên hết!

● **Đáp 1.**— Mỗi kỳ báo, chúng tôi đều có in thêm ít nhất là 300 số, và gởi thêm đến các Đại-lý mỗi nơi vài chục số, theo sự đòi hỏi của bạn đọc. Nếu có số nào các bạn mua trễ không còn thì xin gởi về Tòa soạn 10\$ bằng tem bưu điện, (không cần thư Bảo-đảm) và cho địa-chỉ rõ-ràng, chúng tôi sẽ gởi số báo thiếu đến bạn ngay.

II.— Nếu bạn có dịp ra Vũng-Tàu, hoặc các bãi biển như Nha-Trang chẳng hạn, bạn sẽ không ngạc-nhiên về sự « Bà Tú » mặc áo « may đo » để tắm biển như tất cả các phụ-nữ khác. Phụ-nữ mặc « may đo » để tắm và dễ bơi, không có gì phạm đến thuần-phong mỹ-tục.

★ Bài thơ « Nước Lụt » của ai ?

● (của ông Thủy-Mậu, Hòa-Vang)

... Nhân đọc liên tiếp 2 bài thơ « nước lụt » của Ông Thanh-Tùng Giáo-sư Qui-nhơn trong Tạp-chí Phở-Thông số 70 và của Ông Nguyễn-văn-Huệ, Điện-Bàn, trong Phở-thông số 71, tôi lấy làm băn-khoăn khó chịu và thêm nhiều suy-nghĩ... Bởi vì, Bài thơ « Nước lụt » trên kia tôi đã được nghe một nhà Nho cao-niên bảo đó là bài : « Nước-lụt Thi » của Cụ ÔNG-ÍCH-KHIÊM tức Tiên-Phong-Lệ và nhà nho này lại đồng một Sinh-quán với Cụ Tiên-Phong-Lệ (Hòa-vang, Quảng-Nam).

● của Ông Nguyễn - đăng - Thuyền, Túy-Vân, Thừa-Thiên.

... Phở-Thông số 70 ra ngày 1.12.1961 có bài thơ « Nước lụt » do ông Thanh-Tùng, Qui-nhơn nói là của ông LÊ-TRUNG-ĐÌNH

nhà cách-mạng ở Quảng Ngãi.

Qua tạp-chí *Lành mạnh* số 63 cũng ra ngày 1. 12. 1961 tại Huế, thì bài thơ nước lụt ấy ông Thanh-Huy Thái-quảng-Cự nói là của cụ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU.

Đến Phở-Thông số 71 ông Mặc-Cầm cũng nói của cụ Cử Lê-trung-Đình, mà ông Nguyễn-văn-Huệ, Điện-bàn, lại nói chắc chắn tác-giả «Vịnh nước lụt, đó là cụ Tú tài HUỲNH-QUÝ, Quảng-nam, làm cho tôi hoang mang phải đặt thành một nghi vấn như lời Tòa-soạn. Như thế tác-giả đích là ai ? Kính xin chất chính cùng quý độc-giả.

Và lại chỉ một bài thơ-đó mà các Ông Thanh-Tùng, Thanh-Huy, Mặc-Cầm và Nguyễn-văn-Huệ chép đều sai khác nhau, thực là tam sao thất bản. Riêng tôi lại nhớ có khác bốn ông trên :

Tôi nhớ như vậy :

Mưa từng chấp, gió từng hồi
Mới đó giang sơn nước khỏa rồi.
Lũ kiến bắt tãi tha trướng chạy,
Chòm rêu vô dụng kết bè trôi.
Chít chiu rừng rậm chim kêu đói,
Lồm xồm giường cao chó nhảy ngồi,
Nỡ dè dân đen bần lâm thế ?
Nào ông Hạ-vũ ở đâu ôi !

HÃY ĐÓN ĐỌC :

Tán Thiệu Niên

ĐÃ RA SỐ ĐẦU

- một loại sách rất bổ ích cho các bạn trẻ ưa hoạt-động, ham học hỏi.
- một loại sách rất gần và hợp với đời sống bạn trẻ hiện nay, do TÂN-VĂN-HÓA xuất bản mỗi tuần. Với sự hợp tác của các nhà văn tên tuổi thủ-đo.




POLYVIT C_a

TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ,
TRẺ EM ỒM-YẾU, Ề-O-T, CHẠM MỘC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHÔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-DƯỢC

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ Các nhóm học sinh Nha-trang, Đà-nẵng, Huế, Long-xuyên, Châu-Đốc.

Bộ Giáo-dục đã chính-thức cho biết : biện-pháp sửa đổi thể-lệ thi-cử chưa áp-dụng trong niên-khoá 1961-62, mà sẽ bắt đầu thi-hành trong niên-khoá 1962-63.

★ Bạn Tạ đình-Hùng, Quảng-nam.

● Theo các tài-liệu chính-thức, Hitler và vợ là Eva Braun đã tự tử đầu tháng 5-1945, khi quân-đội Đồng-Minh vào chiếm Berlin.

● Chính sách *quân quân* (quân sự hành-chính), chỉ áp-dụng trong thời chiến-tranh, tại một số quốc-gia mà thôi.

● Các trẻ em 1, 2 tuổi, lúc ngủ hay cười, hoặc mếu, là do những phản-xạ tự-nhiên (Réflexe), chứ không phải vì máu chạy không đều.

★ Bạn Ng.-đức-Mến, Ty Y-tế Nam-Hòa.

Người ta gọi nước Nhật là *Đảo Phù-Tang*, theo sự tích của Nhật : có một giống cây Thần mọc nơi mặt trời, tên là cây Phù-tang, như một loại cây dâu.

★ Bạn N. T. H. Sinh-viên Hán-học, Huế.

● Không phải « hầu hết những người nào lùn là những người có tài, như Napolén chẳng hạn ». Các vị danh-tướng trong lịch-sử như Alexandre đại-đế, Charlemagne, César, Eisenhower, De Gaulle, đều phải lùn !

● Napoléon không có bạn thân nào cả. Trái lại, một số người nhờ ông cân nhắc lên một địa-vị khá cao, lại phản-bội ông khi ông bị thất thủ, như Fouché, Talleyrand, v.v...

★ CÙNG BẠN ĐỌC :

Vì kỳ này bài nhiều quá nên mục «Đáp Bạn Bốn Phương» chỉ đăng 1 trang. Số Xuân sẽ trả lời nhiều hơn.

Nhắn tin riêng với Bạn Đọc

★ Bạn V.H Sơn - Khê

Không có người thiếu nữ nào hoàn-toàn bị chứng « Frigidité » cả. Trường-hợp bạn kể đó liên-quan đến vấn-đề tâm-lý nhiều hơn.

★ Một độc-giả ở Gia - định

Chúng tôi không được biết địa-chỉ ở. Nguyễn-Giang, dịch-giả quyền « Giác mộng một đêm hè ».

● Muốn luyện tập Yoga, nên xem những quyển : *Yoga pour soi*, của Edouard Langue, *Yoga pour elle* (cùng một tác-giả) và *Yoga pour tous* của Desmond Dunne. Địa-chỉ : 22 Rue Bergère, Paris.

★ Bạn Ng.-Đức-Mến, chi Y-tế Nam-Hòa, Thừa - Thiên

● Tòa báo còn những số ông hỏi, mỗi số 10\$, ông có thể gởi trả tiền bằng tem bưu-diện, hoặc bưu-phieu.

● P. T. đã có quyền Mục-Lục I (từ số 1 đến số 40), sẽ có quyền Mục-Lục số II (từ số 41 đến số 80).

★ Chúng tôi có nhận được bài và thơ của các bạn, sau đây : (từ 15-12 đến 1-1-62 :

Nghiêm-đức-Vy (Phan-Rang) — Nguyễn-văn-Triều (Saigon) — Mai-đức-Quy (Huế) — Tùng-Đinh (Quảng-Đức) — Huyền-Lan (Huế) — Vũ-khắc-Kính (Qui-Nhon) — Lê-thị-Định (Đà-Nẵng) — Việt-Sơn (Huế) — Bùi-trần-Châu (Sông Cầu) — Lương-Nhân (Huế) — Hoàng-Vũ (Qui-Nhon) — Hoài-Tâm (Quảng-Ngãi) — Trăng-thệ-Hải (Phan-Thiết) — Thanh-Châu (Huế) — Giang-Trang (Hội-An) — Văn-Long (Quảng-Ngãi) — Lý-Hương (Qui-Nhon) — Ngọc-Lam-Huyền (Đà-Nẵng) — Hà Thanh (Phụng-Hiệp) — Đỗ-phương-Tuyền (Huế) — Thanh-Nguyễn-ngọc-Thuận (Nhatrang) — Việt-Hoài (Dalat) — Dương-Cần (Saigon) — Hnỳnh-Minh Nguyễn-Như (Saigon) — Dương-Long (Saigon) — Võ-ngọc-An (Saigon) — Lương-Việt-Cương (Saigon) — Hoàng-Quỳnh (Saigon) — Lữ-Quỳnh (Huế) — Thiên-Thâm-

Hành (Long-Xuyên) — Thái-văn-Cơ (Huế) — Anh-Khoa (Đà-Nẵng) — Hoài-Vân (Huế) — Phạm-dại-Quan (Cần-Thơ) — Thiên-Tư (Hòa-Hưng) — Tôn-Nữ Hoài-My (Phan-Rang) — Nguyễn-văn-Tuyền (Phan-Rang) — Thiếu-Ủy Hồ-văn-Triêm k.b.c 4.755 Lê-quốc-Trình (Saigon) — Trần-văn-Hồng (Vũng-Lầu) — Nguyễn-Thạnh (Đà-Nẵng) — Thủy-Lam (Nhatrang) — Nam-Tuấn Nguyễn-thành-Nhơn (Tây-Ninh) — Trịnh-thiên-Tử (Nhatrang) — Liêm-Nhân (Phan-Thiết) — Thanh-Vân (Bình-Định) — Dạ-Nguyệt-Quang (Huế) — Hyma Đỗ-Tiến-Sĩ (Qui-Nhơn) — Hàn-thế-Nhân (Saigon) — Nguyễn-Trọng (Saigon) — Anh-Nguyệt (Phủ-Nhuận) — T.T. Lê-ngọc-Nhuận (Ba-Xuyên) — Phan-Ngô (Huế) — Trần-dinh-Bảng (Bàn Cờ) — Hoàng-Lâm (Định-Trương) — Phương-lê-Giang (Qui-nhơn) — Đông-Hoài (Huế) — Thạch-tinh-Nhân (Quảng-Trị) — Giao (Phan-Thiết) — Nguyễn-quốc-Thạc (Đà-Nẵng) — Tô-minh (Đà-Nẵng) — Hoàng-Khê (Huế) — Lê-văn-Thị (Bình-Định) — Thái-tú-Hạp (Hội-An) — Ngọc-Suyềh (Hội-An) — Nguyễn-văn-Nghĩa (cư xá Cộng-Hòa) — Võ-vị-Hà (Quảng-Ngãi) — Lê-văn-Phương (Xuân-Lộc) — Quốc-Đằng (Đà-Nẵng) — Văn-đức-Lâu (Thừa-Thiên).
Vô Danh Hoài-Lan (Huế)

✱ Thư riêng của các bạn :

Võ-khắc-Cán (Nhatrang) — Ngô-minh-Thao (Ninh-Hòa) — Trần-huyền-Trần (Huế) — Kim-Lão-Trượng (Saigon). Xin thành thực cảm ơn các bạn.

BAN XÃ-HỘI TRƯỞNG ĐẠI-HỌC KHOA-HỌC

Ban Xã-Hội trường Đại-Học Khoa-Học là nơi sẽ giới-thiệu, tới quý vị phụ-huynh học-sinh, Giám-Đốc những sinh-viên ưu-tú, đạo-đức, để dạy học tư-gia, làm thư-ký phụ, v.v...

Xin thư về 227 Cộng-Hòa, Đ.T. 21.096.

Mỗi lá thư của quý vị gửi đến là một nguồn vui lớn cho các sinh-viên nghèo.

Saigon, ngày 26 tháng 12 năm 1961
TRƯỞNG BAN XÃ-HỘI
NGUYỄN - NGỌC - SAN

BẠN ĐỌC ĐÓN COI

BÁCH-KHOA SỐ KỶ-NIỆM ĐỆ-NGŨ CHU-NIÊN

Phát hành ngày 15.1.1961

Những nét chính trong năm 1961 :

về : Chánh-trị, Kinh-tế, Khoa-học, Văn-học, Nghệ-thuật...

với : Hoàng-Minh-Tuynh, Tiểu-Dân, Quốc-Dũng, Nguyễn-Phúc-Sa, Võ-Quang-Yến, Cô-Phương-Thảo, Trần-văn-Khê...

Những vấn-đề hiện tại :

— văn-đề khắc khở — văn-đề tiết dục — văn-chương triết-lý — hiện tượng học — thời-đại tính trong văn-nghệ — quan-niệm sáng-tác (Tổng kết cuộc phong văn).

Các bạn yêu hội-họa, qua bài « Xem tranh Tàu » của Đoàn-Thêm sẽ được tác-giả trình bày về hội-họa Trung-Hoa từ Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh... đến cận đại với 30 bức tranh tiêu biểu của các họa-sĩ Trung-Hoa từng thời-đại.

Các bạn tìm hiểu triết-học Đông-Phương sẽ được thỏa mãn về thiên khảo luận : « Dịch Lý với Thiên-Địa chi tình » tiếp theo « Dịch Lý với Thiên-Địa chi tâm » của Nguyễn-văn-Ba, đã đăng trên Bách-Khoa từ số Kỷ-niệm năm ngoái.

Các bạn đọc Bách-Khoa sẽ vui thích theo dõi « Tấn bi kịch ngàn năm chưa dứt » của Nguyễn-Hiến-Lê thuật lại sự thành lập và củng-cố kỳ diệu quốc-gia Do-Thái

BÁCH-KHOA ĐỆ-NGŨ CHU-NIÊN sẽ cống hiến bạn đọc : « Tia nắng rớt » của Võ Hồng, một chiếc « bướm lạ » của Nhật Tiến, rất nhiều « tấm lòng vàng » của Vũ Hạnh và cuộc phiêu du chưa biết « về đâu » của Võ Phiến.

Bách-Khoa số kỷ-niệm năm nay.

Một công trình tập-thể của các cây bút trong nước và một số cây bút ngoài nước : Minh-Đức, Mộng-Trung, Phan-văn-Ngân, Nguyễn-Trần-Huân, Võ-Quang-Yến, Trần-văn-Khê, Hoàng-Xuân-Hân...

Sẽ xứng đáng với lòng tin yêu mà bạn đọc đã dành cho Bách-Khoa trong suốt 5 năm.

Công-Ty Bảo-Hiêm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiêm và Liên-Hiệp những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

trụ sở chánh : 30-32, Đường Laffitte
PARIS (9ème)

Chi Cuộc Viễn-Đông : 16 Đại Lộ Nguyễn-Huệ
(Charner cũ), SAIGON
Điện-Thoại : 20.461

Bồi thường mau lẹ — Nghi thức giản-tiện,

Khi hữu sự hầy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự
để dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo hiêm.

THUỐC MUỐI SUI TẮM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ợ CHUA - BUỒN NÔN-ỢI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RƯỢT
BAO-TỬ CO RÚT

CÓ BÁN KHẮP
ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

TRƯỜNG

ANH - VĂN

KHAI - MINH

Tân - Định — SAIGON

Tháng này có nhiều lớp mới (Mai — Chiều — Tối)

Quý Vị thường hay dài đêm, thận suy, đau lưng, di
mộng hoạt tinh, gân cốt nhức mỏi, đầu vầng mắt hoa v. v...
nên thường uống :

PHƯỚC-LỘC-THỌ NAM-CHI-BỮU

(THUỐC BỒ CỦA ĐÀN ÔNG)

Quý Bà, Quý Cô khí huyết kém, da mặt xanh xao, thân
hình gầy ốm, kinh nguyệt không đều, sản hậu thiếu máu v. v...
nên thường uống :

Phước - Lộc - Thọ Nữ - Chi - Bữu

(THUỐC BỒ CỦA ĐÀN-BÀ)



THAM HIỆU PHƯỚC LỘC THỌ

Tổng phát hành :

Nhà thuốc PHƯỚC - LỘC - THỌ

Đông-Dược-Sỹ ÔNG - SUNG

Số 57, Đại-lộ Không-Tử — CHOLON
và các tiệm thuốc Bắc ở khắp nơi đều có bán



Nước ngọt **CON CỌP XÁ XỊ**
 Giải lao độc nhất vô nhị.
 Giải cảm; lọc máu, kiện tì.
 Trị thấp, nhuận tràng, khai vị.
 Hưng cường thân thể nhược suy.
 Tiêu thực, diệt trừ tả lỵ.
 Đóg chai Hoà Tiến tân kỳ:
 Thượng phẩm trình bày tuyệt mỹ!

NƯỚC NGỌT CON CỌP mỗi chai
 Là nguồn Vui Mạnh kéo dài tuổi xuân

DẦU TRUNG-TÂM



CHUYÊN TRỊ : Các chứng bốn mùa
 cảm mạo, trúng gió sổ mũi, nghẹt mũi, ăn
 không tiêu, no hơi sinh bụng, ruột hoặc bao
 tử đau thắt, trẻ em đau bụng, đi xe đi
 tàu say sóng, và các chứng thủng độc
 ngoài da v.v...

Nhà thuốc TRUNG-TÂM

Đồng Dược-Sỹ **CHÂU-HIỀN-HỮU**
 Số 6, Bến Lê-quang-Liêm — **CHOLON**

Trị Thận Duy Nhất chỉ có :

THUỐC ĐAU LƯNG

HỒNG - NGUYỄN



Chuyên trị các chứng thận suy, đau thắt
 ngang lưng, đau xương, nhức gân, tay chân
 nhức mỏi. Có công dụng sanh tinh bổ thận,
 bền bỉ dẻo dai, các giới đều công nhận
 và khen tặng.

Đồng Dược-Sỹ kiêm Đồng Y-Sỹ
Bà DƯƠNG-XUÂN-LANG

Nhà thuốc và phòng mạch :

246, Nguyễn - Hoàng — **CHOLON**

Mỗi hộp 2 viên giá 20\$. Các tiệm thuốc Bắc đều có bán.

4 ĐƯỢC PHẨM CỦA BÁC-SĨ ĐẶNG-VĂN-HỒ

MORINDOL

TẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên-bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều nhà bác-học ngoại-quốc công-nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công-nhận *rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (Hypertention artérielle)*. Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774 — 18-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, tim hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v..* »

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »
(B. s. Đặng văn Hồ).

COQUELUCINE

Trị bằng thuốc này, bệnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Trị chứng *thở huyết* rất hiệu nghiệm và ngừa biến chứng rất hay.

Nếu bệnh nhơn không còn phải sợ chứng *khái huyết* nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc hẳn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan-y.

Bốn dược-phẩm kể trên có bán tại các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.

Bán sỉ tại 246 đường Cống-Quỳnh Saigon.

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Asphélyne



Đặc biệt trị:
• **SUYỀN**

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

**PHARMACIE
KIM-QUAN**
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

Giấy phép số 292ICDVITTINH ngày 9-10-1961

In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long Saigon

Quản-nhiệm NGUYỄN-VỸ



Tạp - chí Phê - Thông
thân chúc quý Bạn một năm
đầy vui tươi và thắng lợi



Phẩm chất và giá trị dinh dưỡng của LA-VE

LA-VE là một món uống giải nhiệt, được ưa chuộng ở mọi quốc gia vì hương vị đặc biệt của nó. Những cuộc khảo cứu và phân chất khoa học lại chứng minh tính chất bổ dưỡng của lave mà người ta đồn đại từ xưa.

Lave được kể như là một trong các món nhất dụng có giá trị sinh dưỡng quan trọng. Người ta biết rằng cần bản thức ăn chia ra làm 3 loại: — chất béo (bơ, dầu, mỡ): chất Protéine (thịt nạc, trứng, cá); chất Hydrate de carbone (đường). Trong cơ thể, mỗi phân tử thực phẩm đều được biến chất, tiêu thụ, xử dụng trong công việc nuôi dưỡng, còn căn bã thì bị loại. Chất bổ dưỡng là nguyên liệu kết hợp thành tổ-chức tế bào, thành sinh lực. Mỗi loại thực phẩm cần bản có tác dụng như sau:

Chất béo: sản xuất năng lực giúp các bắp thịt làm việc, tăng nhiệt lực, dồn mỡ để dự trữ;

Chất protéine giúp các tế bào tái tạo, sản xuất năng lực biến thành hydrate de carbone và mỡ;

Chất hydrate sản xuất năng lực, biến thành mỡ và dự trữ dưới hình thức glucogène.

Trái với 3 loại thực phẩm trên, chất rượu được máu huyết tiêu thụ ngay, không biến đổi. Rượu có công dụng giữ sức nóng của cơ thể và giúp bắp thịt làm việc.

Nhưng phẩm còn có các phụ chất: sinh tố và khoáng chất, rất cần cho bộ máy con người chạy đều. Chất Sodium và potassium giữ một vai trò trong việc điều hòa, calcium và phosphate xây dựng xương cốt, chất sắt là một yếu tố của huyết cầu. Gan dày, các nha chẻ tạo lave chú ý đến chất fluorine giúp tránh sâu hư răng — Sinh tố rất cần cho sự sống của cơ thể; mỗi loại sinh tố giữ một vai trò thiết yếu không thể thiếu dạng. Chẳng hạn như chất sinh tố thiamine thì bị thiếu, thiếu chất riboflavine bị lở da và loạn mắt, thiếu chất niacine bị xui da.

Mỗi ngày, cơ thể (của 1 người 45 tuổi, nặng 70K, cao 1m 75) cần dùng trung bình:

Calcium: 0g 8; Sinh tố A: 5000; Riboflavine: 1mg 8; Sinh tố C: 75 mg; Nhiệt lực: 3000; Protéine: 70g; Sắt 10mg; Thiamine: 1mg 5; Niacine: 20 mg.

Thành phần trung bình của la-ve như sau: Nước: 91,3%; rượu: 3,6%; tinh chất: 4,6%. Trong tinh chất có: Hydrate de carbone: 4,1; Protéines: 0,3; chất muối: 0,2; oxyde carbonique: 0,5.

Trong số khoáng chất kể trên, cứ 100g la-ve thì chứa 25 tới 35mg lân tinh, còn bao nhiêu là Calcium, Magnésium, Potassium, Sodium. Nhiệt lượng của la-ve trung bình là 159 calories cho mỗi chai 33 cl, còn số lượng sinh tố thì rất quan trọng: Sinh tố B₁: 0,010 tới 0,021 mg; B₂: 0,105 tới 0,350mg; Niacine: 1,7 tới 5mg; Acide Pantothénique: 0,140 tới 0,280 mg; B₆: 0,140 tới 0,320mg.

Khi uống la-ve ta không phải chỉ uống thứ nước hơi có bọt, thơm ngon, mà ta còn uống một số lượng khoáng chất và sinh tố rất hữu ích.

LA-VE VÀ Y-HỌC

La-ve trong trường hợp kiêng cử muối:

Các giới y-khoa nhận rằng trong mấy bệnh về tim, gan, thận, v.v... phải kiêng muối, mà trong la-ve thì rất ít chất muối. Vậy uống la-ve được trong những chứng bệnh đó; la-ve còn làm nhẹ bớt các bệnh này, vì nó khiến cho đi tiểu nhiều và nước tiểu bài tiết chất muối. Ở Thụy Điển

người ta chứng minh gần đây là la-ve giúp vào $\frac{1}{10}$ số hydrate de carbone và số calories ta phải tiêu thụ mỗi ngày.

La-ve và chứng căng thẳng thần-kinh.

Tại Đại học Yale bên Hoa Kỳ, người ta phát minh được tính chất của la-ve rất hiệu nghiệm trong việc giảm bớt sự căng thẳng của thần kinh, đó là một việc quan trọng trong đời sống phức tạp hiện nay.

Ngoài ra, y học công nhận, ngoài tính chất bổ dưỡng vì nhiều khoáng chất và sinh tố căn-bản, la-ve còn có tính chất làm lợi sữa, rất thích hợp cho các bà nuôi con, cần món ăn vừa bổ khỏe vừa tăng thêm nhiều sữa cho con mau lớn.

Giá rẻ, so với các món rượu quý và thực phẩm khó kiếm, hương vị kỳ thú, tính cách bổ dưỡng, bầy nhiều đủ chứng tỏ tại sao la-ve lại là món hàng nhất dụng được ưa chuộng ở khắp nơi trên thế giới.